

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

LUẬT BÓNG RỔ



NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

LUẬT BÓNG RỔ

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
CHỦ NHIỆM ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

V/v Ban hành Luật Bóng rổ

BỘ TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

- Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Thể dục thể thao;
- Xét yêu cầu về phát triển và nâng cao thành tích môn Bóng rổ ở Việt Nam ;
- Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Thể thao thành tích cao II.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành Luật Bóng rổ gồm: 2 Phần, 8 Chương và 50 Điều.
- Điều 2:** Luật Bóng rổ được áp dụng trong các cuộc thi đấu từ cơ sở đến toàn quốc và thi đấu quốc tế tại Việt Nam.
- Điều 3:** Các cuộc thi đấu toàn quốc có thể đề ra Điều lệ thích hợp với thực tế nhưng không được trái với các Điều ghi trong Luật này.
- Điều 4:** Luật này thay thế cho các Luật đã ban hành trước đây và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 5:** Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Thể thao thành tích cao II, Sở TDTT các Tỉnh, Thành, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban TDTT, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM

Nguyễn Danh Thái

(Đã ký)

PHẦN I

LUẬT THI ĐẤU

CHƯƠNG I: TRẬN ĐẤU

Điều 1: Định nghĩa

1.1. Trận đấu bóng rổ:

Môn Bóng rổ được thi đấu bởi hai đội, mỗi đội 5 cầu thủ (vận động viên). Mục đích của mỗi đội là ném bóng ghi điểm vào rổ đối phương và ngăn cản không cho đối phương ném bóng ghi điểm vào rổ của mình.

Trận đấu bóng rổ được điều hành bởi các trọng tài, trọng tài bàn và một giám sát trận đấu.

1.2. Rổ : Rổ của đội nhà, rổ của đối phương.

Rổ mà bị một đội tấn công là rổ của đối phương và rổ được một đội bảo vệ là rổ của chính đội nhà.

1.3. Đội thắng:

Trong một trận đấu đội nào ghi được số điểm nhiều hơn sau khi kết thúc thời gian thi đấu là đội thắng.

CHƯƠNG II :

KÍCH THUỐC SÂN VÀ TRANG THIẾT BỊ THI ĐẤU

Điều 2 : Sân thi đấu

2.1. Sân thi đấu:

Sân thi đấu là một mặt phẳng cứng, hình chữ nhật, mặt sân không có chướng ngại vật (hình 1) có kích thước như sau : Chiều dài là 28m, chiều rộng là 15m (được tính từ mép trong của đường biên).

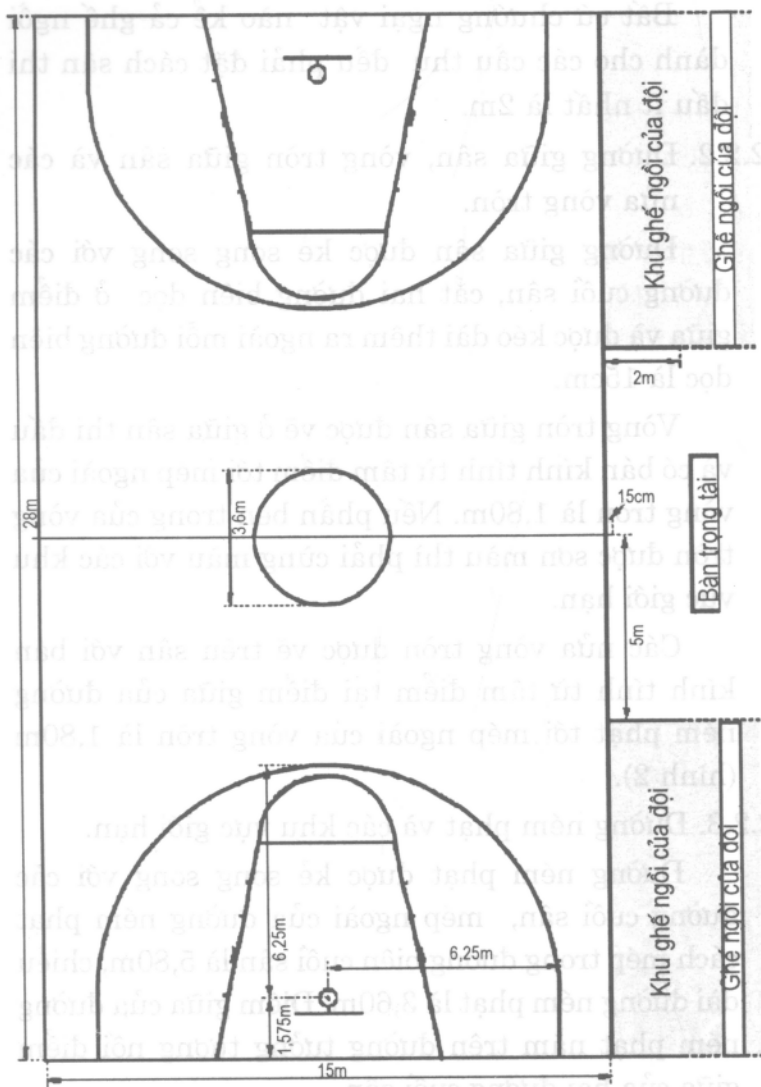
Các Liên đoàn quốc gia được quyền thay đổi kích thước sân thi đấu đối với các giải thi đấu của liên đoàn, nhưng với kích thước tối thiểu phải là : chiều dài là 26m, chiều rộng là 14m.

2.2 Đường biên:

Tất cả các đường biên được kẻ cùng một màu (thường là màu trắng), rộng 5cm và dễ nhìn.

2.2.1. Đường biên xung quanh (đường giới hạn).

Sân thi đấu được xác định bởi các đường giới hạn bao gồm các đường cuối sân (theo cạnh ngắn) và các đường biên dọc (theo cạnh dài). Những đường biên này không nằm trong sân thi đấu.



Hình 1 : Kích thước sân thi đấu.

Bất cứ chương ngại vật nào kể cả ghế ngồi dành cho các cầu thủ đều phải đặt cách sân thi đấu ít nhất là 2m.

2.2.2. Đường giữa sân, vòng tròn giữa sân và các nửa vòng tròn.

Đường giữa sân được kẻ song song với các đường cuối sân, cắt hai đường biên dọc ở điểm giữa và được kéo dài thêm ra ngoài mỗi đường biên dọc là 15cm.

Vòng tròn giữa sân được vẽ ở giữa sân thi đấu và có bán kính tính từ tâm điểm tới mép ngoài của vòng tròn là 1,80m. Nếu phần bên trong của vòng tròn được sơn màu thì phải cùng màu với các khu vực giới hạn.

Các nửa vòng tròn được vẽ trên sân với bán kính tính từ tâm điểm tại điểm giữa của đường ném phạt tới mép ngoài của vòng tròn là 1,80m (hình 2).

2.2.3. Đường ném phạt và các khu vực giới hạn.

Đường ném phạt được kẻ song song với các đường cuối sân, mép ngoài của đường ném phạt cách mép trong đường biên cuối sân là 5,80m, chiều dài đường ném phạt là 3,60m. Điểm giữa của đường ném phạt nằm trên đường tưởng tượng nối điểm giữa của hai đường cuối sân.

Khu vực giới hạn là phần mặt sân được giới

2.2.4. Khu vực 3 điểm.

Khu vực ba điểm của một đội (hình 1 và hình 3) là toàn bộ phần sân thi đấu, trừ khu vực gần rổ đối phương được giới hạn như sau :

Hai đường thẳng song song xuất phát từ đường cuối sân, vuông góc với đường cuối sân và cách điểm chiếu thẳng đứng của tâm vòng rổ đối phương là 6,25m. Khoảng cách từ điểm chiếu này tới mép trong của điểm giữa của đường cuối sân là 1,575m.

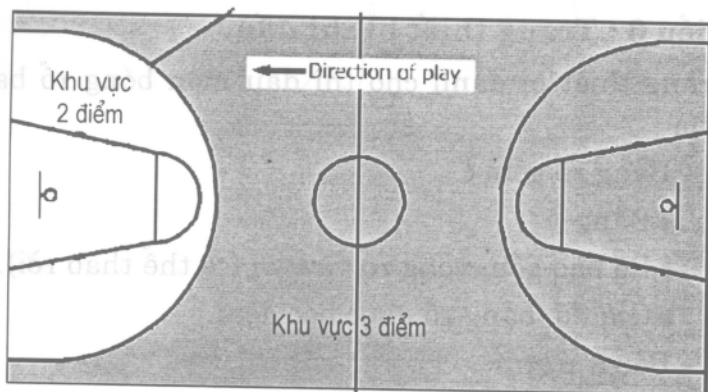
Một nửa vòng tròn có bán kính là 6,25m có tâm là điểm chiếu thẳng đứng của tâm vòng rổ sẽ tiếp xúc với hai đường song song nêu trên .

2.2.5. Khu vực ghế ngồi của đội.

Khu vực ghế ngồi của đội sẽ được bố trí ở bên ngoài sân, cùng bên với bàn trọng tài và khu ghế ngồi của các đội (hình 1).

Mỗi khu vực sẽ được giới hạn bởi một đường kéo dài từ đường cuối sân ít nhất 2m và một đường nữa cũng dài ít nhất 2m được vẽ vuông góc với đường biên và cách đường giữa sân 5 m.

Có 14 ghế được đặt trong khu vực ghế ngồi của đội dành cho các huấn luyện viên, các cầu thủ dự bị và những người đi theo đội. Bất cứ người nào khác đều phải ngồi ở phía sau khu ghế ngồi của đội và cách khu ghế ngồi của đội là 2m.



Hình 3 : Khu vực ném rổ 2 điểm / 3 điểm

2.3. Vị trí của bàn trọng tài và các ghế của cầu thủ vào thay người:

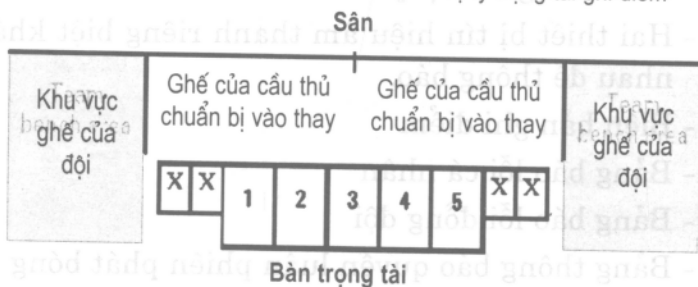
1= Trọng tài đồng hồ 24 giây

3 = Giám sát thi đấu

2= Trọng tài thời gian

4=Trọng tài ghi điểm

5=Trợ lý trọng tài ghi điểm



Hình 4 : Bàn trọng tài và ghế thay cầu thủ

Bàn của các thành viên ban trọng tài và ghế ngồi phải được bố trí trên mặt sân phẳng. Cán bộ thông tin và cán bộ thống kê (nếu có) có thể ngồi bên cạnh hoặc phía sau bàn trọng tài.

Điều 3 : Trang thiết bị thi đấu

Trang thiết bị dành cho thi đấu môn bóng rổ bao gồm :

- Bảng rổ gồm :
 - Bảng
 - Rổ bao gồm vòng rổ và lưới (có thể tháo rời).
 - Giá đỡ bảng rổ được bọc đệm.
- Bóng
- Đồng hồ thi đấu
- Bảng điểm
- Đồng hồ 24 giây
- Đồng hồ tính thời gian bóng chết hay thiết bị thích hợp (không phải là đồng hồ thi đấu) để tính thời gian hội ý.
- Hai thiết bị tín hiệu âm thanh riêng biệt khác nhau để thông báo.
- Biên bản ghi điểm
- Bảng báo lỗi cá nhân
- Bảng báo lỗi đồng đội
- Bảng thông báo quyền luân phiên phát bóng
- Sàn thi đấu
- Sân thi đấu
- Ánh sáng thích hợp.

Để có thông tin chi tiết về trang thiết bị môn bóng rổ xin xem phụ lục về các trang thiết bị.

CHƯƠNG III:
ĐỘI BÓNG

Điều 4: Đội bóng

4.1. Định nghĩa :

- 4.1.1. Cầu thủ của một đội đủ tư cách tham dự thi đấu khi cầu thủ đó đã được uỷ quyền tham dự thi đấu cho đội đó và phải phù hợp với điều luật và điều lệ, kể cả điều luật có quy định độ tuổi của Ban tổ chức cuộc thi đấu.
- 4.1.2. Cầu thủ của đội được phép tham dự thi đấu khi tên của cầu thủ đó đã được đăng ký vào tờ ghi điểm trước khi bắt đầu trận đấu và miễn là cầu thủ đó không vi phạm lỗi truất quyền thi đấu hay vi phạm 5 lỗi.
- 4.1.3. Trong thời gian thi đấu, cầu thủ của đội sẽ:
- Là cầu thủ chính thức khi cầu thủ đó ở trên sân thi đấu và được phép tham dự thi đấu.
 - Là cầu thủ dự bị khi cầu thủ đó không có mặt trên sân thi đấu nhưng được phép tham dự thi đấu.

- Là cầu thủ bị truất quyền thi đấu (bị loại) khi cầu thủ đó vi phạm 5 lỗi và không được phép tham dự thi đấu nữa.

4.1.4. Trong thời gian nghỉ giữa các hiệp, tất cả các thành viên của đội được xem xét như là các cầu thủ.

4.2. Luật quy định:

4.2.1. Mỗi đội bóng gồm có:

- Không quá 12 vận động viên được phép tham dự thi đấu bao gồm cả đội trưởng.
- Một huấn luyện viên, nếu đội có yêu cầu thì được bổ sung thêm một trợ lý huấn luyện viên.
- Tối đa 5 thành viên đi theo đội được phép ngồi tại khu vực ghế ngồi của đội và có nhiệm vụ đặc biệt (ví dụ : Lãnh đội, bác sỹ, nhân viên y tế, nhân viên xoa bóp, nhân viên thống kê, phiên dịch...).

4.2.2. Năm cầu thủ chính thức của mỗi đội ở trên sân trong thời gian thi đấu và có thể được thay thế trở thành cầu thủ dự bị.

4.2.3. Một cầu thủ dự bị trở thành cầu thủ chính thức và một cầu thủ chính thức trở thành cầu thủ dự bị khi :

- Trọng tài cho phép cầu thủ dự bị vào sân thi đấu.

- Trong thời gian hội ý hay thời gian nghỉ giữa các hiệp đấu, đề nghị thay cầu thủ phải đệ trình tới trọng tài ghi điểm.

4.3. Trang phục:

4.3.1. Trang phục thi đấu của một đội:

- Áo phải cùng màu kể cả trước và sau lưng. Tất cả các cầu thủ phải bỏ áo trong quần. Được phép mặc trang phục áo liền quần.
- Áo lót không cùng chủng loại với áo thi đấu không được mặc ở bên trong của áo thi đấu trừ trường hợp cầu thủ được phép của bác sỹ. Nếu được phép, áo mặc bên trong phải cùng màu với áo thi đấu.
- Quần thi đấu phải đồng màu ở phía trước và phía sau, nhưng không nhất thiết phải cùng màu với áo thi đấu.
- Quần trong (quần lót) dài hơn quần thi đấu có thể được mặc, nhưng phải cùng màu với quần thi đấu.

4.3.2. Cầu thủ của mỗi đội phải mặc áo có số trước ngực và sau lưng, số áo phải rõ ràng, có màu tương phản với màu áo.

Số áo phải được nhìn thấy rõ ràng, và:

- Số áo ở sau lưng có chiều cao ít nhất 20cm.
- Số áo ở trước ngực có chiều cao ít nhất 10cm.

- Chiều rộng của số áo không được nhỏ hơn 2cm.
- Các đội sử dụng số áo từ số 4 đến số 15. Đối với các cuộc thi đấu cấp quốc gia thì Liên đoàn Bóng rổ quốc gia có thể cho phép sử dụng các số áo tối đa là hai đơn vị số (đơn vị hàng chục).
- Các cầu thủ của cùng một đội không được mang số áo giống nhau.
- Bất cứ quảng cáo hay biểu tượng cũng đều phải được đặt cách số áo ít nhất 5cm.

4.3.3. Mỗi đội phải có ít nhất 2 bộ trang phục thi đấu và :

- Đội được ghi tên đầu tiên trong chương trình thi đấu (là đội chủ nhà) sẽ sử dụng trang phục thi đấu màu sáng (thích hợp nhất là màu trắng).
- Đội được ghi tên thứ hai trong chương trình thi đấu (là đội khách) sẽ sử dụng trang phục thi đấu (áo) màu tối.
- Tuy nhiên, nếu hai đội thống nhất họ có thể đổi màu trang phục thi đấu cho nhau.

4.4. Trang thiết bị khác :

4.4.1. Mọi vật dụng do các cầu thủ sử dụng phải phù hợp với trận đấu. Không được mang bất cứ vật gì được thiết kế nhằm tăng thêm chiều

cao hoặc tầm với của cầu thủ, tạo ra sự lợi thế không trung thực.

4.4.2. Các cầu thủ không được mang bất cứ vật gì gây nguy hiểm cho cầu thủ khác.

* Những vật dụng không được phép mang là:

- Các đồ bảo vệ ngón tay, bàn tay, cổ tay, khuỷu tay, cẳng tay, các vật cứng hoặc dây lưng quần làm bằng da, bằng nhựa dẻo, bằng kim loại hoặc bất cứ vật cứng nào khác, thậm chí những vật này đã được bọc lại bằng vật liệu mềm.
- Vật dụng có thể làm đứt da hoặc làm xước da (móng tay phải cắt ngắn).
- Kẹp tóc, mũ, đồ trang sức, lưới buộc tóc.

* Những vật dụng được phép mang vào sân thi đấu:

- Các đồ bảo vệ vai, cánh tay, đùi, cẳng chân, nếu những vật liệu này được bao bọc tốt.
- Bao chằng đầu gối nếu được bao phủ đúng quy định.
- Đồ bảo vệ chấn thương mũi, thậm chí được làm bằng vật liệu cứng.
- Kính đeo mắt nếu không gây nguy hiểm cho cầu thủ khác.
- Dây buộc tóc rộng tối đa 5cm, không làm

xước da và bằng vải một màu, bằng nhựa dẻo hoặc bằng cao su.

- 4.4.3. Bất kỳ vật dụng khác không đề cập trong điều luật này thì phải được phép của Ủy ban chuyên môn - Liên đoàn bóng rổ quốc tế (FIBA).

Điều 5 : Các cầu thủ chấn thương

- 5.1. Trong trường hợp có cầu thủ bị chấn thương thì trọng tài có thể cho dừng trận đấu.
- 5.2. Nếu có chấn thương xảy ra khi bóng sống. Trọng tài sẽ không thổi còi cho tới khi đội kiểm soát bóng đã ném rổ, mất quyền kiểm soát bóng, đã giữ lại bóng hoặc bóng trở thành bóng chết. Trong trường hợp cần thiết, để bảo vệ cầu thủ bị chấn thương thì trọng tài có thể dừng trận đấu ngay lập tức.
- 5.3. Nếu một cầu thủ bị chấn thương không thể tiếp tục thi đấu ngay (trong khoảng 15 giây) hoặc cần điều trị thì phải thay ngay cầu thủ bị chấn thương hay đội phải thi đấu ít hơn 5 cầu thủ.
- 5.4. Các huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên, các cầu thủ dự bị và các thành viên đi theo đội có thể vào sân thi đấu khi được phép của trọng tài để xem xét hỗ trợ cho cầu thủ bị chấn thương trước khi cầu thủ đó được thay thế.

- 5.5. Một bác sỹ có thể vào sân mà không cần sự cho phép của trọng tài nếu trong trường hợp theo sự đánh giá của bác sỹ cầu thủ bị chấn thương cần được chữa trị y tế khẩn cấp.
- 5.6. Trong trận đấu, bất cứ cầu thủ bị chảy máu hoặc có vết thương vẫn còn rỉ máu phải được thay cầu thủ khác. Cầu thủ đó chỉ có thể trở lại sân sau khi máu ngừng chảy và vùng bị thương hoặc vết thương đã được băng bó đảm bảo an toàn.
- Nếu cầu thủ bị chấn thương hay bất kỳ cầu thủ nào bị chảy máu hay vết thương vẫn còn rỉ máu mà hồi phục trong thời gian xin hội ý hoặc trong khi đồng hồ thi đấu dừng, cầu thủ đó có thể tiếp tục được thi đấu.
- 5.7. Nếu một cầu thủ bị chấn thương được ném phạt, cầu thủ thay thế sẽ thực hiện ném phạt. Cầu thủ thay thế đó không được thay ra cho đến khi anh ta thi đấu hết một pha và đồng hồ thi đấu tiếp tục chạy lại.
- 5.8. Các cầu thủ được huấn luyện viên lựa chọn thi đấu ngay từ đầu trận đấu có thể được thay ra trong trường hợp bị chấn thương. Trong trường hợp này, nếu đối đối phương mong muốn thì cũng được phép thay thế số cầu thủ dự bị như số cầu thủ của đội được thay thế.

Điều 6 : Đội trưởng - Nhiệm vụ và quyền hạn

- 6.1. Đội trưởng là một cầu thủ, đại diện cho đội mình trên sân. Đội trưởng có thể tiếp xúc với trọng tài trong quá trình thi đấu để hỏi những thông tin cần thiết với thái độ nhã nhặn và tuy nhiên chỉ khi bóng chết và đồng hồ thi đấu dừng.
- 6.2. Đội trưởng có thể hành động như huấn luyện viên.
- 6.3. Khi kết thúc trận đấu, đội trưởng sẽ thông báo cho trọng tài nếu đội có khiếu nại về kết quả của trận đấu và ký vào biên bản kết quả trận đấu ở phần được đánh dấu là chữ ký của đội trưởng trong trường hợp có khiếu nại.

Điều 7 : Huấn luyện viên - Nhiệm vụ và quyền hạn

- 7.1. Ít nhất 20 phút trước khi trận đấu bắt đầu, mỗi huấn luyện viên hay đại diện của huấn luyện viên trao cho trọng tài ghi điểm danh sách họ tên và số áo của các cầu thủ thi đấu trong trận đó cũng như tên của đội trưởng, huấn luyện viên và trợ lý huấn luyện viên. Tất cả những cầu thủ đã được đăng ký tên với trọng tài ghi điểm đều được phép tham gia thi đấu, thậm chí họ được phép đến muộn hơn sáu khi thời gian

thi đấu đã bắt đầu.

- 7.2. Ít nhất 10 phút trước trận đấu, mỗi huấn luyện viên sẽ khẳng định lại danh sách họ tên và số áo của cầu thủ đội mình, tên của các huấn luyện viên và ký tên vào tờ ghi điểm. Đồng thời cũng thông báo 5 cầu thủ tham dự thi đấu đầu tiên. Huấn luyện viên đội A sẽ cung cấp thông tin này trước.
- 7.3. Huấn luyện viên và trợ lý huấn luyện viên (cũng như các cầu thủ dự bị, và các cán bộ đi theo đội) là những người được phép và được ngồi trong khu vực ghế ngồi dành cho đội trừ khi có những điều khác đã được nêu trong điều luật này.
- 7.4. Trong thời gian thi đấu chỉ khi bóng chết và đồng hồ thi đấu đã dừng thì huấn luyện viên và trợ lý huấn luyện viên mới được phép tới bàn trọng tài để nhận những thông tin thống kê.
- 7.5. Chỉ có huấn luyện viên mới được phép đứng trong thời gian thi đấu. Huấn luyện viên có quyền thông tin cho cầu thủ bằng lời nói trong khi thi đấu nếu huấn luyện viên vẫn sát cánh bên đội ở khu vực ghế ngồi của đội.
- 7.6. Nếu có trợ lý huấn luyện viên thì phải đăng ký tên vào Biên bản ghi điểm trước khi bắt đầu trận đấu (không cần chữ ký). Anh ta sẽ phải

đảm nhận trách nhiệm và quyền hạn của huấn luyện viên nếu vì lý do nào đó huấn luyện viên không thể tiếp tục đảm nhiệm được nhiệm vụ của mình.

- 7.7. Khi đội trưởng rời khỏi sân đấu thì huấn luyện viên phải thông báo với trọng tài chính số áo của cầu thủ sẽ là đội trưởng trên sân thi đấu.
- 7.8. Đội trưởng có thể hành động như huấn luyện viên nếu không có huấn luyện viên hay huấn luyện viên không thể tiếp tục đảm đương công việc và không có trợ lý huấn luyện viên được đăng ký tên trong biên bản ghi điểm (hoặc trợ lý huấn luyện viên không thể đảm đương công việc). Nếu đội trưởng phải rời sân đấu, với bất kỳ lý do chính đáng nào, anh ta vẫn có thể tiếp tục hành động như huấn luyện viên nhưng nếu anh ta phải rời sân do mắc lỗi truất quyền thi đấu, hoặc anh ta không thể làm đội trưởng do bị chấn thương, không thể đảm nhận vai trò huấn luyện viên thì lúc này người đội trưởng có thể thay thế hành động như huấn luyện viên.
- 7.9. Huấn luyện viên có thể chỉ định cầu thủ ném phạt trong tất cả những trường mà ở đó các điều luật không xác định cầu thủ ném phạt.

CHƯƠNG IV:
LUẬT THI ĐẤU

Điều 8 : Thời gian thi đấu, trận đấu hoà và hiệp phụ

- 8.1. Trận đấu bao gồm bốn hiệp mỗi hiệp 10 phút.
- 8.2. Thời gian nghỉ giữa hiệp 1 và hiệp 2, nghỉ giữa hiệp 3 và hiệp 4 và giữa các hiệp phụ đều là 2 phút.
- 8.3. Thời gian nghỉ giữa hiệp 2 và hiệp 3 là 15 phút.
- 8.4. Thời gian chuẩn bị trước khi bắt đầu trận đấu là 20 phút.
- 8.5. Thời gian nghỉ giữa trận đấu bắt đầu như sau :
 - 20 phút trước khi trận đấu bắt đầu.
 - Khi đồng hồ thi đấu thông báo kết thúc thời gian hiệp đấu.
- 8.6. Thời gian nghỉ giữa trận đấu kết thúc như sau:
 - Vào thời điểm bắt đầu của hiệp đấu thứ nhất sau khi một cầu thủ chạm bóng đúng luật trong nhảy tranh bóng.

- Vào thời điểm bắt đầu các hiệp đấu tiếp theo khi một cầu thủ trên sân thi đấu chạm bóng đúng luật sau khi phát bóng.

8.7 Nếu trận đấu có tỉ số hoà khi kết thúc thời gian thi đấu của hiệp thứ tư, thì trận đấu được tiếp tục bằng các hiệp phụ, thời gian của mỗi hiệp phụ là 5 phút để trận đấu có tỷ số thắng thua cách biệt.

8.8. Nếu lỗi vi phạm xảy ra vừa đúng lúc đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh thông báo kết thúc thời gian thi đấu thì các quả ném phạt sẽ được thực hiện ngay sau khi kết thúc thời gian thi đấu.

8.9. Nếu các quả ném phạt được thực hiện trong thời gian hiệp phụ thì tất cả các lỗi xảy ra sau khi kết thúc thời gian thi đấu sẽ được xem là các lỗi xảy ra trong thời gian nghỉ giữa hiệp đấu và các quả ném phạt sẽ được tiến hành khi bắt đầu hiệp đấu tiếp theo.

Điều 9: Bắt đầu, kết thúc hiệp đấu và trận đấu

9.1. Hiệp đấu thứ nhất bắt đầu khi một cầu thủ nhả tranh bóng chạm bóng đúng luật.

9.2. Tất cả các hiệp đấu khác bắt đầu khi một cầu

thủ trên sân chạm bóng hay được chạm đúng luật sau quả phát bóng biên.

9.3. Trận đấu không thể bắt đầu nếu một đội không có 5 cầu thủ sẵn sàng thi đấu trên sân.

9.4. Đối với tất cả các trận đấu đội được ghi tên nêu đầu tiên trong chương trình (đội chủ nhà) sẽ được ngồi ở khu vực ghế ngồi và bảo vệ rổ ở bên trái của bàn trọng tài.

Tuy nhiên, nếu hai đội liên quan đều thống nhất với nhau thì có thể thay đổi khu ghế ngồi và rổ của đội cho nhau.

9.5. Trước khi bắt đầu thi đấu hiệp thứ nhất và hiệp thứ ba, các đội đều được phép khởi động ở nửa sân đặt rổ của đội đối phương.

9.6. Các đội phải đổi sân ở nửa thời gian thi đấu sau của trận đấu (hiệp thứ 3).

9.7. Trong tất cả các hiệp phụ, các đội sẽ tiếp tục thi đấu theo hướng rổ như trong hiệp đấu thứ 4.

9.8. Thời gian thi đấu của một hiệp đấu, hiệp phụ hay trận đấu sẽ kết thúc khi đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh thông báo kết thúc thời gian thi đấu.

Điều 10 : Tình trạng của bóng

10.1. Bóng có thể là bóng sống hay bóng chết.

10.2. Bóng trở thành bóng sống trong khi :

- Nhảy tranh bóng, bóng được một cầu thủ nhảy tranh bóng chạm bóng đúng luật.
- Thực hiện quả ném phạt, bóng được trao cho cầu thủ ném phạt ở vị trí ném phạt.
- Thực hiện quả phát bóng biên, bóng được trao cho cầu thủ phát bóng ở vị trí phát bóng biên.

10.3. Bóng trở thành bóng chết khi :

- Quả ném rổ được tính điểm hay quả ném phạt đã được thực hiện.
- Có tiếng còi của trọng tài trong khi bóng sống.
- Quả ném phạt chắc chắn bóng không vào rổ và được tiếp tục bằng :
 - Một quả ném phạt khác;
 - Thêm một quả ném phạt hay nhiều quả ném phạt khác hay quả phát bóng.
- Đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh kết thúc thời gian một hiệp đấu.
- Đồng hồ 24 giây phát tín hiệu âm thanh trong khi một đội đang kiểm soát bóng sống.
- Bóng đang bay trong một lần ném rổ và một cầu thủ của một trong hai đội chạm vào bóng khi :

- Trọng tài thổi còi.
 - Đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh thông báo kết thúc thời gian thi đấu của một hiệp.
 - Đồng hồ 24 giây phát tín hiệu âm thanh.
- 10.4. Bóng không trở thành bóng chết và điểm được tính nếu thực hiện khi:
- Bóng đang bay trên không trong lần ném rổ ghi điểm và :
 - Trọng tài thổi còi.
 - Đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh báo kết thúc thời gian thi đấu của một hiệp.
 - Đồng hồ 24 giây phát tín hiệu âm thanh.
 - Bóng bay trên không trong lần ném phạt khi trọng tài thổi còi vì bất kỳ cầu thủ nào của hai đội trừ cầu thủ ném phạt vi phạm các điều luật khác.
 - Đối phương phạm lỗi trong khi bóng vẫn ở trong tầm kiểm soát của cầu thủ có động tác ném rổ với hoạt động liên tục trước khi có lỗi xảy ra.
- Điều khoản này không áp dụng và điểm sẽ không được tính nếu trọng tài thổi còi khi:
- Đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh thông báo kết thúc thời gian thi đấu của một hiệp đấu.

- Đồng hồ 24 giây phát tín hiệu âm thanh.
- Động tác ném rổ mới được thực hiện.

Điều 11 : Vị trí của cầu thủ và trọng tài

- 11.1. Vị trí của cầu thủ được xác định bởi vị trí mà cầu thủ đang tiếp xúc mặt sân. Khi một cầu thủ nhảy lên trên không, vị trí được xác định là vị trí cầu thủ đã chạm mặt sân trước khi bật nhảy, được tính bao gồm đường biên, đường giữa sân, đường ba điểm, đường ném phạt và những đường giới hạn của khu vực ném phạt.
- 11.2. Vị trí trọng tài được xác định giống như cách xác định vị trí của cầu thủ. Khi bóng chạm trọng tài cũng giống như bóng chạm sân ở vị trí của trọng tài.

Điều 12: Nhảy tranh bóng và quyền sở hữu bóng luân phiên

- 12.1. Định nghĩa:
- 12.1.1. Một lần nhảy tranh bóng được thực hiện khi trọng tài tung bóng giữa hai đối thủ ở vòng tròn giữa sân khi bắt đầu hiệp đấu đầu tiên.
- 12.1.2. Giữ bóng diễn ra khi có một hoặc nhiều cầu thủ của cả hai đội dùng một hoặc hai tay cùng giữ chặt bóng mà không có cầu thủ nào

giành được quyền kiểm soát bóng và không có sự thô bạo quá mức.

12.2. Thủ tục:

- 12.2.1. Khi nhảy tranh bóng, hai cầu thủ nhảy tranh bóng sẽ đứng cả hai chân trong nửa vòng tròn giữa sân gần rổ của đội mình với một bàn chân đặt gần sát với điểm giữa đường giữa sân.
- 12.2.2. Các cầu thủ cùng đội không được chiếm vị trí liền kề nhau ở xung quanh vòng tròn nếu có một cầu thủ đối phương đứng chen vào một trong những vị trí đó.
- 12.2.3. Trọng tài sẽ tung bóng lên cao (thẳng đứng) giữa hai cầu thủ, bóng được tung lên đến điểm cao nhất mà đấu thủ có thể với tới khi nhảy lên.
- 12.2.4. Bóng được chạm bằng một tay hoặc hai tay của một cầu thủ hay cả hai cầu thủ nhảy tranh bóng sau khi bóng lên đến điểm cao nhất.
- 12.2.5. Không một cầu thủ nhảy tranh bóng nào được phép di chuyển khỏi vị trí trước khi bóng được chạm đúng luật.
- 12.2.6. Không một cầu thủ nhảy tranh bóng nào được bắt bóng hay chạm bóng hơn hai lần

cho đến khi bóng được chạm vào một cầu thủ không nhảy tranh bóng hay bóng chạm sân thi đấu.

12.2.7. Nếu bóng không được chạm bởi ít nhất một trong số hai cầu thủ nhảy tranh bóng, động tác tung bóng sẽ được thực hiện lại.

12.2.8. Không được để bất cứ bộ phận nào của cơ thể cầu thủ nhảy tranh bóng chạm vạch hay vượt qua vòng tròn giữa sân (theo trục thẳng đứng) trước khi chạm vào bóng.

Vi phạm Điều 12.2.1; 12.2.4; 12.2.5; 12.2.6 và 12.2.8 là vi phạm luật.

12.3. Các tình huống nhảy tranh bóng:

+ Tình huống nhảy tranh bóng diễn ra khi :

- Hai đội cùng giữ chặt bóng.
- Bóng ra ngoài biên, trọng tài không xác định rõ hay không biết ai là cầu thủ cuối cùng chạm bóng.
- Vi phạm lỗi hai quả ném phạt, khi quả ném phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt không thành công.
- Bóng sống bị kẹt trên giá đỡ bảng rổ (trừ trường hợp ném phạt).
- Bóng chết khi không đội nào kiểm soát bóng hay đã giành được quyền kiểm soát bóng.

- Huỷ bỏ các lỗi phạt như nhau của cả hai đội, không áp dụng hình thức xử phạt nào nữa và không đội nào kiểm soát bóng hay giành được quyền kiểm soát bóng trước lỗi vi phạm hay vi phạm luật trước đó.

- Bắt đầu hiệp đấu thứ nhất.

12.4. Sở hữu bóng luân phiên:

12.4.1. Sở hữu bóng luân phiên là một biện pháp làm cho bóng trở thành bóng sống bằng một lần phát bóng vào sân hơn là phải nhảy tranh bóng.

12.4.2. Trong tất cả các tình huống nhảy tranh bóng thì cả hai đội đều có quyền sở hữu bóng luân phiên tại nơi gần nhất với nơi xảy ra tình huống nhảy tranh bóng.

12.4.3. Đội không giành được quyền kiểm soát bóng sống trên sân sau lần nhảy tranh bóng (để bắt đầu hiệp đấu đầu tiên) sẽ bắt đầu được quyền sở hữu bóng luân phiên.

12.4.4. Đội nhận được quyền sở hữu bóng luân phiên tiếp theo khi kết thúc bất kỳ hiệp đấu nào cũng sẽ bắt đầu hiệp đấu tiếp theo bằng quả ném phát bóng tại đường giữa sân kéo dài, đối diện với bàn trọng tài.

12.4.5. Quyền sở hữu bóng luân phiên.

+ Bắt đầu: Khi bóng được trao cho một cầu thủ phát bóng vào sân.

+ Kết thúc khi:

- Một cầu thủ chạm vào bóng hoặc bóng chạm vào vào một cầu thủ đúng luật.
- Đội được quyền ném phát bóng vi phạm luật
- Bóng sống bị kẹt vào giá đỡ bằng gỗ trong khi ném phát bóng.

12.4.6. Đội nhận được quyền sở hữu bóng luân phiên sẽ ném bóng vào sân và được xác định bằng mũi tên quyền sở hữu bóng luân phiên chỉ hướng tới rổ của đối phương. Hướng chỉ của mũi tên sẽ được đảo ngược lại ngay lập tức khi lần ném phát bóng kết thúc.

12.4.7. Đội nhận được quyền sở hữu bóng luân phiên mà phát bóng vi phạm luật sẽ mất quyền phát bóng. Mũi tên sở hữu bóng luân phiên sẽ đảo ngược lại ngay lập tức, đội đối phương sẽ được quyền phát bóng trong tình huống nhảy tranh bóng tiếp theo. Trận đấu sẽ được tiếp tục lại bằng việc trao bóng cho đội đối phương để phát bóng vào sân như sau lần phạm luật thông thường (Ví dụ : không phải là lần phát bóng luân phiên).

12.4.8. Lỗi không do đội nào :

- Trước khi bắt đầu một hiệp đấu không phải là hiệp đấu đầu tiên.
- Trong quá trình sở hữu quyền phát bóng luân phiên.

Nếu lỗi xảy ra trong lần phát bóng đầu tiên để bắt đầu một hiệp đấu, sau khi bóng đã được trao cho cầu thủ phát bóng nhưng trước khi bóng chạm vào một cầu thủ khác trên sân thì lỗi được coi là đã xảy ra trong thời gian thi đấu và sẽ bị phạt theo luật.

Điều 13: Cách chơi bóng

13.1. Định nghĩa:

Trong trận đấu, bóng chỉ được chơi bằng tay, có thể chuyền, ném, vỗ, lăn hay dẫn bóng theo bất cứ hướng nào nếu không vi phạm vào quy định trong những điều luật này.

13.2. Luật quy định:

13.2.1. Chạy dẫn bóng, đá bóng hay chặn bóng bằng bất cứ bộ phận nào của chân hay cố tình đấm bóng là vi phạm luật. Tuy nhiên, vô tình tiếp xúc với bóng bằng bất cứ bộ phận nào của chân thì đều không coi là phạm luật.

13.2.2. Đưa tay từ phía dưới qua vòng cổ và chạm

vào bóng trong khi chuyền hay ném rổ bật bằng là vi phạm luật.

Điều 14: Kiểm soát bóng

14.1. Một đội đang kiểm soát bóng khi một cầu thủ của đội đó đang giữ bóng, đang dẫn bóng hay có bóng sống tại vị trí của cầu thủ đó.

14.2. Đội tiếp tục kiểm soát bóng khi :

- Một cầu thủ của đội đang kiểm soát bóng sống.
- Bóng đang được chuyền giữa các cầu thủ của đội.

14.3. Đội mất quyền kiểm soát bóng khi :

- Đối phương giành được quyền kiểm soát bóng.
- Bóng trở thành bóng chết.
- Bóng rời khỏi tay cầu thủ ném rổ hay ném phạt.

Điều 15: Động tác ném rổ

15.1. Động tác ném rổ hay ném phạt là khi bóng được cầm trong một hoặc hai tay của cầu thủ rồi ném lên trên không hướng về rổ của đối phương.

Động tác vỗ bóng là khi bóng được đẩy bằng một

hoặc hai tay hướng tới rổ của đối phương.

Động tác nhấn bóng là khi bóng bị áp lực úp bằng một hoặc hai tay vào trong rổ của đối phương.

Động tác đẩy bóng và động tác nhấn bóng cũng được xem như các động tác ném rổ để ghi điểm.

15.2. Động tác ném rổ như sau:

- Bắt đầu khi một cầu thủ có động tác chuyển động liên tục bình thường trước khi bóng rời tay có động tác ném rổ và theo nhận định của trọng tài là cầu thủ đã bắt đầu cố gắng ghi điểm bằng cách ném, nhấn hoặc vỗ bóng về phía rổ của đối phương.

- Kết thúc khi bóng đã rời tay cầu thủ, trong trường hợp cầu thủ bật nhảy ném rổ thì động tác ném rổ kết thúc khi cả hai chân của cầu thủ ném rổ đã trở về chạm mặt sân thi đấu.

- Cầu thủ cố gắng ghi điểm có thể bị cầu thủ đối phương giữ tay nhằm ngăn cản việc ghi điểm, thậm chí cầu thủ đó được xem là đã cố gắng ghi điểm. Trong trường hợp này không cần thiết là bóng rời tay cầu thủ.

Số bước di chuyển hợp luật không liên quan tới động tác ném rổ.

15.3. Chuyển động liên tục của động tác ném rổ như sau:

- Khi cầu thủ cầm bóng bằng một hoặc hai tay đã bắt đầu động tác hướng lên trên cao để ném rổ.
- Có thể bao gồm chuyển động của một hay hai cánh tay hoặc cơ thể của cầu thủ ném rổ để cố gắng ném rổ.
- Kết thúc khi toàn bộ một động tác ném rổ mới được thực hiện.

Điều 16: Bóng được tính điểm và số điểm

16.1. Định nghĩa:

- 16.1.1. Bóng được tính điểm là khi một quả bóng sống lọt vào trong rổ từ phía trên và ở bên trong rổ hay lọt qua rổ.
- 16.1.2. Bóng được công nhận là vào rổ khi bóng nằm trong vòng rổ và nằm dưới vòng rổ.

16.2. Luật quy định :

- 16.2.1. Trong thi đấu, bóng của đội tấn công ném vào rổ đối phương được tính điểm như sau:
 - Một quả ném phạt được tính một điểm.
 - Bóng vào rổ từ khu vực 2 điểm được tính 2 điểm.
 - Bóng vào rổ từ khu vực 3 điểm thì được tính 3 điểm.
 - Khi thực hiện quả ném phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt, bóng chạm vào vòng

rổ trong một khoảnh khắc rồi được chạm đúng luật bởi một cầu thủ tấn công hay một cầu thủ phòng ngự trước khi vào rổ thì được tính 2 điểm.

- 16.2.2. Nếu một cầu thủ vô tình đẩy bóng vào rổ của mình thì sẽ bị tính hai điểm và điểm này được tính cho đội trưởng của đội đối phương.
- 16.2.3. Nếu một cầu thủ cố tình ném bóng vào rổ của đội mình, là phạm luật và bóng không được tính điểm.
- 16.2.4. Nếu một cầu thủ cố tình ném bóng vào rổ từ phía dưới rổ là phạm luật.

Điều 17: Phát bóng biên

17.1. Định nghĩa:

- 17.1.1. Một quả phát bóng biên diễn ra khi bóng được một cầu thủ đứng ở mép ngoài đường biên chuyển vào trong sân thi đấu.

17.2. Thủ tục:

- 17.2.1. Trọng tài phải đưa hay đặt bóng tại khu vực của cầu thủ thực hiện phát bóng. Trọng tài có thể tung hay chuyển bóng bật sân thi đấu cho một cầu thủ thực hiện phát bóng biên với điều kiện :
 - Trọng tài đứng cách cầu thủ phát bóng biên

không quá 4m.

- Cầu thủ phát bóng biên đứng đúng vị trí theo sự hướng dẫn của trọng tài.

17.2.2. Cầu thủ sẽ thực hiện quả phát bóng biên tại vị trí gần nhất với nơi vi phạm luật theo sự hướng dẫn của trọng tài hay nơi trận đấu vừa bị dừng lại ngoại trừ ở phía sau băng rổ.

17.2.3. Thực hiện quả phát bóng biên tại đường giữa sân kéo dài, đối diện với bàn trọng tài trong các trường hợp: Bắt đầu tất cả các hiệp đấu ngoại trừ hiệp đấu thứ nhất, sau khi vi phạm các lỗi kỹ thuật, lỗi phản tinh thần thể thao hay lỗi truất quyền thi đấu, bất kể là một quả phạt hay quả phạt cuối cùng đã vào rổ hay không vào rổ. Cầu thủ phải đặt một chân vào một bên của đường giữa sân kéo dài và sẽ được phép chuyển bóng cho đồng đội ở bất cứ vị trí nào trên sân thi đấu.

17.2.4. Sau một lỗi cá nhân của đội đang kiểm soát bóng sống hay đội được quyền phát bóng biên thì đội không phạm lỗi sẽ được phát bóng biên gần nơi vi phạm lỗi nhất.

17.2.5. Bất cứ quả ném rổ hay ném phạt nào mà bóng vào rổ nhưng không được tính điểm thì sẽ thực hiện quả phát bóng biên tại đường

ném phạt được kéo dài.

17.2.6. Sau quả ném rỏ hoặc chỉ một quả ném phạt hay quả ném phạt cuối cùng thành công thì:

- Bất cứ cầu thủ nào của đội bị ghi bàn thắng sẽ được phát bóng vào sân từ bất kỳ điểm nào ở ngoài đường cuối sân nơi bóng vừa vào rỏ được tính điểm.
- Điều này cũng được áp dụng sau khi trọng tài trao bóng hoặc đặt bóng tại vị trí cho cầu thủ phát bóng biên hay sau lần hội ý hoặc khi ngừng trận đấu khi ném rỏ hay ném phạt được tính điểm.
- Cầu thủ thực hiện quả phát bóng biên có thể di chuyển về phía sau và bóng có thể được chuyển cho các thành viên của đội từ đường cuối sân nhưng không quá 5 giây ngay khi bóng được trao cho cầu thủ đầu tiên ở ngoài biên.

17.3. Luật quy định:

17.3.1. Cầu thủ phát bóng biên không được vi phạm các quy định sau:

- Giữ bóng quá 5 giây trước khi bóng rời tay.
- Bước vào trong sân khi bóng còn trên tay.
- Sau khi bóng đã rời tay cầu thủ phát bóng chạm ngoài đường biên.

- Chạm bóng trên sân trước khi bóng chạm một cầu thủ khác.
- Ném bóng trực tiếp vào rổ.
- Từ một vị trí đã được trọng tài chỉ định, cầu thủ phát bóng không được di chuyển sang một bên quá 1m hay di chuyển theo hai bên trước khi hoặc trong khi bóng rời tay.

17.3.2. Những cầu thủ khác sẽ không được :

- Có bất kỳ phần thân thể nào vượt qua khỏi đường biên trước khi bóng được chuyền qua đường biên.
- Đứng cách cầu thủ phát bóng biên dưới 1m và không có bất cứ chướng ngại vật nào tại khu vực phát bóng, nếu có chướng ngại vật thì phải đặt cách đường biên ít nhất là 2m.

Vì phạm Điều 17.3 là vi phạm luật.

17.4. Xử phạt:

Bóng được trao cho đối phương phát bóng biên tại vị trí vừa mới phát bóng vào sân.

Điều 18: Hội ý

18.1. Định nghĩa:

Hội ý là thời gian bị gián đoạn của một trận đấu được yêu cầu bởi huấn luyện viên hay trợ lý huấn luyện viên của một đội.

18.2. Luật quy định:

18.2.1. Thời gian của mỗi lần hội ý không quá một phút.

18.2.2. Cơ hội cho một lần hội ý được bắt đầu khi :

- Bóng trở thành bóng chết, đồng hồ thi đấu dừng lại và trọng tài kết thúc việc thông báo với bàn trọng tài.
- Nếu một quả ném rổ được tính điểm, thì cơ hội xin hội ý dành cho đội không ghi điểm.

18.2.3. Cơ hội cho một lần hội ý kết thúc khi:

- Bóng được trao cho cầu thủ thực hiện phát bóng phạt hoặc quả ném phạt thứ nhất.
- Bóng được đặt ở vị trí của một cầu thủ phát bóng biên.

18.2.4. Trong nửa đầu trận đấu (hiệp 1 và hiệp 2) mỗi đội được hội ý hai lần và nửa sau của trận đấu (hiệp 3 và hiệp 4) mỗi đội được xin hội ý 3 lần và được xin hội ý một lần ở mỗi hiệp phụ.

18.2.5. Các lần xin hội ý không được sử dụng trong mỗi hiệp đấu sẽ không được chuyển sang các hiệp đấu tiếp theo và các hiệp phụ.

18.2.6. Một lần hội ý sẽ dành cho đội có huấn luyện viên đã có yêu cầu xin hội ý trước trừ khi lần hội ý được trao sau khi đội đối phương ném

rõ được tính điểm và không mắc lỗi.

18.3. Thủ tục:

18.3.1. Chỉ có huấn luyện viên hoặc trợ lý HLV mới có quyền xin hội ý. Huấn luyện viên sẽ đến bên bàn trọng tài và nói rõ “Xin hội ý” đồng thời làm dấu hiệu xin hội ý bằng tay với bàn trọng tài.

18.3.2. Yêu cầu xin hội ý có thể được huỷ bỏ chỉ trước khi tín hiệu của trọng tài ghi điểm phát tín hiệu về yêu cầu xin hội ý.

18.3.3. Hội ý như sau :

- Bắt đầu khi trọng tài thổi còi và đưa ra ký hiệu hội ý.
- Kết thúc khi trọng tài thổi còi và gọi hai đội trở lại sân thi đấu.

18.3.4. Ngay khi lần hội ý bắt đầu, trọng tài ghi điểm sẽ phát tín hiệu để thông báo với trọng tài là yêu cầu xin hội ý đã được xác lập.

Nếu bóng vào rõ đội có yêu cầu xin hội ý, trọng tài thời gian sẽ dừng đồng hồ thi đấu và phát tín hiệu âm thanh.

18.3.5. Trong thời gian hội ý (và trong thời gian nghỉ giữa trước khi bắt đầu hiệp đấu thứ 2 hoặc thứ 4 hoặc mỗi hiệp phụ) các cầu thủ có thể rời sân đấu và ngồi vào khu vực ghế ngồi

của đội và những người được phép ở trong khu vực ghế ngồi của đội cũng có thể được vào sân thi đấu nếu các thành viên của đội vẫn ở gần khu vực ghế ngồi của đội.

18.4. Những giới hạn xin hội ý:

18.4.1. Không cho phép hội ý giữa hay sau một hoặc nhiều quả ném phạt của một lần xử phạt cho đến khi bóng trở thành bóng chết lần nữa khi đồng hồ thi đấu chạy trở lại.

Ngoại trừ:

- Khi có một lỗi xảy ra giữa những quả ném phạt. Trong trường hợp này sẽ cho ném xong những quả phạt và cho hội ý trước khi tiến hành xử phạt lỗi mới.
- Khi có lỗi xảy ra trước khi bóng sống trở lại sau quả ném phạt cuối hay chỉ có một quả phạt. Trong trường hợp này sẽ cho hội ý trước khi tiến hành phạt lỗi mới.
- Khi có vi phạm luật trước khi bóng trở thành bóng sống sau quả ném phạt cuối hay một quả ném phạt. Trong trường hợp này sẽ được phép hội ý trước khi thực hiện phát bóng.

Trong trường hợp có nhiều đợt ném phạt do xử phạt nhiều lỗi, mỗi đợt ném phạt sẽ được

tiến hành xử lý riêng biệt.

- 18.4.2. Không cho đội ném rổ ghi điểm được hội ý khi đồng hồ thi đấu đã dừng sau quả ném rổ thành công ở hai phút cuối của hiệp đấu thứ 4 hay hai phút cuối cùng của mỗi hiệp phụ, trừ khi trọng tài đã dừng trận đấu.

Điều 19: Thay người

19.1. Định nghĩa:

Là sự yêu cầu tạm dừng trận đấu để thay đổi cầu thủ dự bị.

19.2. Luật quy định :

- 19.2.1. Một đội có thể thay đổi một cầu thủ hay nhiều cầu thủ trong một lần thay người.

19.2.2. Một cơ hội thay người được bắt đầu khi :

- Bóng trở thành bóng chết, đồng hồ thi đấu đã dừng và trọng tài đã kết thúc giao tiếp với bàn trọng tài.
- Đội không ghi điểm ở 2 phút cuối cùng của hiệp thứ tư hay 2 phút cuối cùng của các hiệp thi đấu phụ.

19.2.3. Một cơ hội thay người kết thúc khi :

- Bóng ở vị trí thuộc một cầu thủ chuẩn bị ném quả phạt thứ nhất hay chỉ một quả phạt.

- Bóng ở vị trí cầu thủ chuẩn bị phát bóng biên.

19.2.4. Một cầu thủ trở thành cầu thủ dự bị và một cầu thủ dự bị trở thành cầu thủ chính thức không được phép trở vào sân tham gia thi đấu hay rời sân đấu ngay mà phải chờ cho đến khi bóng lại trở thành bóng chết và sau khi đồng hồ thi đấu tiếp tục chạy trở lại.

Ngoại trừ :

- Đội có ít hơn 5 cầu thủ trên sân thi đấu.
- Cầu thủ có liên quan tới việc bị phạt lỗi đang ngồi trên ghế dự bị sau khi được thay người đúng luật.
- Cầu thủ bị chấn thương, đang được chữa trị hay vết thương đang bị dỉ máu và hồi phục trong thời gian nghỉ.

19.3. Thủ tục:

19.3.1. Một cầu thủ dự bị có quyền yêu cầu thay người. Cầu thủ đó sẽ đến bàn trọng tài và nói rõ yêu cầu xin thay người, đưa ra ký hiệu thích hợp bằng tay hay ngồi vào ghế thay người. Cầu thủ đó phải chuẩn bị sẵn sàng cho thi đấu ngay.

19.3.2. Việc thay người có thể được huỷ bỏ chỉ trước khi tín hiệu âm thanh của trọng tài ghi điểm

đã phát tín hiệu cho yêu cầu thay người đó.

- 19.3.3. Ngay khi nhận được yêu cầu thay người, một cơ hội thay người bắt đầu, trọng tài ghi điểm sẽ thông báo cho các trọng tài bằng tín hiệu âm thanh.
- 19.3.4. Cầu thủ dự bị sẽ đứng ở ngoài đường biên cho đến khi trọng tài đưa ra ký hiệu thay người và ra hiệu cho phép vào sân thi đấu.
- 19.3.5. Cầu thủ đã bị thay ra được phép đi thẳng đến khu vực ghế ngồi của đội mà không cần phải thông báo cho trọng tài ghi điểm hay trọng tài.
- 19.3.6. Việc thay người phải được thực hiện nhanh chóng. Một cầu thủ vi phạm lỗi thứ năm hay đã bị truất quyền thi đấu thì phải được thay ngay (trong khoảng 30 giây). Nếu trọng tài cho rằng sự trì hoãn không có lý do, sẽ tính cho đội vi phạm một lần hội ý. Nếu không tính lần hội ý thì tính một lỗi kỹ thuật 'B' và lỗi này được ghi đối với huấn luyện viên của đội vi phạm.
- 19.3.7. Nếu việc thay người được yêu cầu trong thời gian hội ý hay trong thời gian nghỉ giữa hiệp, cầu thủ vào thay phải báo cáo cho trọng tài ghi điểm trước khi vào sân đấu.

19.3.8. Cầu thủ ném phạt có thể được thay như sau:

- Việc yêu cầu thay người phải được tiến hành trước khi cơ hội thay người kết thúc đối với quả ném phạt đầu tiên hay chỉ một quả ném phạt.
- Bóng trở thành bóng chết sau quả ném phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt.

19.3.9. Cầu thủ ném phạt được thay khi :

- Cầu thủ đó bị chấn thương.
- Cầu thủ đó vi phạm lỗi thứ năm.
- Cầu thủ đó bị truất quyền thi đấu.

Nếu cầu thủ ném phạt được thay sau khi bóng trở thành bóng chết sau quả ném phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt, đối phương cũng có thể được thay một cầu thủ với điều kiện việc yêu cầu thay người đó được thực hiện trước khi bóng trở thành bóng sống của quả ném phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt.

19.4. Những hạn chế :

19.4.1. Không được thay người giữa hay sau một quả hay nhiều quả ném phạt, của một lần xử phạt lỗi cho đến khi bóng trở thành bóng chết lần nữa, sau khi đồng hồ thi đấu đang tiếp tục tính thời gian.

Ngoại trừ :

- Một lỗi vi phạm giữa các lần ném phạt. Trong trường hợp này các quả ném phạt sẽ được hoàn thành và việc thay người sẽ được tiến hành trước khi tiến hành xử phạt lỗi mới.
- Một lỗi vi phạm trước khi bóng trở thành bóng sống sau quả ném phạt cuối cùng hay một quả ném phạt. Trong trường hợp này việc thay người sẽ được phép tiến hành trước khi xử phạt lỗi mới.
- Một lỗi vi phạm khi bóng trở thành bóng sống sau quả ném phạt cuối cùng hay một quả ném phạt. Trong trường hợp này thay người sẽ được tiến hành trước khi thực hiện phát bóng.

Trong những trường hợp có nhiều đợt ném phạt do xử phạt nhiều lỗi thì mỗi lần xử phạt sẽ được xử lý riêng biệt.

- 19.4.2. Việc thay người sẽ không được phép đối với đội ghi điểm khi đồng hồ thi đấu đã dừng lại sau quả ném rổ thành công ở hai phút cuối cùng của hiệp thi đấu thứ tư hay hai phút cuối của các hiệp phụ trừ khi trọng tài cho dừng trận đấu hay đội không ghi điểm được quyền thay người.

Điều 20: Đội thua vì bị truất quyền thi đấu

20.1. Luật quy định :

Một đội bị thua cuộc vì bị truất quyền thi đấu nếu:

- 15 phút sau khi bắt đầu trận đấu, đội nào không có mặt hoặc không đủ năm (5) cầu thủ sẵn sàng thi đấu trên sân.
- Có những hành động nhằm ngăn cản trận đấu.
- Từ chối thi đấu sau khi được trọng tài giải thích về sự việc xảy ra.

20.2. Xử phạt:

20.2.1. Đội đối phương sẽ thắng với tỉ số điểm là 20/0. Hơn nữa, đội bị truất quyền thi đấu sẽ nhận 0 (không) điểm trong bảng xếp hạng.

20.2.2. Đối với cuộc thi đấu có trận lượt đi và lượt về (sân nhà - sân khách) tính tổng số điểm hay đối với cuộc thi đấu thêm để chọn đội tốt nhất trong ba đội thì đội bị truất quyền thi đấu trong trận thi đấu thứ nhất, thứ hai hay thứ ba sẽ bị loại khỏi loạt đấu tranh giải hoặc đấu thêm do bị truất quyền thi đấu. Điều này không áp dụng trong đấu loại vòng bảng 5 đội.

Điều 21: Đội thua vì bỏ cuộc

21.1. Luật quy định :

Một đội sẽ bị xử thua vì bỏ cuộc nếu trong trận

đấu một đội có số cầu thủ ít hơn đội đối phương hai cầu thủ trên sân thi đấu.

21.2. Xử phạt:

21.2.1. Nếu đội đang dẫn điểm được xử thắng cuộc thì sẽ giữ nguyên số điểm ở thời điểm trận đấu bị dừng lại. Nếu đội đang thua điểm lại được xử thắng thì tỉ số điểm sẽ được ghi là 2/0. Đội bỏ cuộc sẽ được 1 điểm trong bảng xếp hạng.

21.2.2. Đối với cuộc thi đấu hai lượt (sân nhà - sân khách) thì tổng số điểm của đội bỏ cuộc trong trận đấu đầu tiên hoặc trận đấu thứ hai sẽ bị mất điểm vì “Bỏ cuộc”.

CHƯƠNG V :
PHẠM LUẬT

Điều 22: Phạm Luật

22.1. Định nghĩa:

Phạm luật là sự vi phạm những điều luật.

22.2. Xử phạt :

Bóng được trao cho đối phương để phát bóng biên ở vị trí gần nơi diễn ra vi phạm luật nhất, ngoại trừ ở sau bảng rổ và các quy định được ghi trong điều luật.

Điều 23: Cầu thủ ở ngoài biên và bóng ngoài biên

23.1. Định nghĩa:

23.1.1. Một cầu thủ ở ngoài biên khi có một phần thân thể tiếp xúc mặt sân ngoài đường biên hoặc chạm vật gì khác ở trên không hoặc ở ngoài đường biên.

23.1.2. Bóng ở ngoài đường biên khi bóng chạm:

- Một cầu thủ hoặc một người khác ở ngoài biên.

- Ở ngoài sân hoặc vật gì ở ngoài sân, ở trên không hoặc ngoài đường biên.
- Giá đỡ bảng rõ hoặc mặt sau của bảng hay bất cứ vật gì ở phía trên cao sân thi đấu.

23.2. Luật quy định:

- 23.2.1. Bóng ra biên do cầu thủ sau cùng chạm bóng hay bị bóng chạm trước khi bóng ra biên, thậm chí bóng chạm vào bất cứ vật gì khác không phải là một cầu thủ.
- 23.2.2. Nếu bóng ra ngoài biên bởi một cầu thủ chạm vào ở trong sân hay ngoài đường biên thì cầu thủ đó là người làm bóng ra biên.
- 23.2.3. Nếu một hoặc nhiều cầu thủ di chuyển tới khu vực không được phép hoặc tới sân sau của đội mình khi có bóng trong tay thì thực hiện nhảy tranh bóng.

Điều 24: Luật dẫn bóng

24.1. Định nghĩa:

- 24.1.1. Một lần dẫn bóng bắt đầu khi một cầu thủ giành được quyền kiểm soát bóng sống trên sân, ném, đập, lăn hoặc dẫn bóng trên mặt sân và chạm bóng một lần nữa trước khi bóng chạm đầu thủ khác.
- Lăn dẫn bóng được kết thúc khi hai tay cầu

thủ đồng thời chạm bóng hoặc bóng nằm trong một hoặc cả hai tay.

- Trong khi dẫn bóng có thể ném bóng vào không khí với điều kiện là bóng chạm mặt sân hay cầu thủ khác trước khi tay của cầu thủ dẫn bóng đó chạm bóng lần nữa.
- Không có giới hạn số bước của một cầu thủ khi bóng không tiếp xúc với tay của cầu thủ.

24.1.2. Một cầu thủ bất ngờ tuột bóng và sau đó giành lại được quyền kiểm soát bóng sống trên sân được xem là sự vụng về với bóng.

24.1.3. Không coi là dẫn bóng trong các trường hợp sau:

- Ném rõ thành công.
- Vụng về với bóng khi bắt đầu hoặc kết thúc lần dẫn bóng.
- Cố gắng giành quyền kiểm soát bóng bằng cách hất bóng trong khi tranh giành bóng với cầu thủ khác.
- Hất bóng khỏi quyền kiểm soát bóng của cầu thủ khác.
- Cất một đường chuyền và giành quyền kiểm soát bóng.
- Tung bóng từ tay này sang tay kia và bắt

bóng trước khi bóng chạm mặt sân, nhưng không được phạm luật chạy bước.

24.2. Luật quy định :

Một cầu thủ không được dẫn bóng lần thứ hai sau khi đã kết thúc lần dẫn bóng thứ nhất, trừ khi giữa hai lần dẫn bóng cầu thủ đó mất quyền kiểm soát bóng do:

- Một lần ném rổ.
- Bóng chạm một cầu thủ đối phương.
- Chuyển bóng hoặc vụng về khi chạm hay bị chạm bởi một cầu thủ khác.

Điều 25: Luật chạy bước

25.1. Định nghĩa:

25.1.1. Chạy bước là di chuyển trái luật theo bất kỳ hướng nào của một hoặc cả hai chân vượt quá những quy định của điều luật này trong khi đang cầm bóng sống trên sân.

25.1.2. Một chân trụ được xác định khi một cầu thủ cầm bóng sống trên sân bước một bước hoặc nhiều bước về bất kỳ hướng nào với cùng một chân trong khi chân kia được giữ ở điểm tiếp xúc với mặt sân thì gọi là chân trụ.

25.2. Luật quy định :

25.2.1. Hình thành chân trụ đối với một cầu thủ bất

bóng sống trên sân khi:

- Đứng bằng cả hai chân trên sân thì đấu:
- * Khi một bàn chân được nhấc lên thì bàn chân kia trở thành chân trụ.
- Khi di chuyển hay dẫn bóng :
- * Nếu một chân chạm sân thì đấu thì chân đó trở thành chân trụ.
- * Nếu cả hai chân đều nhấc khỏi mặt sân và đồng thời chạm mặt sân bằng hai bàn chân, một bàn chân được nhấc lên, thì bàn chân kia trở thành chân trụ.
- * Nếu một cầu thủ có thể nhảy lên bằng hai chân và tiếp sân thì đấu bằng một chân thì chân đó trở thành chân trụ. Nếu một cầu thủ nhảy lên và tiếp sân thì đấu bằng cả hai chân thì không có chân nào là chân trụ.

25.2.2. Di chuyển với bóng của một cầu thủ vừa hình thành được chân trụ trong khi kiểm soát bóng sống trên sân:

- Trong khi đứng bằng cả hai chân trên sân thì đấu:
- * Bắt đầu dẫn bóng chân trụ không được nhấc lên trước khi bóng rời tay.
- * Chuyển bóng hay ném bóng vào rổ, cầu thủ có thể nhảy lên bằng chân trụ nhưng không

được để chạm lại sân thi đấu trước khi bóng rời tay.

- Trong khi di chuyển hay dẫn bóng :

* Bắt đầu dẫn bóng, chân trụ không được phép nhấc lên trước khi bóng rời tay.

* Chuyển hay ném rổ, cầu thủ có thể bật nhảy bằng chân trụ và hạ xuống bằng một chân hay cả hai chân đồng thời nhưng bóng phải rời tay trước khi chân được hạ xuống tiếp xúc với sân thi đấu.

25.2.3. Cầu thủ bị ngã, nằm hay ngồi trên sân thi đấu :

- Một cầu thủ được phép cầm bóng khi ngã, đang nằm hoặc đang ngồi trên sân giành được quyền kiểm soát bóng.

- Vi phạm luật nếu cầu thủ này trượt, lăn hay cố gắng đứng dậy trong khi cầm bóng.

Điều 26: Luật 3 giây

26.1. Luật quy định :

26.1.1. Một cầu thủ của đội đang kiểm soát bóng sống ở phần sân trước không được ở trong khu vực giới hạn của đối phương liên tục quá 3 giây khi đồng hồ thi đấu đang chạy.

26.1.2. Cho phép thừa nhận với một cầu thủ :

- Cố gắng rời khu vực giới hạn.
- Ở trong khu vực giới hạn khi cầu thủ đó hay đồng đội đang thực hiện động tác ném rổ và bóng đang rời tay hay bóng vừa rời tay cầu thủ có động tác ném rổ.
- Ở trong khu vực giới hạn chưa đến 3 giây, được phép dẫn bóng ném rổ.

26.1.3. Để xác định một cầu thủ ở ngoài khu vực giới hạn, anh ta phải đặt hai bàn chân ở ngoài khu vực giới hạn.

Điều 27: Cầu thủ bị kèm sát

27.1. Định nghĩa:

Một cầu thủ đang cầm bóng sống trên sân thi đấu bị kèm chặt bởi một cầu thủ đối phương đang trong vị trí phòng thủ tích cực với cự ly không quá 1m.

27.2. Luật quy định:

Một cầu thủ đang giữ bóng bị kèm sát trong 5 giây phải chuyển bóng, ném rổ hoặc dẫn bóng.

Điều 28: Luật 8 giây

28.1. Định nghĩa:

28.1.1. Phần sân sau của một đội bao gồm rổ của đội đó, phần bật nảy lại của bảng rổ và phần sân được giới hạn bởi đường cuối sân phía

sau rổ của đội đó, các đường biên dọc và đường giữa sân.

28.1.2. Phần sân trước của một đội gồm: rổ của đối phương và phần trước bảng rổ và phần sân đó được giới hạn bởi đường cuối sân phía sau rổ của đối phương, hai đường biên dọc và mép trong của đường giữa sân gần rổ đối phương.

28.1.3. Bóng ở phần sân trước của đội khi :

- Bóng chạm vào phần sân trước.
- Bóng chạm vào một cầu thủ hay trọng tài có một bộ phận cơ thể của cầu thủ hay trọng tài tiếp xúc với phần sân trước.

28.2. Luật quy định:

28.2.1. Bất cứ một cầu thủ nào giành được quyền kiểm soát bóng sống ở phần sân sau của đội mình phải nhanh chóng chuyển bóng sang phần sân trước trong thời gian 8 giây.

28.2.2. Khoảng thời gian 8 giây sẽ tiếp tục tính khi đội đang kiểm soát bóng được quả ném phát bóng ở phần sân sau do :

- Đối phương làm bóng ra biên.
- Một cầu thủ của đội đó bị chấn thương.
- Một tình huống nhảy tranh bóng.
- Một lỗi kép.
- Huỷ bỏ lỗi phạt của cả hai đội.

Điều 29: Luật 24 giây

Định nghĩa:

29.1.1. Bất cứ một cầu thủ nào giành được quyền kiểm soát bóng sống trên sân thi đấu, đội của cầu thủ đó phải cố gắng ném rổ trong vòng 24 giây.

Để được công nhận là một lần ném rổ trong 24 giây phải tuân theo những điều kiện sau :

- Bóng phải rời tay cầu thủ ném rổ trước khi đồng hồ 24 giây báo tín hiệu âm thanh.
- Sau khi bóng đã rời tay cầu thủ ném rổ, bóng phải chạm vào vòng rổ hay lọt vào trong rổ.

29.1.2. Khi cố gắng thực hiện quả ném rổ hoặc khi gần kết thúc khoảng thời gian 24 giây và có tín hiệu âm thanh báo mà bóng đang bay trên không thì:

- Không vi phạm luật nếu bóng vào rổ, tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây sẽ bị huỷ bỏ và quả ném rổ được tính điểm.
- Không phạm luật nếu bóng chạm vòng rổ nhưng không vào rổ, tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây sẽ bị huỷ bỏ và trận đấu sẽ tiếp tục.
- Vi phạm luật được tính nếu bóng chạm vào

bảng rổ (không phải là vòng rổ) hay trượt vòng rổ trừ khi đối phương giành được quyền kiểm soát bóng một cách chắc chắn, trong trường hợp này tín hiệu âm thanh đồng hồ 24 giây sẽ bị huỷ bỏ và trận đấu sẽ tiếp tục.

Tất cả những giới hạn liên quan tới sự can thiệp vào bóng trong tấn công và trong phòng thủ sẽ được áp dụng.

29.2. Thủ tục:

29.2.1. Nếu đồng hồ 24 giây bị lỗi trọng tài có thể dừng ngay trận đấu lại miễn là không đưa một trong hai đội vào tình huống bất lợi.

Đồng hồ 24 giây sẽ được sửa lại và quyền kiểm soát bóng được trao lại cho đội đã kiểm soát bóng trước đó.

29.2.2. Nếu trọng tài cho trận đấu dừng lại vì một lý do chính đáng mà không liên quan tới đội nào, khoảng thời gian 24 giây mới sẽ được bắt đầu tính và quyền kiểm soát bóng được trao lại cho đội đã kiểm soát bóng trước đó.

Tuy nhiên, nếu theo nhận định của các trọng tài một đội đang trong tình huống không có lợi, đồng hồ 24 giây sẽ tiếp tục chạy tiếp từ thời gian trận đấu bị dừng.

29.2.3. Nếu đồng hồ 24 giây phát tín hiệu âm thanh nhằm khi một đội đang kiểm soát bóng hay không đội nào có quyền kiểm soát bóng, tín hiệu sẽ bị huỷ bỏ và trận đấu sẽ tiếp tục.

Tuy nhiên, theo nhận định của các trọng tài nếu đội đang kiểm soát bóng đang trong tình huống không có lợi, trận thi đấu sẽ được dừng lại, đồng hồ 24 giây sẽ được sửa lại và bóng sẽ được trao cho đội đó.

Điều 30: Bóng trở về sân sau

30.1. Định nghĩa:

30.1.1. Bóng trở về phần sân sau của đội khi :

- Bóng chạm vào phần sân sau.
- Bóng chạm vào một cầu thủ hay một trọng tài mà có một phần cơ thể tiếp xúc với phần sân sau.

30.1.2. Bóng trở về phần sân sau phạm luật khi một cầu thủ của đội đang kiểm soát bóng sống :

- Lần chạm bóng sau cùng ở phần sân trước, sau đó cầu thủ đó hay một đồng đội chạm lần đầu tiên ở phần sân sau.
- Lần chạm bóng sau cùng ở phần sân sau của đội, sau đó bóng được chạm ở phần sân trước và rồi một cầu thủ hay một cầu thủ

đồng đội lại chạm lần đầu tiên ở phần sân sau.

Những quy định này áp dụng cho mọi tình huống ở phần sân trước của một đội kể cả những quả phát bóng biên.

30.2. Luật quy định:

Một cầu thủ đang kiểm soát bóng ở phần sân trước không được đưa bóng trở về sân sau.

Điều 31: Can thiệp vào bóng

31.1. Định nghĩa:

31.1.1. Một quả ném rổ hay một quả ném phạt.

- Bắt đầu khi bóng rời tay một cầu thủ có động tác ném rổ.
- Kết thúc khi bóng :
 - * Vào rổ trực tiếp từ phía trên và nằm trong rổ hay lọt qua rổ.
 - * Không có khả năng lọt vào rổ.
 - * Chạm vào vòng rổ.
 - * Chạm mặt sân thi đấu.
 - * Bóng trở thành bóng chết.

31.2. Luật quy định:

31.2.1. Can thiệp vào bóng trong lần ném rổ diễn ra khi một cầu thủ chạm bóng trong khi bóng

bay ở trên vòng rổ và :

- Bóng bay xuống vào rổ.
- Sau khi bóng chạm vào bảng rổ.

31.2.2. Can thiệp vào bóng ném phạt diễn ra khi một cầu thủ chạm bóng trong khi bóng đang bay hướng tới rổ và chạm vào vòng rổ.

31.2.3. Những quy định về can thiệp vào bóng tấn công áp dụng cho tới khi :

- Bóng không có khả năng lọt vào rổ trong lần ném rổ.
- Bóng đã chạm vào vòng rổ.

31.2.4. Việc can thiệp vào bóng xảy ra trong lần ném rổ khi :

- Một cầu thủ chạm vào rổ hay bảng rổ trong khi bóng tiếp xúc với vòng rổ.
- Một cầu thủ tiếp xúc với bóng từ phía dưới rổ và chạm vào bóng.
- Một cầu thủ phòng ngự chạm vào bóng hay rổ trong khi bóng trong rổ và ngăn không cho bóng lọt vào rổ.
- Trọng tài nhận thấy một cầu thủ phòng ngự tác động vào bảng rổ hay vòng rổ nhằm ngăn cản bóng đang vào rổ.
- Trọng tài nhận thấy một cầu thủ tấn công

tác động vào bảng rổ hay vòng rổ nhằm đưa bóng vào rổ.

31.2.5. Việc can thiệp vào bóng xảy ra trong một lần ném phạt khi :

- Một cầu thủ chạm vào bóng, rổ hay bảng rổ trong khi bóng có khả năng vào rổ thì được thêm một hay nhiều quả ném phạt nữa.
- Một cầu thủ tiếp xúc với bóng từ phía dưới rổ và chạm vào bóng.
- Trọng tài nhận thấy trong khi ném quả phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt, bóng có khả năng vào rổ và sau khi bóng đã chạm vòng rổ mà một cầu thủ phòng ngự chạm vào bảng rổ hay vòng rổ để lúc lắc ngăn cản không cho bóng vào rổ.
- Trọng tài nhận thấy trong khi ném quả phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt, bóng có khả năng vào rổ và sau khi bóng đã chạm vòng rổ mà một cầu thủ tấn công chạm vào bảng rổ hay vòng rổ để tác động thêm hỗ trợ cho bóng vào rổ.

31.2.6. Trong khi bóng đang bay của một quả ném rổ và sau khi:

- Một trọng tài thổi còi.
- Đồng hồ thi đấu phát tín hiệu âm thanh kết

thúc hiệp đấu.

Không một cầu thủ nào chạm bóng sau khi bóng đã chạm vào vòng rổ trong khi bóng vẫn có khả năng vào rổ.

Sẽ áp dụng tất cả những quy định liên quan tới sự can thiệp vào bóng tấn công và phòng thủ.

31.3. Xử phạt:

31.3.1. Nếu một cầu thủ tấn công phạm luật sẽ không được tính điểm. Bóng sẽ được trao cho đối phương để phát bóng tại đường ném phạt được kéo dài, trừ khi những điều khác được nêu trong các điều luật.

31.3.2. Nếu một cầu thủ phòng ngự phạm lỗi, đội tấn công sẽ được :

- Một điểm khi bóng đã được rời tay đối với một quả ném phạt.
- Hai điểm khi bóng đã được rời tay cầu thủ từ khu vực 2 điểm.
- Ba điểm khi bóng đã được rời tay cầu thủ từ khu vực 3 điểm.

Nếu bóng đã vào rổ thì tính các điểm.

CHƯƠNG VI :

LỖI

Điều 32 : Các lỗi

32.1. Định nghĩa:

- 32.1.1. Trong một trận đấu bóng rổ khi 10 cầu thủ di chuyển với tốc độ cao trong một phạm vi không gian hạn chế nên không thể tránh khỏi những va chạm cá nhân.
- 32.1.2. Một lỗi là vi phạm điều luật liên quan tới va chạm cá nhân không hợp luật với đối phương hay hành vi đối xử vi phạm tinh thần thể thao cao thượng.
- 32.1.3. Khi phát hiện vi phạm, bất luận trong trường nào đều bị phạt, trên bảng ghi điểm sẽ ghi lại người phạm lỗi và hình thức xử phạt theo quy định đối với mỗi lỗi.

Điều 33 : Va chạm - Nguyên tắc chung

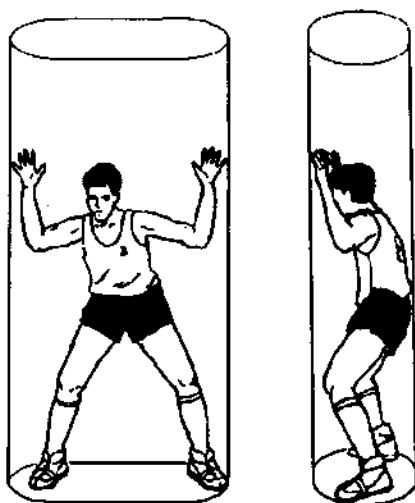
33.1. Nguyên tắc hình trụ:

Nguyên tắc hình trụ được xác định là mỗi cầu thủ

đều có quyền chiếm một khoảng không gian xung quanh trong một hình trụ tưởng tượng trên sân thi đấu. Bao gồm khoảng không gian phía trên của cầu thủ và được giới hạn ở:

- Phía trước bàn tay;
- Phía sau mông;
- Mép ngoài cánh tay và chân.

Bàn tay và cánh tay có thể được đưa về phía trước phần thân trên của cơ thể nhưng không rộng hơn so với vị trí hai bàn chân, cánh tay có thể cong ở khuỷu tay vì vậy nên cánh tay và bàn tay có thể đưa lên cao. Khoảng cách giữa hai chân sẽ phụ thuộc vào chiều cao của cầu thủ.



Hình 5 : Nguyên tắc hình trụ

33.2. Nguyên tắc thẳng đứng:

Trong trận đấu, mỗi cầu thủ đều có quyền chiếm một vị trí (hình trụ) trên sân thi đấu mà đối phương chưa chiếm giữ.

Nguyên tắc này bảo vệ khoảng không trên sân thi đấu mà cầu thủ chiếm giữ và khoảng không ở phía trên khi bật nhảy thẳng đứng trong khoảng không gian đó.

Ngay khi cầu thủ rời vị trí thẳng đứng (hình trụ) và cơ thể va chạm với một cầu thủ đối phương người mà đã chiếm giữ được vị trí thẳng đứng (hình trụ) thì cầu thủ rời vị trí của mình chịu trách nhiệm đối với va chạm.

Cầu thủ phòng ngự sẽ không bị phạt lỗi rời khỏi khoảng không thẳng đứng (trong vị trí hình trụ của cầu thủ đó), hay các bàn tay và cánh tay của cầu thủ đó mở rộng nâng lên cao hơn cơ thể trong khoảng không hình trụ của cầu thủ đó.

Cầu thủ tấn công ở trên sân hay đang ở trên không sẽ không được va chạm với cầu thủ phòng ngự ở vị trí phòng ngự đúng luật như sau :

- Sử dụng cánh tay để tạo thêm khoảng trống cho chính bản thân cầu thủ đó.
- Mở rộng chân hay cánh tay dẫn tới va chạm trong khi hoặc ngay sau khi đã ném rổ.

33.3. Vị trí phòng thủ đúng luật :

Một cầu thủ phòng ngự đã giành được vị trí phòng thủ đúng luật ban đầu khi:

- Đối mặt với đối phương và
- Hai bàn chân ở trên mặt sân thi đấu.

Vị trí phòng thủ đúng luật được sử dụng theo chiều thẳng đứng ở phía trên cầu thủ (hình trụ) từ sân nhà thi đấu tới trần nhà. Cầu thủ được giơ tay lên khỏi đầu hay bật nhảy theo chiều thẳng đứng nhưng phải duy trì trong vị trí thẳng đứng bên trong hình trụ tưởng tượng.

33.4. Phòng thủ cầu thủ có bóng:

Khi phòng thủ một cầu thủ có bóng (cầu thủ đang giữ bóng hoặc đang dẫn bóng) thì không áp dụng các yếu tố thời gian và khoảng cách.

Cầu thủ có bóng phải biết mình bị phòng thủ và phải chuẩn bị dừng hoặc đổi hướng bất cứ khi nào có đối phương chiếm vị trí phòng thủ đúng luật ban đầu ở phía trước của mình, thậm chí điều này được thực hiện ở một phần của bước thứ hai.

Cầu thủ phòng ngự có vị trí phòng thủ đúng luật không được gây va chạm với đối phương trước khi chiếm vị trí của mình.

Ngay sau khi cầu thủ phòng ngự đã có vị trí phòng thủ đúng luật ban đầu thì cầu thủ đó có thể

di chuyển để ngăn cản đối phương nhưng anh ta không được dang tay, đưa khuỷu tay, đưa hông hoặc gối chân nhằm va chạm để ngăn cản người dẫn bóng vượt qua anh ta.

Khi nhận định có lỗi chặn/ xô cầu thủ có bóng thì trọng tài sẽ sử dụng các nguyên tắc sau:

- Cầu thủ phòng ngự phải có vị trí phòng ngự ban đầu đúng luật bằng cách đối mặt với đối phương có bóng và hai bàn chân ở trên mặt sân.
- Cầu thủ phòng ngự có thể đứng tại chỗ, bật nhảy tại chỗ hoặc di chuyển sang bên cạnh hoặc di chuyển về phía sau để giữ vị trí phòng ngự hợp luật ban đầu.
- Khi di chuyển để giữ vị trí phòng ngự đúng luật ban đầu, một hoặc hai bàn chân có thể rời khỏi mặt sân trong chốc lát, như khi nào di chuyển sang bên cạnh hoặc di chuyển về phía sau nhưng không di chuyển hướng tới cầu thủ có bóng.
- Va chạm phải xảy ra ở phần thân trên, trong trường hợp này cầu thủ phòng ngự sẽ được xem là đã chiếm vị trí va chạm trước.
- Khi đã có vị trí phòng ngự đúng luật cầu thủ phòng ngự có thể xoay chuyển xung quanh hình trụ của cầu thủ đó để giảm va chạm và để

tránh bị chấn thương.

Trong thi đấu có bất cứ những tình huống nào nêu trên, thì lỗi sẽ được tính là lỗi của cầu thủ có bóng (lỗi tấn công).

33.5. Phòng thủ cầu thủ không có bóng:

Một cầu thủ không có bóng được quyền di chuyển tự do trên sân và chiếm giữ bất kỳ vị trí nào chưa có cầu thủ khác chiếm giữ.

Khi ngăn cản một cầu thủ không kiểm soát bóng, các nhân tố thời gian và khoảng cách sẽ được áp dụng. Một cầu thủ phòng ngự không được chiếm vị trí quá gần hay quá nhanh trên đường di chuyển của một cầu thủ đối phương đến mức đối phương không có đủ thời gian và khoảng cách để dừng lại hoặc đổi hướng.

Khoảng cách bằng tỉ lệ tương ứng với tốc độ của đối phương là không ít hơn một bước và không nhiều hơn hai bước.

Nếu một cầu thủ phòng ngự không tôn trọng tới yếu tố thời gian và khoảng cách khi chiếm vị trí ngăn cản đúng luật mà để xảy ra va chạm với đối phương thì cầu thủ đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về va chạm.

Ngay khi một cầu thủ phòng ngự đã có vị trí phòng thủ đúng luật ban đầu thì anh ta di chuyển

để ngăn cản đối phương của anh ta. Cầu thủ đó không được ngăn cản đối phương đi qua bằng cách dang tay, đưa vai, đưa hông hoặc đưa chân trong đường di chuyển của đối phương. Cầu thủ đó có thể thay đổi hoặc để tay ở trước ngực, thu tay vào thân trong hình trụ thẳng đứng của anh ta để tránh bị chấn thương.

33.6. Một cầu thủ ở trên không:

Một cầu thủ khi đã nhảy lên trên không từ vị trí trên mặt sân thì khi rơi xuống phải trên cùng vị trí đó.

Cầu thủ được quyền rơi xuống vị trí khác ở trên sân với điều kiện là: giữa hướng nhảy lên và vị trí rơi xuống ở trên sân vào thời điểm nhảy lên chưa có một hoặc nhiều đối phương chiếm giữ.

Nếu một cầu thủ đã nhảy lên rồi rơi xuống, do quán tính của đầu thủ gây ra va chạm với đối phương có vị trí phòng thủ đúng luật gần vị trí rơi xuống, như vậy lúc này người nhảy lên sẽ chịu trách nhiệm về va chạm.

Một cầu thủ không được di chuyển vào hướng, vị trí của đối phương sau khi đối phương đã nhảy lên trên không.

Di chuyển phía dưới một cầu thủ đang ở trên không mà xảy ra va chạm thì thường là lỗi phản

tin thần thể thao và trong trường hợp này tùy mức độ nặng nhẹ mà có thể dẫn tới truất quyền thi đấu.

33.7. Cản người đúng luật và cản người trái luật:

Cản người xảy ra khi một cầu thủ cố gắng làm chậm hoặc ngăn cản đối phương không có bóng đang muốn di chuyển đến một vị trí mong muốn ở trên sân.

Cản người đúng luật khi cầu thủ đang cản một cầu thủ đối phương như sau :

- Đứng tại chỗ (ở bên trong không gian hình trụ của cầu thủ) khi xảy ra va chạm.
- Cả hai bàn chân ở trên mặt sân khi xảy ra va chạm.

Cản người trái luật khi cầu thủ đang cản đối phương như sau :

- Đã di chuyển khi xảy ra va chạm.
- Không có khoảng cách thích hợp trong tình huống cản người, ngoài tầm kiểm soát vị trí của đối phương khi xảy ra va chạm.
- Không tôn trọng đúng theo yếu tố thời gian và khoảng cách trong di chuyển của đối phương khi xảy ra va chạm.

Nếu sự cản người nằm trong tầm kiểm soát vị trí của đối phương (phía trước hoặc bên cạnh) thì cầu thủ có thể cản người ở sát đối phương với điều kiện

là không có va chạm xảy ra.

Nếu sự cản người nằm ngoài tầm kiểm soát vị trí của đối phương thì người cản phải để đối phương bước được một bước bình thường về phía người cản mà không xảy ra va chạm.

Nếu đối phương đang di chuyển thì áp dụng các yếu tố thời gian và khoảng cách. Người cản phải di chuyển sao cho đủ khoảng trống để cầu thủ bị cản đủ khả năng tránh người cản bằng cách dừng hoặc thay đổi hướng di chuyển.

Khoảng cách yêu cầu là không ít hơn một bước bình thường nhưng không quá hai bước bình thường.

Một cầu thủ cản người đúng luật thì cầu thủ bị cản người chịu trách nhiệm về bất kỳ sự va chạm nào với cầu thủ cản người.

33.8. Nhảy xô vào :

Nhảy xô vào là va chạm cá nhân trái luật dù có bóng hay không có bóng bằng cách xô đẩy hay di chuyển lao thẳng vào cơ thể của đối phương.

33.9. Cản người:

Cản người là va chạm cá nhân trái luật nhằm ngăn cản tiến trình của một cầu thủ đối phương có bóng hay không có bóng.

Một cầu thủ đang cố gắng cản người sẽ phạm lỗi

cản người nếu va chạm xảy ra khi cầu thủ đó đang di chuyển và đối phương của anh ta đứng ở vị trí tại chỗ hoặc di chuyển theo cầu thủ.

Nếu một cầu thủ không chú ý bóng, đối diện với đối phương và thay đổi vị trí của cầu thủ vì đối phương thay đổi vị trí thì cầu thủ này phải chịu trách nhiệm về bất kỳ va chạm nào xảy ra, trừ khi có những nhân tố khác liên quan đến.

Sự nhấn mạnh “trừ khi có những nhân tố khác”, là đề cập tới việc cố tình đẩy, xô hoặc cố ý nắm giữ của cầu thủ bị cản.

Cầu thủ phòng thủ đúng luật được dang tay hoặc khuỷu tay ra ngoài không gian hình trụ để chiếm vị trí trên sân, nhưng phải di chuyển vào trong vị trí hình trụ (bên trong hình trụ) khi đối phương cố gắng đi qua. Nếu một cầu thủ không hạ tay hoặc khuỷu tay xuống trở về vị trí hình trụ và có xảy ra va chạm thì đó là nắm giữ hoặc cản người.

33.10. Va chạm với đối phương bằng tay hay cánh tay:

Va chạm đối phương bằng một hoặc hai tay không coi là một vi phạm lỗi. Các trọng tài sẽ quyết định cầu thủ đã gây ra va chạm có giành được một lợi thế không. Nếu va chạm do một cầu thủ bằng bất cứ hình thức nào mà hạn chế di chuyển tự do

của đối phương thì những va chạm như vậy đều coi là phạm lỗi.

Việc sử dụng tay hay mở rộng cánh tay trái luật xảy ra khi một cầu thủ phòng ngự đang trong vị trí phòng ngự và tay hay cánh tay giơ cao và duy trì tiếp xúc với một cầu thủ đối phương có bóng hay không có bóng để ngăn cản tiến trình di chuyển của cầu thủ đó.

Lặp lại va chạm hay va chạm mạnh với một cầu thủ đối phương có bóng hay không có bóng là vi phạm một lỗi, vì va chạm như vậy có thể dẫn tới lỗi chơi thô bạo.

Vi phạm một lỗi của cầu thủ tấn công có bóng khi:

- Móc hay đưa một cánh tay hay khuỷu tay quanh người cầu thủ phòng ngự để giành được lợi thế không trung thực.
- Xô đẩy để ngăn cản cầu thủ phòng ngự đang chơi hay cố gắng tranh cướp bóng hay để tạo thêm khoảng không gian giữa cầu thủ đó với cầu thủ phòng ngự.
- Trong khi dẫn bóng mở rộng cánh tay, cẳng tay để ngăn cản đối phương giành được bóng.

Vi phạm một lỗi xô đẩy của cầu thủ tấn công không có bóng khi :

- Cố tạo sự tự do để nhận bóng.
- Ngăn cản cầu thủ phòng ngự để lấy bóng hoặc đang cố gắng tranh cướp bóng.
- Tạo thêm khoảng trống lớn giữa cầu thủ đó với cầu thủ phòng ngự.

33.11. Lối chơi đứng tại chỗ:

Nguyên tắc không gian thẳng đứng được áp dụng khi đứng tại chỗ.

Cầu thủ tấn công ở vị trí tại chỗ và cầu thủ phòng ngự đang ngăn cản cầu thủ tấn công đó phải tôn trọng quyền về không gian thẳng đứng của mỗi cầu thủ (hình trụ).

Vi phạm luật nếu cầu thủ tấn công hay cầu thủ phòng ngự đứng ở vị trí tại chỗ đưa vai hoặc đưa hông của mình đẩy đối phương ra khỏi vị trí hoặc giơ khuỷu tay hoặc cánh tay, đầu gối hay bộ phận khác của cơ thể để ngăn cản sự di chuyển tự do của đối phương.

33.12. Cản người từ phía sau :

Cản người trái luật từ phía sau là cầu thủ phòng thủ va chạm từ phía sau đối phương. Thực tế là cầu thủ phòng thủ đang cố gắng lấy bóng thì cũng không chứng minh được cho việc gây ra va chạm của người phòng thủ với đối phương từ phía sau.

33.13. Nắm giữ :

Nắm giữ là va chạm cá nhân trái luật với đối phương để cản trở di chuyển tự do của đối phương. Nắm giữ có thể xảy ra với bất kỳ bộ phận nào của cơ thể.

33.14. Xô đẩy:

Xô đẩy là va chạm cá nhân trái luật với bất kỳ bộ phận nào của cơ thể khi một cầu thủ dùng sức mạnh để chiếm vị trí của đối phương trong khi có bóng hay không có bóng.

Điều 34 : Lỗi cá nhân

34.1 Định nghĩa:

34.1.1. Lỗi cá nhân là một lỗi của một cầu thủ va chạm trái luật với đối phương bất kể là khi bóng sống hay bóng chết.

Cầu thủ sẽ không được dùng tay, cánh tay, khuỷu tay, vai, hông, chân, đầu gối hay bàn chân để ôm, giữ, níu kéo, xô đẩy, hay ngăn cản hoạt động của đối phương, cũng không được uốn cong thân người thành tư thế khác thường (khỏi không gian hình trụ), hoặc không được có hành động thô bạo.

34. 2. Xử phạt:

Trong mọi trường hợp một lỗi cá nhân được tính cho người vi phạm lỗi.

34.2.1. Nếu lỗi vi phạm đối với cầu thủ không có động tác ném rổ thì :

- Trận thi đấu sẽ tiếp tục, bóng sẽ được trao cho đội không phạm lỗi phát bóng biên ở gần vị trí vi phạm lỗi.
- Nếu phạm lỗi là một lỗi đồng đội thì sẽ áp dụng hình thức xử phạt như quy định tại Điều 41.

34.2.2. Nếu lỗi vi phạm đối với cầu thủ đang thực hiện động tác ném rổ, cầu thủ ném rổ sẽ được thực hiện một hay nhiều quả ném phạt như sau :

- Nếu ném rổ thành công, điểm được tính và được ném thêm một quả phạt.
- Nếu ném rổ trong khu vực hai điểm không thành công thì sẽ được thực hiện hai quả ném phạt.
- Nếu ném rổ trong khu vực ba điểm không thành công thì sẽ được thực hiện ba quả ném phạt.
- Nếu cầu thủ bị phạm lỗi khi hoặc trước khi có tín hiệu âm thanh báo kết thúc hiệp đấu, hay khi có tín hiệu của đồng hồ 24 giây mà bóng vẫn đang trong tay cầu thủ có động tác ném rổ và động tác ném rổ thành công thì không được tính điểm nhưng sẽ cho ném hai hay ba quả ném phạt.

Điều 35 : Lỗi hai bên

35.1. Định nghĩa :

Lỗi hai bên là trường hợp mà hai cầu thủ phạm lỗi va chạm nhau gần như cùng một thời điểm.

35.2. Xử phạt :

35.2.1. Lỗi cá nhân tính cho từng cầu thủ vi phạm.

Không thực hiện những quả ném phạt.

35.2.2. Trận đấu sẽ được tiếp tục như sau:

- Nếu một quả ném rổ vào rổ trong cùng thời điểm lỗi đó thì quả ném rổ được tính điểm, quyền phát bóng được trao cho đội không ghi điểm thực hiện từ đường cuối sân.
- Nếu đang kiểm soát bóng hay giành được quyền kiểm soát bóng thì bóng sẽ được trao cho đội đó để phát bóng tại nơi gần nhất với vi phạm lỗi.
- Nếu không đội nào kiểm soát bóng hay không giành được quyền kiểm soát bóng thì cho thực hiện nhảy tranh bóng.

Điều 36 : Lỗi phản tinh thần thể thao

36.1. Định nghĩa:

36.1.1. Lỗi phản tinh thần thể thao là một cầu thủ phạm lỗi va chạm trong tình huống mà theo nhận định của trọng tài cho rằng đó không

phải là nỗ lực hợp lý trong khuôn khổ và ý nghĩa của các điều luật.

36.1.2. Những lỗi phản tinh thần thể thao luôn phải được hiểu một cách nhất quán trong suốt toàn bộ trận đấu.

36.1.3. Trọng tài thổi phạt chỉ khi có hành động xảy ra.

36.1.4. Để đánh giá những lỗi phản tinh thần thể thao, trọng tài cần áp dụng những nguyên tắc sau:

- Nếu một cầu thủ gây ra va chạm mà không nhằm mục đích cản phá bóng thì đó là một lỗi phản tinh thần thể thao.
- Nếu một cầu thủ cố gắng cản phá bóng, gây ra va chạm quá mức (lỗi nặng), va chạm đó sẽ bị coi là lỗi phản tinh thần thể thao.
- Nếu một cầu thủ phạm một lỗi trong khi cố gắng chính đáng nhằm cản phá bóng (thi đấu thường), thì đó không phải là một lỗi vi phạm phản tinh thần thể thao.

36.2. Xử phạt:

36.2.1. Một lỗi phản tinh thần thể thao sẽ tính cho cầu thủ phạm lỗi.

36.2.2. Cầu thủ bị phạm lỗi sẽ được thực hiện các quả ném phạt như sau :

- Một quả phát bóng ở vạch giữa sân kéo dài đối diện với bàn trọng tài.
- Một lần nhảy tranh bóng ở vòng tròn giữa sân để bắt đầu hiệp thứ nhất.

Số các quả ném phạt được tính như sau :

- Nếu lỗi phạm vào một cầu thủ không có động tác ném rổ : Hai quả ném phạt sẽ cho cầu thủ bị phạm lỗi thực hiện.
- Nếu lỗi phạm vào cầu thủ đang có động tác ném rổ : Bóng vào rổ thì điểm sẽ được tính và được ném phạt thêm một quả.
- Nếu lỗi phạm vào cầu thủ đang có động tác ném rổ : Bóng không vào rổ thì sẽ được thực hiện hai hay ba quả ném phạt.

Điều 37 : Lỗi truất quyền

37.1. Định nghĩa:

Lỗi truất quyền thi đấu là hành vi phản tinh thần thể thao của huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên, cầu thủ chính thức, cầu thủ dự bị và những người đi theo đội.

37.1.2. Một cầu thủ sẽ bị truất quyền thi đấu khi cầu thủ đó vi phạm hai lỗi phản tinh thần thể thao.

37.1.3. Huấn luyện viên cũng sẽ bị truất quyền khi:

- Phạm hai lỗi kỹ thuật “C” do có hành động phản tinh thần thể thao.
- Phạm ba lỗi kỹ thuật “B” được tích lũy lại do có hành vi cư xử phản tinh thần thể thao từ khu vực ghế ngồi của đội (“B”) (trợ lý huấn luyện viên, cầu thủ dự bị và những người đi theo đội) hay tổng cộng 3 lỗi kỹ thuật, một lỗi “C” sẽ tính cho huấn luyện viên.

37.1.4. Nếu một cầu thủ hay huấn luyện viên bị truất quyền thi đấu theo Điều : 37.1.2 hoặc 37.1.3, một lỗi phản tinh thần thể thao hay một lỗi kỹ thuật đó sẽ chỉ là lỗi bị phạt và không bổ sung thêm lỗi bị truất quyền thi đấu.

37.1.5. Một huấn luyện viên phạm lỗi bị truất quyền thi đấu thì sẽ được thay thế bởi một trợ lý huấn luyện viên mà đã đăng ký tên vào tờ ghi điểm. Nếu không có trợ lý huấn luyện viên thì sẽ thay thế bằng đội trưởng.

37.2. Xử phạt:

37.2.1. Lỗi truất quyền thi đấu được tính cho người phạm lỗi.

37.2.2. Khi bị truất quyền thi đấu thì phải rời khỏi vị trí của mình, và ở trong phòng thay trang phục trong suốt thời gian trận thi đấu hoặc anh ta có thể rời khỏi nhà thi đấu.

37.2.3. Các quả ném phạt sẽ được trao cho :

- Bất cứ cầu thủ đối phương trong trường hợp không phạm lỗi va chạm.
- Cầu thủ bị phạm lỗi trong trường hợp lỗi va chạm.

Tiếp theo là :

- Một quả ném phát bóng tại đường giữa sân kéo dài, đối diện với bàn trọng tài.
- Một quả nhảy tranh bóng tại vòng tròn giữa sân để bắt đầu hiệp thi đấu thứ nhất.

37.2.4. Số các quả ném phạt được thực hiện như sau:

- Nếu lỗi vi phạm với một cầu thủ không có động tác ném rổ hay đó là một lỗi kỹ thuật thì được thực hiện hai quả ném phạt.
- Nếu lỗi vi phạm với một cầu thủ đang có động tác ném rổ: Nếu bóng vào rổ thì điểm sẽ được tính và được thực hiện thêm một quả ném phạt.
- Nếu lỗi vi phạm với một cầu thủ đang có động tác ném rổ: Bóng không vào rổ thì được thực hiện hai hay ba quả ném phạt.

Điều 38 : Lỗi kỹ thuật

38.1. Các điều luật điều hành:

- 38.1.1. Việc điều hành tổ chức hợp lý trận thi đấu đòi hỏi phải có sự hợp tác chân thành và nhiệt tình của các thành viên của cả hai đội (Cầu thủ chính thức, cầu thủ dự bị, huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên và những người đi theo đội) cùng với các trọng tài, trọng tài bàn và giám sát thi đấu.
- 38.1.2. Mỗi đội sẽ nỗ lực thi đấu hết mình để giành chiến thắng nhưng phải thi đấu với tinh thần thể thao cao thượng và lối chơi đẹp.
- 38.1.3. Nếu không có sự hợp tác hoặc không tuân thủ tinh thần trong điều luật này sẽ được xem như là một lỗi kỹ thuật.
- 38.1.4. Trọng tài cảnh báo trước để ngăn chặn những vi phạm lỗi kỹ thuật hay thậm chí có thể bỏ qua những vi phạm lỗi kỹ thuật nhỏ vô tình mà không ảnh hưởng trực tiếp tới trận đấu, trừ khi tái phạm những lỗi sau khi bị nhắc nhở, cảnh báo.
- 38.1.5. Nếu một lỗi vi phạm được phát hiện là lỗi kỹ thuật khi bóng đang là bóng sống, trận đấu sẽ dừng lại và lỗi kỹ thuật sẽ được tính. Xử phạt sẽ được thực hiện ngay tại điểm xảy ra lỗi kỹ thuật. Bất cứ những gì diễn ra trong khoảng thời gian nghỉ giữa vi phạm lỗi kỹ

thuật và trận đấu đã được dừng lại đều coi là vẫn có giá trị.

38.2. Bạo lực:

38.2.1. Những hành vi bạo lực có thể diễn ra trong trận đấu, vi phạm tinh thần thi đấu cao thượng và lối chơi đẹp. Những hành động này ngay lập tức sẽ bị trọng tài hay nếu cần thiết là sử dụng lực lượng bảo vệ để duy trì trật tự chung.

38.2.2. Bất cứ khi nào hành động bạo lực xảy ra giữa các cầu thủ chính thức, cầu thủ dự bị, huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên và những người đi cùng đội trên sân hay ở khu vực gần sân thi đấu thì trọng tài phải có những hành động cần thiết để ngăn chặn lại.

38.2.3. Bất kỳ cá nhân nào có hành vi gây gổ, chống đối đối phương hay các trọng tài thì sẽ bị truất quyền thi đấu. Các trọng tài phải báo cáo sự việc lên ban tổ chức của cuộc thi đấu.

38.2.4. Khi cần thiết các trọng tài yêu cầu lực lượng bảo vệ thì lực lượng đó mới được vào sân. Tuy nhiên, nếu khán giả vào sân thi đấu hành động bạo lực thì lực lượng trật tự công cộng phải can thiệp ngay lập tức để bảo vệ các đội và các trọng tài.

38.2.5. Tất cả các khu vực khác như lối ra vào, khu vực hành lang, phòng thay đồ đều được bảo vệ an toàn dưới sự giám sát của ban tổ chức cuộc thi đấu và lực lượng bảo vệ.

38.2.6. Trọng tài sẽ không cho phép các cầu thủ chính thức, cầu thủ dự bị, huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên và những người đi theo đội có những hành động làm ảnh hưởng, gây thiệt hại tới trang thiết bị thi đấu.

Khi trọng tài thấy rằng những hành động này là những hành động bản năng thì phải thông báo nhắc nhở ngay lập tức cho huấn luyện viên của đội vi phạm.

Nếu hành động tiếp tục được lặp lại, một lỗi kỹ thuật sẽ được xử phạt cho các cá nhân liên quan.

Các quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và không được phản đối hoặc tranh cãi.

38.3. Định nghĩa:

38.3.1. Lỗi kỹ thuật là một cầu thủ không mắc lỗi va chạm nhưng có những hành vi :

- Không quan tâm (coi thường) lời nhắc nhở của trọng tài.
- Hành động không tôn trọng trọng tài, giám

sát, các trọng tài bàn hay đối phương.

- Sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh xấu xúc phạm hay chỉ trích khán giả.
- Có những hành vi cản trở hoặc che khuất tầm nhìn của đối phương.
- Có những cử chỉ, hành động quá khích đối với đối phương.
- Câu giờ, trì hoãn trận thi đấu sau khi bóng đã vào rổ.
- Trì hoãn trận đấu bằng cách ngăn cản ném phát bóng.
- Giả vờ ngã đòi lỗi.
- Hành động nhảy đu mình lên vòng rổ, trừ khi bóng ném rổ bị kẹt ở trên bảng rổ và giá đỡ bảng rổ mà theo nhận định của trọng tài là để phòng chống chấn thương cho cầu thủ đó và cả những cầu thủ khác.
- Phá bóng (bởi một cầu thủ phòng ngự) ở quả ném phạt cuối cùng hay một quả phạt trước khi bóng chạm rổ hay hiển nhiên bóng sẽ chạm rổ. Một điểm sẽ được trao cho đội tấn công, sau đó sẽ tính thêm một lỗi kỹ thuật đối với cầu thủ đội phòng ngự.

38.3.2. Lỗi kỹ thuật đối với huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên, cầu thủ dự bị và những

người đi cùng đội là những lỗi do có cử chỉ, lời nói xúc phạm đến trọng tài, trọng tài bàn, giám sát trận đấu hay đối thủ hay vi phạm thủ tục hay trình tự điều hành thi đấu.

38.4. Xử phạt:

38.4.1. Nếu vi phạm lỗi kỹ thuật.

- Do một cầu thủ thì lỗi kỹ thuật sẽ áp dụng đối với cầu thủ đó và sẽ tính như một lỗi đồng đội.
- Do một huấn luyện viên 'C' , trợ lý huấn luyện viên ('B') hay những người đi theo đội ('B') thì một lỗi kỹ thuật sẽ được áp dụng đối với huấn luyện viên và sẽ không tính là một trong những lỗi đồng đội.

38.4.2. Hai quả ném phạt được trao cho đối phương, tiếp theo là :

- Một quả phát bóng ở vị trí đường giữa sân kéo dài đối diện với bàn trọng tài.
- Một lần nhảy tranh bóng ở vòng tròn giữa sân.

Điều 39 : Đánh nhau

39.1 Định nghĩa:

Đánh nhau là hành động bạo lực xảy ra giữa hai hay nhiều cầu thủ (cầu thủ chính thức, cầu thủ dự bị, huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên và người đi cùng đội).

Điều này chỉ áp dụng đối với các cầu thủ dự bị, huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên và những người đi cùng đội rời khỏi khu vực ghế ngồi của đội khi xảy ra đánh nhau hoặc trong bất kỳ tình huống nào mà dẫn đến đánh nhau.

39.2 Luật quy định:

39.2.1. Các cầu thủ dự bị và những người đi cùng đội mà rời khỏi khu vực ghế ngồi của đội trong khi xảy ra đánh nhau hoặc có thể dẫn tới đánh nhau, sẽ bị trục xuất.

39.2.2. Khi xảy ra đánh nhau hoặc có những biểu hiện dẫn đến đánh nhau chỉ có huấn luyện viên và trợ lý huấn luyện viên được phép rời khỏi khu vực ghế ngồi của đội để trợ giúp các trọng tài duy trì tình hình ổn định hay đảm bảo lại trật tự, trường hợp này không bị trục xuất.

39.2.3. Nếu huấn luyện viên hoặc trợ lý huấn luyện viên rời khu vực ghế của đội mà không cố gắng giúp đỡ trọng tài để duy trì tình hình hay đảm bảo trật tự thì sẽ bị trục xuất.

39.3 Xử phạt:

39.3.1. Bất kể là bao nhiêu huấn luyện viên, cầu thủ dự bị hay những người đi theo đội bị trục xuất vì rời khu vực ghế ngồi của đội thì huấn

luyện viên sẽ bị phạt một lỗi kỹ thuật 'B'.

39.3.2. Nếu các thành viên của cả hai đội bị truất quyền thi đấu theo điều luật này và không vi phạm lỗi khác thì trận thi đấu sẽ được tiếp tục như sau :

- Nếu một quả ném rổ ghi điểm vào cùng khoảng thời gian đó, bóng sẽ được trao cho đội không ghi điểm để phát bóng từ đường cuối sân.
- Nếu một đội đã kiểm soát bóng hay giành được bóng thì bóng sẽ được trao cho đội đó để ném phát bóng từ đường giữa sân kéo dài, đối diện với bàn trọng tài.
- Nếu không đội nào kiểm soát bóng hay giành được bóng, thì thực hiện nhảy tranh bóng.

39.3.3. Những lỗi bị truất quyền sẽ được ghi lại như được quy định ở phần B.8.3 và sẽ không tính như một lỗi đồng đội.

39.3.4. Tất cả hình thức xử phạt lỗi trước khi xảy ra tình huống đánh nhau được xử phạt theo quy định ở Điều 42 (những trường hợp đặc biệt).

CHƯƠNG VII :
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 40: Một cầu thủ phạm 5 lỗi

- 40.1. Trong trận thi đấu, một cầu thủ đã phạm 5 lỗi gồm lỗi cá nhân hoặc lỗi kỹ thuật sẽ được trọng tài thông báo và cầu thủ đó phải rời khỏi trận đấu ngay. Cầu thủ đó phải được thay thế trong thời gian 30 giây.
- 40.2. Một lỗi vi phạm bởi một cầu thủ mà đã phạm 5 lỗi trước đó được xem như là một lỗi của cầu thủ bị truất quyền thi đấu và lỗi này được ghi vào biên bản ghi điểm tính cho huấn luyện viên 'B'.

Điều 41 : Lỗi đồng đội - xử phạt

41.1. Định nghĩa:

- 41.1.1. Một đội bị xử phạt lỗi đồng đội khi đã vi phạm 4 lỗi đồng đội ở một hiệp thi đấu.
- 41.1.2. Tất cả các lỗi đồng đội vi phạm trong thời gian nghỉ giữa hiệp sẽ được coi như là lỗi của

hiệp thi đấu chính hay lỗi của hiệp phụ tiếp theo.

41.1.3. Tất cả các lỗi đồng đội vi phạm trong hiệp phụ tính bù thời gian sẽ được coi như là lỗi của hiệp đấu thứ tư.

41.2. Luật quy định:

41.2.1. Khi một đội bị xử phạt lỗi đồng đội thì tất cả mọi cầu thủ chính thức phạm lỗi cá nhân với cầu thủ không có động tác ném rổ sẽ bị phạt 2 quả ném phạt thay vì cho ném phát bóng biên.

41.2.2. Nếu một cầu thủ của đội đang kiểm soát bóng hay đội được quyền kiểm soát bóng mà phạm lỗi cá nhân thì sẽ bị phạt bằng cách trao quyền phát bóng cho đối phương.

Điều 42 : Những trường hợp đặc biệt

42.1. Định nghĩa:

Khi đồng hồ thi đấu dừng lại mà sau đó có lỗi hoặc vi phạm thêm một hoặc nhiều lỗi bị thổi phạt.

42.2. Thủ tục:

42.2.1. Tất cả các lỗi đều được tính và tất cả các hình thức xử phạt đều được xác định.

42.2.2. Xác định thứ tự các lỗi xảy ra.

42.2.3. Tất cả những xử phạt giống nhau của hai

đội và các hình thức xử phạt lỗi hai bên sẽ bị huỷ bỏ. Khi các hình thức xử phạt bị huỷ bỏ thì các lỗi này được xem như chưa diễn ra.

42.2.4. Quyền phát bóng biên là kết quả của một lần xử phạt lỗi bị huỷ bỏ trong trường hợp phạm một hoặc nhiều lỗi khác.

42.2.5. Ngay khi bóng trở thành bóng sống ở quả ném phạt thứ nhất hay một quả ném phạt hay quả phát bóng biên, hình thức xử phạt đó sẽ không được sử dụng để huỷ lỗi khác.

42.2.6. Các hình thức xử phạt sẽ được tiến hành theo thứ tự mà các lỗi diễn ra.

42.2.7. Nếu sau khi huỷ bỏ các lỗi giống nhau đối với các đội, không có các hình thức xử phạt, trận thi đấu sẽ được tiếp tục như sau :

- Nếu ném rổ ghi điểm trong khoảng thời gian diễn ra lỗi, bóng sẽ được trao cho đội không ghi điểm để phát bóng từ đường cuối sân.
- Nếu một đội kiểm soát bóng hay giành được quyền kiểm soát bóng thì bóng sẽ được trao cho đội này để phát bóng ở vị trí gần nhất với nơi vi phạm lỗi.
- Nếu không đội nào kiểm soát bóng hay giành được bóng thì thực hiện nhảy tranh bóng.

Điều 43. Ném phạt

43.1. Định nghĩa:

43.1.1. Ném phạt là cơ hội để một cầu thủ ghi được một điểm, từ vị trí phía sau đường ném phạt và bên trong nửa vòng tròn khu vực ném phạt.

43.1.2. Số quả ném phạt hay quyền sở hữu bóng được xác định từ tất cả các lỗi.

43.2. Luật quy định:

43.2.1. Khi vi phạm một lỗi cá nhân xử phạt là cho một quả ném phạt :

- Cầu thủ bị phạm lỗi sẽ trực tiếp ném phạt.
- Nếu có yêu cầu thay người, cầu thủ đó phải ném phạt xong mới được rời sân.
- Nếu phải rời sân vì bị chấn thương, vi phạm lỗi thứ 5 hoặc lỗi truất quyền thi đấu thì cầu thủ thay thế sẽ là người ném phạt. Trong trường hợp không còn quyền thay người thì cầu thủ đồng đội khác của đội sẽ ném phạt.

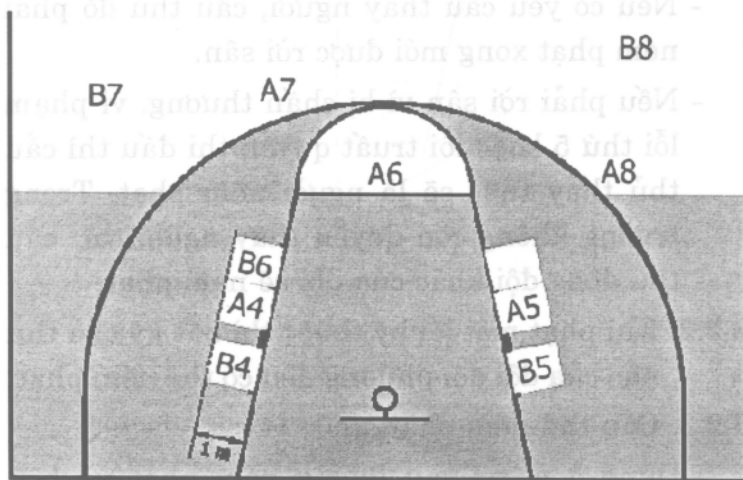
43.2.2. Khi phạt một lỗi kỹ thuật thì bất kỳ cầu thủ nào của đội đối phương đều có thể ném phạt.

43.2.3. Cầu thủ ném phạt sẽ:

- Đứng ở vị trí sau đường ném phạt và bên trong nửa vòng tròn ném phạt.

- Sử dụng bất kỳ kỹ thuật nào để ném bóng vào rổ từ phía trên hay bóng chạm vào vòng rổ.
- Ném bóng trong vòng 5 giây từ khi trọng tài đã trao bóng.
- Không được chạm đường ném phạt hoặc vào khu vực giới hạn cho đến khi bóng đã vào rổ hay chạm vào vòng rổ.
- Không được có động tác giả ném phạt.

43.2.4. Các cầu thủ ở các vị trí tranh cướp bóng xung quanh khu vực ném phạt sẽ được đứng trong những vị trí có chiều rộng là 1m (hình 6).



Hình 6 : Vị trí của các cầu thủ trong khi ném phạt

Các cầu thủ sẽ không được :

- Đứng ở vị trí không phải của mình trong tranh bóng bật bảng.
- Vào khu vực giới hạn, khu vực trung lập hoặc rời vị trí ném phạt cho đến khi bóng đã rời tay của cầu thủ ném phạt.
- Các đối thủ của cầu thủ ném phạt không được có hành vi gây rối khi đang ném phạt.

43.2.5. Các cầu thủ không đứng ở vị trí tranh chấp bóng bật nảy trở lại thì sẽ đứng ở phía sau đường ném phạt kéo dài và phía sau vạch 3 điểm cho đến khi bóng chạm vào vòng rổ hay quả ném phạt kết thúc.

43.2.6. Trong khi thực hiện ném phạt mà tiếp theo sau đó là trường hợp ném phạt khác hay phát bóng biên thì tất cả các cầu thủ sẽ đứng ở phía sau đường ném phạt kéo dài và phía sau đường giới hạn khu vực 3 điểm.

Bất cứ vi phạm Điều 43.2.3, 43.2.4, 43.2.5 hay 43.2.6 là vi phạm luật.

43.3 Xử phạt:

43.3.1. Nếu cầu thủ ném phạt vi phạm luật.

- Các điểm ném rổ được sẽ không được tính.
- Cầu thủ khác phạm luật trước, đồng thời hay ngay sau vi phạm luật của cầu thủ ném

phạt thì sẽ không phạm luật.

Bóng sẽ được trao cho đối phương để ném phạt bóng tại đường ném phạt kéo dài trừ khi phạt thêm quả ném phạt nữa.

43.3.2. Nếu ném phạt thành công và bất cứ cầu thủ nào không phải cầu thủ ném phạt phạm luật thì:

- Nếu bóng vào rổ thì điểm sẽ được tính.
- Những lỗi vi phạm khác sẽ không tính.

Trong trường hợp quả ném phạt cuối cùng hoặc chỉ một quả ném phạt thì bóng sẽ được trao cho đội đối phương để phát bóng từ đường cuối sân.

43.3.3. Nếu ném phạt không thành công và vi phạm cho các tình huống sau:

- Vi phạm của cầu thủ cùng đội với cầu thủ thực hiện quả ném phạt cuối cùng hoặc một quả ném phạt, bóng sẽ được trao cho cầu thủ đối phương để phát bóng biên tại đường ném phạt kéo dài trừ khi đội đó được quyền kiểm soát bóng.
- Đội thủ của cầu thủ ném phạt vi phạm luật thì một quả ném phạt nữa sẽ trao cho cầu thủ ném phạt.
- Vi phạm lỗi hai bên ở quả ném phạt cuối cùng

hoặc chỉ một quả ném phạt, trận đấu sẽ được tiếp tục bằng nhảy tranh bóng.

Điều 44: Sửa chữa sai lầm

44.1. Định nghĩa:

Trọng tài có thể sửa chữa sai lầm nếu áp dụng luật không thích hợp chỉ trong những trường hợp sau:

- Không đáng được ném phạt mà cho ném phạt.
- Nhầm người ném phạt.
- Cho phép ném phạt sai.
- Trọng tài tính điểm sai hoặc huỷ bỏ điểm sai.

44.2. Thủ tục :

44.2.1. Có thể sửa chữa các lỗi đã đề cập ở trên nhưng phải được trọng tài hoặc trợ lý của trọng tài phát hiện trước khi bóng trở thành bóng sống tiếp theo sau lần bóng chết đầu tiên, sau khi đồng hồ thi đấu đã chạy lại sau sự sai lầm.

Đó là:

Sai lầm xảy ra - Tất cả những sai lầm xảy ra trong khi bóng chết.

Bóng sống - Sai lầm được sửa chữa.

Đồng hồ bắt đầu chạy hoặc tiếp tục chạy - Sai lầm được sửa chữa.

Bóng chết - Sai lầm được sửa chữa.

Bóng sống sống trở lại - Sai lầm không còn sửa được.

44.2.2. Trọng tài có thể dừng trận đấu ngay khi phát hiện sai lầm cần sửa nhưng không được đặt một trong hai đội vào thế bất lợi. Nếu lỗi được phát hiện trong thời gian thi đấu, trọng tài ghi điểm phải đợi cho đến lần bóng chết đầu tiên mới báo tín hiệu âm thanh cho các trọng tài để dừng trận đấu.

44.2.3. Bất cứ vi phạm lỗi, điểm đã được tính, thời gian đã sử dụng và hoạt động kèm theo có thể đã diễn ra sau khi vi phạm đã diễn ra và trước khi công nhận lỗi thì sẽ không bị huỷ bỏ.

44.2.4. Sau khi sửa chữa lỗi, trận đấu sẽ được tiếp tục ở thời điểm mà trận đấu bị gián đoạn bởi việc sửa sai. Bóng trao cho đội đã giữ quyền kiểm soát bóng để phát bóng ở thời điểm sai lầm được phát hiện.

44.2.5. Nếu sai lầm là một hoặc nhiều lần không đáng cho ném phạt hay nhầm lẫn người ném phạt, những quả ném phạt đã thực hiện do

sai lầm thì huỷ bỏ kết quả và trận đấu sẽ được tiếp tục như sau :

- Nếu đồng hồ thi đấu không được chạy lại sau lỗi, bóng sẽ được trao cho đội vừa bị huỷ bỏ kết quả ném phạt để phát bóng biên.
- Nếu đồng hồ thi đấu đã tiếp tục chạy lại sau khi lỗi và :
 - Đội kiểm soát bóng (hay giành được bóng) tại thời điểm lỗi được phát hiện cũng là đội mà đã kiểm soát bóng vào thời điểm lỗi diễn ra.
 - Không đội nào kiểm soát bóng vào thời điểm lỗi được phát hiện, bóng sẽ được trao cho đội kiểm soát bóng tại thời điểm của lỗi để phát bóng.
 - Nếu đồng hồ thi đấu đã bắt đầu tính thời gian và vào thời điểm đó lỗi được phát hiện, đội đang kiểm soát bóng là đối thủ của đội mà đã kiểm soát bóng tại thời điểm lỗi diễn ra, thì thực hiện nhảy tranh bóng.
 - Nếu đồng hồ thi đấu đã bắt đầu tính thời gian và tại thời điểm này lỗi được phát hiện, thì một hay nhiều quả ném phạt sẽ được thực hiện và bóng sẽ được trao cho đội mà đã kiểm soát bóng vào thời điểm lỗi diễn ra

để phát bóng biên.

44.2.6. Nếu sai lầm là một lỗi quên không cho ném phạt thì:

- Nếu không có sự thay đổi trong quyền sở hữu bóng từ khi lỗi diễn ra, trận đấu sẽ được tiếp tục sau khi sửa chữa lỗi như sau quả ném phạt thường.
- Nếu đội đó ghi điểm sau khi được trao quyền sở hữu bóng để phát bóng, lỗi sẽ bị huỷ bỏ.

44.2.7. Sau khi sai lầm được phát hiện mà có thể sửa chữa được :

- Nếu cầu thủ liên quan trong việc sửa chữa sai lầm đang ngồi trên ghế băng của đội sau khi đã được phép thay thế đúng luật (không bị lỗi truất quyền thi đấu hay vi phạm lỗi thứ 5). Cầu thủ đó phải trở lại sân thi đấu để tham gia vào việc sửa chữa sai lầm (ở thời điểm anh ta trở thành cầu thủ chính thức).

Khi sửa chữa xong sai lầm trên, cầu thủ có thể ở lại trong trận đấu trừ khi có yêu cầu thay người hợp lệ được yêu cầu lại, trong trường hợp đó cầu thủ có thể rời sân thi đấu.

- Nếu cầu thủ đã bị thay bởi vì anh ta đã vi phạm lỗi thứ 5 hay đã bị truất quyền thi

đấu, cầu thủ thay thế anh ta sẽ phải thực hiện việc sửa chữa sai lầm.

- 44.2.8. Sự sai lầm không thể sửa chữa được sau khi trọng tài chính đã ký vào biên bản ghi điểm.
- 44.2.9. Bất cứ lỗi nào hay khuyết điểm nào của trọng tài ghi điểm hay trong việc ghi biên bản có liên quan tới tỉ số, số lỗi, số lần hội ý hay bị bỏ sót có thể được trọng tài sửa chữa ở bất kỳ thời điểm nào trước khi trọng tài ký vào tờ ghi điểm.

CHƯƠNG VIII :

**BAN TRỌNG TÀI, TRỌNG TÀI BÀN,
GIÁM SÁT TRẬN ĐẤU -
NHIỆM VỤ VÀ THẨM QUYỀN**

Điều 45 : Ban trọng tài, trọng tài bàn và giám sát trận đấu

- 45.1. Ban trọng tài sẽ bao gồm một trọng tài chính (trọng tài thứ nhất) và một hay hai trọng tài biên (trọng tài thứ hai hay trọng tài thứ ba) được các trọng tài bàn và một giám sát trợ giúp.
- 45.2. Các trọng tài bàn bao gồm một trọng tài ghi điểm, một trợ lý trọng tài ghi điểm, một trọng tài thời gian, một trọng tài đồng hồ 24 giây.
- 45.3. Một giám sát thi đấu sẽ ngồi giữa trọng tài ghi điểm và trọng tài thời gian. Nhiệm vụ đầu tiên của giám sát trận thi đấu là giám sát công việc của các trọng tài bàn và trợ giúp trọng tài chính và trọng tài biên điều

hành thông suốt trận đấu.

- 45.4. Các trọng tài của một trận đấu không được có mối liên hệ nào với các thành viên của tổ chức đội đang thi đấu trên sân.
- 45.5. Các trọng tài, trọng tài bàn và giám sát trận đấu sẽ tiến hành điều khiển trận đấu theo đúng những điều luật quy định và không được phép tự ý thay đổi những điều luật này.
- 45.6. Trang phục của trọng tài bao gồm áo của trọng tài, quần dài màu đen, tất đen và giày bóng rổ màu đen.
- 45.7. Các trọng tài và trọng tài bàn phải mặc đồng phục.

Điều 46 : Trọng tài chính - Nhiệm vụ và thẩm quyền

Trọng tài chính sẽ :

- 46.1. Kiểm tra và thông qua các trang thiết bị được sử dụng trong thi đấu.
- 46.2. Phân công trọng tài theo dõi thời gian trận đấu, trọng tài đồng hồ 24 giây, đồng hồ theo dõi thời gian nghỉ và công nhận các trọng tài bàn.
- 46.3. Lựa chọn bóng dùng cho thi đấu và ít nhất

hai quả bóng do đội chủ nhà cung cấp. Hai quả bóng nếu chưa thích hợp, trọng tài sẽ lựa chọn bóng có chất lượng tốt nhất hiện có để sử dụng.

- 46.4. Không cho phép bất cứ cầu thủ nào mang những vật dụng mà có thể gây chấn thương cho các cầu thủ khác.
- 46.5. Tiến hành cho nhảy tranh bóng ở vòng tròn giữa sân để bắt đầu hiệp thi đấu thứ nhất và phát bóng bắt đầu các hiệp đấu tiếp theo.
- 46.6. Có thẩm quyền dừng trận thi đấu khi các điều kiện cho phép.
- 46.7. Có thẩm quyền quyết định cho một đội bỏ cuộc nếu đội đó từ chối thi đấu sau khi đã được giải thích để dàn xếp một điều gì đó.
- 46.8. Kiểm tra một cách cẩn thận biên bản ghi điểm vào cuối thời gian thi đấu hay bất cứ thời điểm nào cảm thấy cần thiết.
- 46.9. Thông qua và ký vào biên bản ghi điểm vào lúc kết thúc thời gian thi đấu, kết thúc việc điều hành của các trọng tài và mọi sự liên quan tới trận đấu. Quyền lực của trọng tài sẽ được bắt đầu từ 20 phút trước khi trận đấu bắt đầu và kết thúc khi kết thúc thời gian thi đấu như đã được các trọng tài thông qua.

- 46.10. Ghi lại vào phần ghi chú của biên bản ghi điểm trước khi ký vào biên bản về bất cứ trường hợp bị truất quyền thi đấu hay hành vi cư xử thiếu tinh thần thể thao của các cầu thủ, các huấn luyện viên, các trợ lý huấn luyện viên hay cán bộ đi theo đội xảy ra trong khoảng thời gian 20 phút trước khi trận đấu bắt đầu hay giữa khoảng thời gian kết thúc các hiệp đấu, thông qua và ký vào biên bản ghi điểm. Trong trường hợp đó, trọng tài chính (giám sát trận thi đấu nếu có mặt) phải gửi một báo cáo chi tiết cho Ban tổ chức của cuộc thi đấu.
- 46.11. Đưa ra quyết định cuối cùng khi cần thiết hay khi các trọng tài không thống nhất. Để đưa ra quyết định cuối cùng, trọng tài chính có thể tham khảo ý kiến tư vấn của trọng tài biên, giám sát trận đấu hay các trọng tài bàn.
- 46.12. Trọng tài chính có quyền quyết định về bất cứ điểm nào không ghi cụ thể trong những điều luật này.

Điều 47. Các trọng tài - Trách nhiệm và quyền hạn

- 47.1. Các trọng tài có quyền ra quyết định đối với

những vi phạm điều luật cả trong và ngoài đường biên gồm cả bàn trọng tài, khu ghế ngồi của đội và khu vực sát ngay phía sau các đường biên.

47.2. Trọng tài sẽ thổi còi khi phát hiện ra những vi phạm điều luật diễn ra, thổi còi kết thúc các hiệp đấu và thấy cần thiết phải dừng trận đấu. Không thổi còi ngay sau khi vừa ném rổ ghi điểm, ném phạt thành công hay khi bóng đang còn là bóng sống.

47.3. Trọng tài cần xem xét và cân nhắc các lỗi vi phạm cá nhân theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Duy trì trận đấu theo đúng tinh thần và nội dung của luật.
- Trọng tài phải làm sáng tỏ được khái niệm ưu thế và kém ưu thế bởi lẽ trọng tài không thể làm gián đoạn trận đấu một cách không cần thiết đối với những lỗi cá nhân do vô ý hoặc không đưa lợi thế cho cầu thủ đội này và gây bất lợi của cầu thủ đội kia.
- Có những đánh giá chung tới khả năng, thái độ, những cử chỉ hành động của các cầu thủ trong quá trình thi đấu.

- Nhất quán trong việc duy trì cân bằng giữa việc kiểm tra trận đấu và tính liên tục của trận đấu, cần thông cảm với những điều mà các vận động viên đang cố gắng thực hiện và thúc đẩy những gì là đúng cho trận đấu.

47.4. Nếu có sự phản đối của một trong hai đội, trong vòng một tiếng đồng hồ sau khi trận đấu kết thúc, trọng tài (giám sát trận đấu nếu có mặt) sẽ phải báo cáo khiếu nại cho ban tổ chức cuộc thi đấu.

47.5. Nếu một trọng tài bị chấn thương hoặc vì bất cứ một lý do gì đó mà không thể hoàn thành nhiệm vụ, thì trong vòng 5 phút trận đấu sẽ bắt đầu trở lại. Khi đó trọng tài còn lại sẽ phải tự mình điều khiển trận đấu cho đến khi kết thúc, trừ trường hợp được thay thế bởi một trọng tài dự bị. Sau khi hội ý, trao đổi với giám sát trận đấu thì trọng tài dự bị có thể thay thế cho trọng tài đã bị chấn thương.

47.6. Đối với các giải đấu quốc tế, nếu cần thiết phải sử dụng lời nói để làm rõ quyết định của mình, trọng tài phải sử dụng tiếng Anh.

47.7. Mỗi trọng tài có quyền đưa ra quyết định trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của

mình, nhưng không được huỷ bỏ hay chất vấn những quyết định của các trọng tài khác.

Điều 48. Trọng tài ghi điểm và trợ lý trọng tài ghi điểm - Trách nhiệm

48.1. Trọng tài ghi điểm sẽ được cung cấp biên bản ghi điểm và sẽ ghi chép kết quả của:

- Các đội, tên, số áo của các cầu thủ chính thức đăng ký tham dự thi đấu và các cầu thủ dự bị. Khi có vi phạm điều luật liên quan đến 5 cầu thủ thi đấu chính thức, các cầu thủ dự bị hay số áo của các cầu thủ tham gia thi đấu thì trọng tài ghi điểm phải thông báo ngay cho trọng tài đứng gần mình nhất.
- Ghi trình tự điểm số, những quả ném rổ được tính điểm và những quả ném phạt đã được thực hiện.
- Ghi lại các lỗi của từng cầu thủ, trọng tài ghi điểm phải thông báo ngay với quan chức khi bất kỳ cầu thủ nào mắc lỗi thứ 5. Trọng tài sẽ phải ghi lại toàn bộ những lỗi cho từng huấn luyện viên, khi một huấn luyện viên bị truất quyền phải báo ngay cho trọng tài. Tương tự trọng tài phải thông báo ngay cho trọng tài chính về các cầu thủ khi mắc phải 2 lỗi phản

tinh thần thể thao và cũng bị truất quyền thi đấu.

- Trọng tài ghi điểm phải báo lại cho các trọng tài về việc xin hội ý của một đội, thông báo cho huấn luyện viên thông qua trọng tài khi HLV không còn lần hội ý nữa ở nửa hiệp đấu tiếp theo hay hiệp phụ.
- Điều khiển mũi tên sở hữu luân phiên, trọng tài ghi điểm sẽ điều chỉnh mũi tên chỉ quyền sở hữu luân phiên ngay sau khi kết thúc nửa thời gian thi đấu đầu tiên đổi sân cho nửa sau của trận đấu.

48.2. Nhiệm vụ của Trọng tài ghi điểm :

- Chỉ ra số lần vi phạm của từng cầu thủ bằng cách giơ bảng báo lại cho huấn luyện viên của cả hai bên về lỗi và số lỗi mà cầu thủ đó đã vi phạm.
- Vị trí bảng báo lỗi đồng đội được đặt ở cuối bàn trọng tài sát với khu ghế ngồi của đội mắc lỗi, khi bóng trở thành bóng sống sau lỗi đồng đội thứ tư trong từng hiệp.
- Cho thay cầu thủ.
- Phát tín hiệu chỉ khi bóng đã chết hoặc trước khi bóng sống trở lại. Tín hiệu âm thanh của trọng tài ghi điểm không làm dừng đồng hồ

thi đấu, trận đấu hay làm cho bóng trở thành bóng chết.

48.3. Trọng tài ghi điểm sẽ điều khiển bảng điểm và trợ giúp trọng tài ghi điểm. Trong trường hợp có bất kỳ sự sai lệch nào giữa bảng điểm và biên bản thi đấu mà không được giải quyết thì sẽ lấy biên bản thi đấu làm cơ sở chính và bảng điểm phải được sửa theo.

48.4. Trường hợp lỗi ghi điểm được phát hiện:

- Trong trận đấu, trọng tài ghi điểm chỉ phát tín hiệu thông báo sau khi bóng chết.
- Ngay sau khi kết thúc trận đấu và trước khi biên bản ghi điểm được trọng tài ký xác nhận, lỗi sẽ được sửa, ngay cả khi có ảnh hưởng đến kết quả của trận đấu.
- Sau khi trọng tài ký vào biên bản ghi điểm thì lỗi không được sửa và trọng tài phải gửi báo cáo chi tiết cho ban tổ chức thi đấu.

Điều 49: Trọng tài thời gian - Trách nhiệm

49.1. Trọng tài thời gian sẽ được trang bị đồng hồ trận đấu, đồng hồ tính thời gian dừng và sẽ:

- Tính thời gian trận đấu, thời gian hội ý và thời gian nghỉ giữa hiệp.
- Đảm bảo tín hiệu âm thanh rõ ràng và tự

động vào thời điểm kết thúc thời gian thi đấu của từng hiệp.

- Sử dụng bất cứ phương tiện có thể để thông báo cho các trọng tài trên sân ngay nếu tín hiệu âm thanh bị hỏng hay không nghe thấy được.
- Ít nhất 3 phút trước khi bắt đầu hiệp thi đấu thứ 3 phải thông báo cho hai đội và các trọng tài.

49.2. Trọng tài theo dõi thời gian thi đấu:

+ Đồng hồ thi đấu bắt đầu khi:

- Một lần nhảy tranh bóng, bóng phải được chạm đúng luật.
- Sau quả ném phạt cuối cùng hay chỉ một quả ném phạt không thành công và bóng vẫn là bóng sống, một cầu thủ trên sân chạm vào bóng.
- Trong khi ném phạt bóng chạm hay được một cầu thủ chạm trên sân.

+ Dừng đồng hồ thi đấu khi :

- Kết thúc thời gian thi đấu của một hiệp.
- Trọng tài thổi còi trong khi bóng đang sống.
- Bóng vào rổ đội đã có yêu cầu hội ý.
- Bóng vào rổ ở 2 phút cuối của hiệp thứ tư

và 2 phút cuối của hiệp phụ.

- Tín hiệu đồng hồ 24 giây báo hiệu bằng âm thanh trong khi một đội đang kiểm soát bóng.

49.3. Trọng tài tính thời gian hội ý:

- Bắt đầu thời gian hội ý ngay sau khi trọng tài đưa ra ký hiệu cho phép hội ý.
- Thông báo bằng tín hiệu âm thanh khi thời gian hội ý đã được 50 giây.
- Thông báo bằng tín hiệu âm thanh khi thời gian hội ý kết thúc.

49.4. Trọng tài tính thời gian nghỉ giữa các hiệp như sau :

- Bắt đầu tính thời gian nghỉ giữa hiệp ngay khi thời gian của hiệp thi đấu trước kết thúc.
- Thông báo bằng tín hiệu âm thanh khi còn 3 phút và 1 phút 30 giây trước đó khi bắt đầu hiệp đấu thứ nhất và thứ ba.
- Thông báo bằng tín hiệu âm thanh về khoảng thời gian còn lại 30 giây trước khi thi đấu hiệp thứ hai, hiệp thứ tư và các hiệp phụ.

Điều 50. Trọng tài điều khiển đồng hồ 24 giây-Trách nhiệm

Trọng tài 24 giây sẽ được cung cấp đồng hồ 24 giây và sử dụng như sau :

50.1. Đồng hồ sẽ bắt đầu chạy hay bắt đầu chạy lại khi một đội giành được quyền kiểm soát bóng sống trên sân đấu.

50.2. Dừng và điều chỉnh lại đồng hồ 24 giây khi đồng hồ không thể hiện số giây ngay :

- Khi trọng tài thổi còi phạt lỗi hay vi phạm luật.
- Một quả ném bóng vào rổ ghi điểm.
- Một quả ném bóng chạm vào vòng rổ rồi vào rổ ghi điểm.
- Trận đấu bị dừng vì một hành động có liên quan đến đội không kiểm soát bóng.
- Trận đấu bị dừng vì có một hành động không liên quan đến đội nào trừ khi đối phương đang ở tình thế bất lợi.

50.3. Điều chỉnh lại đồng hồ 24 giây để hiển thị thời gian rõ ràng và bắt đầu tính thời gian lại ngay sau khi một đội giành quyền kiểm soát bóng sống trên sân.

Đồng hồ 24 giây sẽ vẫn tiếp tục tính thời gian ngay cả khi cầu thủ chỉ chạm bóng trong khi đội có bóng vẫn còn quyền kiểm soát bóng.

50.4. Dừng nhưng không điều chỉnh đồng hồ 24

giây khi chính đội trước đó đã kiểm soát bóng được hưởng quả phát bóng biên vì các trường hợp :

- Bóng ngoài biên.
- Một cầu thủ của chính đội đó bị chấn thương.
- Một tình huống nhảy tranh bóng.
- Lỗi hai bên.
- Huỷ bỏ các lỗi tương tự với hai đội.

50.5. Dừng hẳn và tắt đồng hồ 24 giây khi một đội giành quyền kiểm soát bóng sống trên sân và đồng hồ thi đấu hiển thị còn lại ít hơn 24 giây của bất kỳ hiệp đấu nào.

Tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây không làm dừng đồng hồ thi đấu hay trận đấu hay không làm bóng chết trừ trường hợp một đội đang có quyền kiểm soát bóng.

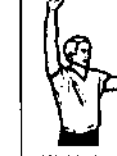
A - CÁC KÝ HIỆU CỦA TRỌNG TÀI

- A1. Các ký hiệu bằng tay được minh hoạ trong những điều luật này thì chỉ là những ký hiệu của trọng tài. Các trọng tài phải sử dụng những ký hiệu này trong tất cả các cuộc thi đấu bóng rổ.
- A2. Điều quan trọng là các trọng tài bàn cũng phải thông thuộc được các ký hiệu này.

I. ĐIỂM SỐ

1 Một điểm  Giơ 1 ngón Vẫy cổ tay	2 Hai điểm  Giơ 2 ngón Vẫy cổ tay	3 Có đồng tác nội ba điểm  Giơ 3 ngón tay	4 Ba điểm được lĩnh  Giơ 3 ngón tay của cả hai tay	5 Hủy bỏ điểm số  Hai tay chéo nhau ngang trước ngực
--	--	--	--	--

II. KÝ HIỆU LIÊN QUAN TỚI ĐỒNG HỒ

6 Dừng đồng hồ (thời còi hay không bắt đầu tính giờ).  Mở lòng bàn tay	7 Dừng đồng hồ vì có lỗi (thời còi)  Một bàn tay nắm chặt giờ cao còn lòng bàn tay kia mở chỉ hướng người phạm lỗi	8 Tinh giờ  Bàn tay chém xuống	9 Ký hiệu 24 giây  Quay bàn tay ngón trỏ đuôi thẳng
--	---	--	--

III. ĐIỀU KHIỂN

10 Thay người  Hai cẳng tay bất chéo	11 Mời vào sân  Lồng bàn tay mở, vẫy về phía thân người	12 Tạm dừng  Ký hiệu chữ T. Ngón trỏ đuôi thẳng	13 Thông báo giữa các trọng tài và bàn thư ký  Nắm tay, ngón tay cái đưa lên
--	--	--	---

IV. CÁC VI PHẠM LUẬT

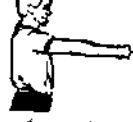
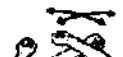
14 Chạy bước   Quay hai nắm tay	15 Dẫn bóng phạm luật hoặc hai lần dẫn bóng   Đồng tác vỗ nhẹ	16 Lật bóng   Quay nửa vòng chỉ hướng về trước	17 Phạm luật 3 giây   Tay đưa thẳng sang ngang, giờ 3 ngón tay
18 Phạm luật 5 giây   Giờ 5 ngón tay	19 Phạm luật 8 giây   Giờ 8 ngón tay	20 Phạm luật 24 giây   Chụm các ngón tay chạm vai	21 Bóng trở về sân sau   Vung cánh tay, ngón trỏ đuổi chỉ hướng
22 Cố tình đá bóng   Chỉ ngón tay xuống phía chân	23 Bóng ra ngoài sân hoặc hướng thi đấu   Chỉ ngón tay song song đường biên dọc	24 Nhảy tranh bóng   Giờ 2 ngón cái sau đó chỉ ngón tay về hướng không chế	

V. THÔNG BÁO LỖI CHO TRỌNG TÀI BÀN (BA BƯỚC)

Bước 1 : số áo của cầu thủ

25 Số 4 	26 Số 5 	27 Số 6 	28 Số 7 
29 Số 8 	30 Số 9 	31 Số 10 	32 Số 11 
33 Số 12 	34 Số 13 	35 Số 14 	36 Số 15 

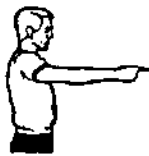
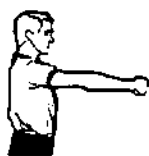
Bước 2 : Loại lỗi

37	Lỗi chạm tay	38	Cản người (tấn công hay phòng thủ)	39	Đánh khuỷu tay	40	Ôm người
 	 	 	 				
Đập cổ tay	Chống hay tay lên hông	Đánh khuỷu tay ra sau	Nắm cổ tay kéo xuống				
41	Đẩy người hay cản người không có bóng	42	Cản người có bóng	43	Lỗi tấn công	44	Lỗi 2 bên
 	 	 	 				
Làm động tác đẩy người	Đặt nắm đấm vào lòng bàn tay mở	Đưa nắm tay về phía rổ của đối tấn công	Vùng chéo 2 nắm tay trên đầu				
45	Lỗi kỹ thuật	46	Lỗi phản tinh thần thể thao	47	Lỗi trượt quyền		
							
Hình chữ T lòng bàn tay	Nắm chặt cổ tay giờ lên cao	Giờ hai nắm tay lên cao					

Bước 3 : Số quả ném phạt

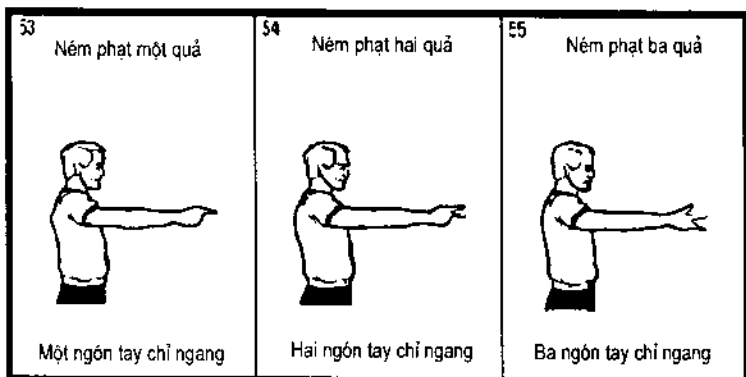
48 Ném phạt một quả  Giơ một ngón tay	49 Ném phạt hai quả  Giơ hai ngón tay	50 Ném phạt ba quả  Giơ ba ngón tay
--	--	--

Hướng thi đấu

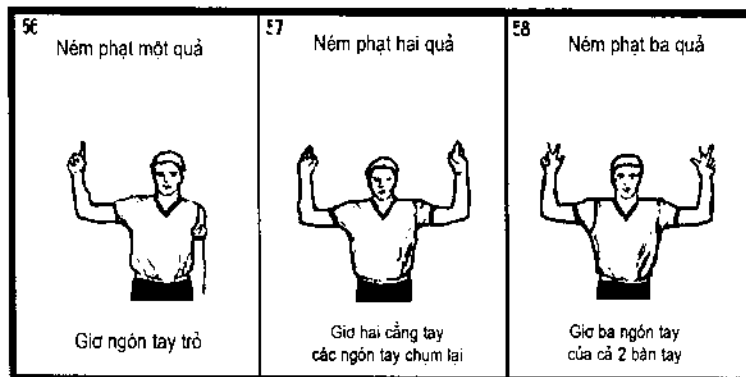
51  Chỉ ngón tay, cánh tay song song đường biên dọc	52 Sau khi lỗi tấn công  Bàn tay nằm chặt cánh tay song song đường biên dọc
--	--

VI. THỦ TỤC NÉM PHẠT (2 BƯỚC)

Bước 1 - Bên trong khu vực giới hạn



Bước 2 - Bên ngoài khu vực giới hạn



B-BẢNG GHI ĐIỂM

Bảng ghi điểm

Đội A										Đội B																																																																																																																															
Giải _____ Ngày _____ Giờ _____ Trọng tài _____					Trận số _____ Sân _____ Trọng tài 1 _____ Trọng tài 2 _____																																																																																																																																				
Đội A Hội ý <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Hiệp ① <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Lỗi đồng đội ② <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Hiệp ③ <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> ④ <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Hiệp phụ <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table>					Điểm ghi <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <th>A</th><th>B</th><th>A</th><th>B</th><th>A</th><th>B</th><th>A</th><th>B</th></tr> <tr><td>1</td><td>41</td><td>11</td><td>81</td><td>81</td><td>121</td><td>2</td><td>121</td></tr> <tr><td>2</td><td>42</td><td>22</td><td>82</td><td>82</td><td>122</td><td>3</td><td>123</td></tr> <tr><td>3</td><td>43</td><td>33</td><td>83</td><td>83</td><td>124</td><td>4</td><td>124</td></tr> <tr><td>4</td><td>44</td><td>44</td><td>84</td><td>84</td><td>125</td><td>5</td><td>125</td></tr> <tr><td>5</td><td>45</td><td>55</td><td>85</td><td>85</td><td>126</td><td>6</td><td>126</td></tr> <tr><td>6</td><td>46</td><td>66</td><td>86</td><td>86</td><td>127</td><td>7</td><td>127</td></tr> <tr><td>7</td><td>47</td><td>77</td><td>87</td><td>87</td><td>128</td><td>8</td><td>128</td></tr> <tr><td>8</td><td>48</td><td>88</td><td>88</td><td>88</td><td>129</td><td>9</td><td>129</td></tr> <tr><td>9</td><td>49</td><td>99</td><td>89</td><td>89</td><td>130</td><td>10</td><td>130</td></tr> <tr><td>10</td><td>50</td><td>100</td><td>90</td><td>90</td><td>131</td><td>11</td><td>131</td></tr> <tr><td>11</td><td>51</td><td>111</td><td>91</td><td>91</td><td>132</td><td>12</td><td>132</td></tr> <tr><td>12</td><td>52</td><td>122</td><td>92</td><td>92</td><td>133</td><td>13</td><td>133</td></tr> <tr><td>13</td><td>53</td><td>133</td><td>93</td><td>93</td><td>134</td><td>14</td><td>134</td></tr> <tr><td>14</td><td>54</td><td>144</td><td>94</td><td>94</td><td>135</td><td>15</td><td>135</td></tr> <tr><td>15</td><td>55</td><td>155</td><td>95</td><td>95</td><td>136</td><td>16</td><td>136</td></tr> </table>					A	B	A	B	A	B	A	B	1	41	11	81	81	121	2	121	2	42	22	82	82	122	3	123	3	43	33	83	83	124	4	124	4	44	44	84	84	125	5	125	5	45	55	85	85	126	6	126	6	46	66	86	86	127	7	127	7	47	77	87	87	128	8	128	8	48	88	88	88	129	9	129	9	49	99	89	89	130	10	130	10	50	100	90	90	131	11	131	11	51	111	91	91	132	12	132	12	52	122	92	92	133	13	133	13	53	133	93	93	134	14	134	14	54	144	94	94	135	15	135	15	55	155	95	95	136	16	136
A	B	A	B	A	B	A	B																																																																																																																																		
1	41	11	81	81	121	2	121																																																																																																																																		
2	42	22	82	82	122	3	123																																																																																																																																		
3	43	33	83	83	124	4	124																																																																																																																																		
4	44	44	84	84	125	5	125																																																																																																																																		
5	45	55	85	85	126	6	126																																																																																																																																		
6	46	66	86	86	127	7	127																																																																																																																																		
7	47	77	87	87	128	8	128																																																																																																																																		
8	48	88	88	88	129	9	129																																																																																																																																		
9	49	99	89	89	130	10	130																																																																																																																																		
10	50	100	90	90	131	11	131																																																																																																																																		
11	51	111	91	91	132	12	132																																																																																																																																		
12	52	122	92	92	133	13	133																																																																																																																																		
13	53	133	93	93	134	14	134																																																																																																																																		
14	54	144	94	94	135	15	135																																																																																																																																		
15	55	155	95	95	136	16	136																																																																																																																																		
HLV Trợ lý HLV _____					HLV Trợ lý HLV _____																																																																																																																																				
Đội B Hội ý <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Hiệp ① <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Lỗi đồng đội ② <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Hiệp ③ <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> ④ <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table> Hiệp phụ <table border="1" style="display: inline-table; width: 40px; height: 40px; vertical-align: middle;"></table>					Điểm ghi <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <th>A</th><th>B</th><th>A</th><th>B</th><th>A</th><th>B</th><th>A</th><th>B</th></tr> <tr><td>1</td><td>41</td><td>11</td><td>81</td><td>81</td><td>121</td><td>2</td><td>121</td></tr> <tr><td>2</td><td>42</td><td>22</td><td>82</td><td>82</td><td>122</td><td>3</td><td>123</td></tr> <tr><td>3</td><td>43</td><td>33</td><td>83</td><td>83</td><td>124</td><td>4</td><td>124</td></tr> <tr><td>4</td><td>44</td><td>44</td><td>84</td><td>84</td><td>125</td><td>5</td><td>125</td></tr> <tr><td>5</td><td>45</td><td>55</td><td>85</td><td>85</td><td>126</td><td>6</td><td>126</td></tr> <tr><td>6</td><td>46</td><td>66</td><td>86</td><td>86</td><td>127</td><td>7</td><td>127</td></tr> <tr><td>7</td><td>47</td><td>77</td><td>87</td><td>87</td><td>128</td><td>8</td><td>128</td></tr> <tr><td>8</td><td>48</td><td>88</td><td>88</td><td>88</td><td>129</td><td>9</td><td>129</td></tr> <tr><td>9</td><td>49</td><td>99</td><td>89</td><td>89</td><td>130</td><td>10</td><td>130</td></tr> <tr><td>10</td><td>50</td><td>100</td><td>90</td><td>90</td><td>131</td><td>11</td><td>131</td></tr> <tr><td>11</td><td>51</td><td>111</td><td>91</td><td>91</td><td>132</td><td>12</td><td>132</td></tr> <tr><td>12</td><td>52</td><td>122</td><td>92</td><td>92</td><td>133</td><td>13</td><td>133</td></tr> <tr><td>13</td><td>53</td><td>133</td><td>93</td><td>93</td><td>134</td><td>14</td><td>134</td></tr> <tr><td>14</td><td>54</td><td>144</td><td>94</td><td>94</td><td>135</td><td>15</td><td>135</td></tr> <tr><td>15</td><td>55</td><td>155</td><td>95</td><td>95</td><td>136</td><td>16</td><td>136</td></tr> </table>					A	B	A	B	A	B	A	B	1	41	11	81	81	121	2	121	2	42	22	82	82	122	3	123	3	43	33	83	83	124	4	124	4	44	44	84	84	125	5	125	5	45	55	85	85	126	6	126	6	46	66	86	86	127	7	127	7	47	77	87	87	128	8	128	8	48	88	88	88	129	9	129	9	49	99	89	89	130	10	130	10	50	100	90	90	131	11	131	11	51	111	91	91	132	12	132	12	52	122	92	92	133	13	133	13	53	133	93	93	134	14	134	14	54	144	94	94	135	15	135	15	55	155	95	95	136	16	136
A	B	A	B	A	B	A	B																																																																																																																																		
1	41	11	81	81	121	2	121																																																																																																																																		
2	42	22	82	82	122	3	123																																																																																																																																		
3	43	33	83	83	124	4	124																																																																																																																																		
4	44	44	84	84	125	5	125																																																																																																																																		
5	45	55	85	85	126	6	126																																																																																																																																		
6	46	66	86	86	127	7	127																																																																																																																																		
7	47	77	87	87	128	8	128																																																																																																																																		
8	48	88	88	88	129	9	129																																																																																																																																		
9	49	99	89	89	130	10	130																																																																																																																																		
10	50	100	90	90	131	11	131																																																																																																																																		
11	51	111	91	91	132	12	132																																																																																																																																		
12	52	122	92	92	133	13	133																																																																																																																																		
13	53	133	93	93	134	14	134																																																																																																																																		
14	54	144	94	94	135	15	135																																																																																																																																		
15	55	155	95	95	136	16	136																																																																																																																																		
HLV Trợ lý HLV _____					HLV Trợ lý HLV _____																																																																																																																																				
Trọng tài ghi điểm _____ Trọng tài ghi điểm _____ Trọng tài thời gian _____ Trọng tài 24 giây _____					Điểm hiệp ① A _____ B _____ Điểm hiệp ② A _____ B _____ Điểm hiệp ③ A _____ B _____ Điểm hiệp ④ A _____ B _____ Hiệp phụ A _____ B _____																																																																																																																																				
Trọng tài _____ Trọng tài 1 _____ Trọng tài 2 _____ Chữ ký đội trưởng trong trường hợp khiếu nại _____					Điểm số cuối cùng Đội A _____ Đội B _____ Đội thắng _____																																																																																																																																				

- B.1. Bảng ghi điểm chính thức được hội đồng kỹ thuật FIBA công nhận theo bảng mẫu.
- B.2. Bảng ghi điểm được làm thành 4 bản có màu khác nhau: 1 bản gốc màu trắng giữ lại tại Liên đoàn bóng rổ quốc tế, bản phô tô thứ nhất màu xanh dành cho ban tổ chức thi đấu, bản phô tô thứ hai màu hồng dành cho đội thắng còn bản thứ ba màu vàng là biên bản của đội thua.

Ghi chú:

1. Đề nghị người ghi điểm sử dụng 2 bút màu khác nhau để ghi điểm: một cho hiệp thứ nhất và hiệp thứ ba; một cho hiệp thứ hai và hiệp thứ tư.
 2. Có thể dùng biên bản ghi điểm bằng điện tử.
- B.3. Trong vòng 20 phút trước khi trận đấu bắt đầu người ghi điểm sẽ chuẩn bị bảng ghi điểm theo trình tự sau:
- B.3.1. Viết danh sách đầy đủ của cả hai đội vào đúng phần quy định của bảng ghi điểm, đội chủ nhà luôn được ưu tiên và là đội thứ nhất của chương trình thi đấu.
- Trường hợp các giải thi đấu được tổ chức tại một sân trung gian nào đó đội thứ nhất sẽ được thông báo trước và là đội A, đội thứ hai sẽ là đội B.

B.3.2. Người ghi điểm sẽ ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên của giải;
- Số thứ tự trận đấu;
- Ngày, tháng, địa điểm thi đấu;
- Tên của trọng tài chính và các trợ lý trọng tài.

Bảng ghi điểm

Đội A			Đội B		
Giải	WCM	Ngày 20.11.2014	Giờ 20:00	Trọng tài 1	WALTON, M.
Trận số	5	Sân	GENEVA	Trọng tài 2	CHANG, Y. BARTOK, K.

B.3.3. Người ghi điểm sẽ ghi đầy đủ danh sách cầu thủ của cả hai đội theo thứ tự đội A ở phía trên, đội B phía bên dưới của bảng ghi điểm.

B.3.3.1. Cột thứ nhất ghi số thẻ của mỗi cầu thủ (3 số cuối cùng). Trong trường hợp nhiều giải, số thẻ của cầu thủ sẽ được xác định chỉ có ở trận đấu thứ nhất của đội đó.

B.3.3.2. Cột thứ hai ghi tên của mỗi cầu thủ, tất cả bằng chữ in hoa, bên cạnh ghi số áo tương ứng của các cầu thủ sẽ tham gia thi đấu.

Đội trưởng của đội sẽ được xác định bởi chữ viết tắt(Cap) ngay sau tên của anh ta.

B.3.3.3. Nếu một đội không có mặt đủ 12 cầu thủ, người ghi điểm sẽ gạch thẳng chạy suốt khoảng trống từ số thẻ, tên, số áo của các cầu thủ không tham dự.

B.3.4. Ở phần cuối của mỗi đội, người ghi điểm sẽ viết (chữ in hoa) danh sách huấn luyện viên trưởng và trợ lý HLV của đội.

B.4. Ít nhất 10 phút trước trận đấu các HLV sẽ phải:

B.4.1. Đăng ký số áo và danh sách các cầu thủ của đội mình.

B.4.2. Đăng ký danh sách HLV trưởng và trợ lý HLV.

B.4.3. Đăng ký 5 cầu thủ sẽ tham gia thi đấu đầu tiên bằng việc đánh dấu “x” nhỏ bên cạnh số áo của các cầu thủ trong cột thứ tự.

B.4.4. Ký vào bảng ghi điểm.

Huấn luyện viên của đội “A” sẽ là người cung cấp thông tin này.

B.5. Trước khi trận đấu diễn ra người ghi điểm sẽ khoanh tròn vào danh sách 5 cầu thủ đã được đánh dấu “x” của mỗi đội.

B.6. Khi có sự tham dự của cầu thủ dự bị ở trận đấu

thứ nhất, người ghi điểm sẽ đánh một dấu “x” nhỏ (nhưng không khoanh tròn) bên cạnh số áo của cầu thủ đó trong cột thứ tự.

Đội B <i>HOOPERS</i>										
Hội ý		Lỗi đồng đội								
		Hiệp ①			②					
		Hiệp ③			④					
		Hiệp phụ								
Số thẻ	Tên cầu thủ		Số áo	Vào sân	Lỗi					
					1	2	3	4	5	
001	MAYER, F.		4		P ₁					
002	JONES, M.		5		P	P	P ₂			
003	SMITH, E.		6		P ₂	U ₂	P	P ₁		
004	FRANK, Y.		7		T ₂	P ₂				
010	NANCE, L.		8		P	P	U ₁			
012	KING, H. (CAP)		9		P ₁	P				
014	WONG, P.		10							
015	RUSH, S.		11		P ₃	P ₂				
			12							
021	MARTINEZ, M.		13		P ₂	P	P ₂	T ₂		
022	SANCHES, N.		14		P ₂	P ₂	P ₂	P	U ₃	
024	MANOS, K.		15		P ₂	D ₂				
HLV	LOOP, A.						C ₂	B ₂		
HLV phó	MONTA, B.									

B.7. Tính thời gian hội ý.

B.7.1. Những lần hội ý được phép ở mỗi hiệp và hiệp phụ sẽ được xác định bằng việc đánh dấu “X” hoa vào các ô trống thích hợp phía dưới tên của đội trên bảng ghi điểm.

B.7.2. Ở cuối mỗi hiệp hay hiệp phụ những ô trống không sử dụng đến sẽ được gạch bằng hai đường song song (/ /).

B.8 Các lỗi.

B.8.1. Các lỗi của các đấu thủ có thể là lỗi cá nhân, lỗi kỹ thuật, lỗi phi thể thao hay bị truất quyền sẽ được tính cho cầu thủ.

B.8.2. Các lỗi được gây ra bởi huấn luyện viên trưởng, trợ lý huấn luyện viên, cầu thủ dự bị và những người đi cùng đội sẽ được tính cho HLV.

B.8.3. Tiến hành ghi các lỗi như sau:

B.8.3.1. Lỗi cá nhân sẽ được viết bằng chữ “P”.

B.8.3.2. Lỗi kỹ thuật của cầu thủ sẽ được viết bằng chữ “T”.

B.8.3.3. Lỗi kỹ thuật do hành vi phi thể thao của HLV sẽ được viết bằng chữ “C”. Đối với lỗi thứ 2 tương tự cũng sẽ được viết bằng một chữ “C” tại ô trống còn lại sau chữ “D”.

B.8.3.4. Lỗi kỹ thuật phạt HLV vì bất cứ lý do nào sẽ được viết bằng chữ “B”.

- B.8.3.5. Lỗi phi thể thao sẽ được viết bằng chữ “U”, một lỗi thứ hai tương tự cũng sẽ được viết bằng một chữ “U” nữa vào ô trống còn lại sau chữ “D”.
- B.8.3.6. Lỗi truất quyền sẽ được ghi bằng chữ “D”.
- B.8.3.7. Bất kỳ lỗi nào đó (lỗi kỹ thuật, lỗi cá nhân, lỗi phi thể thao hay bị truất quyền thi đấu) bao gồm ném phạt, sẽ được xác định thêm bởi số lần ném phạt (1, 2 hay 3) bên cạnh các chữ cái: P, T, C, B, U hay D.
- B.8.3.8. Tất cả các lỗi của hai đội gồm xử phạt nghiêm trọng và huỷ bỏ theo Điều 42 (các tình huống đặc biệt) sẽ được ghi bằng chữ “c” nhỏ bên cạnh các chữ cái: P, T, C, B, U hay D.
- B.8.3.9. Cuối mỗi hiệp người ghi điểm sẽ gạch một đường đậm từ khoảng trống đã được sử dụng và các ô trống chưa sử dụng. Cuối trận đấu, người ghi điểm sẽ gạch toàn bộ các ô trống còn lại bằng một đường gạch đậm.
- B.8.3.10. Các trường hợp lỗi truất quyền.
Các lỗi truất quyền đối với huấn luyện viên, trợ lý HLV, các cầu thủ dự bị hay người đi cùng đội do rời khỏi khu vực ghế băng của đội theo Điều 39 sẽ ghi chữ “F” vào các ô trống ghi lỗi còn lại.

HLV	LOOR, A	D	F	F
HLV phó	MONTA, B			

HLV	LOOR, A	B		
HLV phó	MONTA, B	F	F	F

HLV	LOOR, A	D	F	F
HLV phó	MONTA, B	F	F	F

- Nếu câu thủ dự bị mắc lỗi thứ tư sẽ ghi một chữ "F" vào ô trống còn lại.

003	SMITH, E.	6	X	P ₁	P ₂	F	F	F
-----	-----------	---	---	----------------	----------------	---	---	---

- Nếu là lỗi thứ năm của câu thủ dự bị thì sẽ ghi chữ "F" vào ô ghi lỗi cuối cùng.

002	JONES, M.	5	X	T ₁	P ₁	P ₁	P ₁	F
-----	-----------	---	---	----------------	----------------	----------------	----------------	---

- Nếu câu thủ chính thức mắc đến lỗi thứ năm sẽ ghi chữ "F" ở phía bên ngoài ngay sau lỗi cuối cùng.

015	RUSH, S	11	X	T ₁	P ₂	P ₂	P ₁	P ₂	F
-----	---------	----	---	----------------	----------------	----------------	----------------	----------------	---

	A	B
	1	6
	2	6
5	3	1
	4	4
11	8	7
11	6	5
	7	7
10	8	4
	9	10
10	9	1
	12	7
8	18	1
6	14	
6	15	6
	16	16
5	17	17
	18	6
5	19	
20	20	9
2	2	
10	22	9
17	24	
	25	7
	26	7
10	27	
	28	6
10	29	
	30	8
4	3	
	32	5
4	33	5
4	34	
	35	19
10	36	
	37	12
	38	
10	39	12
10	40	12

- Ngoài những ví dụ về các lỗi đã nêu ở trên, khi người đi cùng đội bị truất quyền thì một lỗi kỹ thuật sẽ được ghi.

HLV	LOOR, A.	B.		
HLV phó	MONTA, B.			

Ghi chú: Lỗi kỹ thuật hay lỗi bị truất quyền được quy định tại Điều 39 sẽ không tính vào lỗi của đội.

- B.8.3.11. Lỗi truất quyền đối với một cầu thủ dự bị (không quy định ở Điều 39), sẽ được ghi theo các trường hợp:

001	MAYER, F.	4		D			
-----	-----------	---	---	---	--	--	--

HLV	LOOR, A.	B.		
HLV phó	MONTA, B.			

- B.8.3.12. Lỗi đối với trợ lý HLV (không quy định tại Điều 39), sẽ được ghi:

HLV	LOOR, A.	B.		
HLV phó	MONTA, B.	D		

- B.8.3.13. Lỗi truất quyền thi đấu đối với một cầu thủ bị đuổi sau khi anh ta mắc lỗi thứ năm (không quy định tại Điều 39), sẽ được ghi theo các trường hợp:

015	RUSH, S.	11	X	T ₁	P ₁	P ₂	P ₃	P ₄	D
-----	----------	----	---	----------------	----------------	----------------	----------------	----------------	---

HLV	LOOR, A.	B		
HLV phó	MONTA, B.			

B.9. Lỗi của đội.

B.9.1. Với mỗi hiệp thi đấu, lỗi của đội được ghi vào 4 ô trống ngay sau chỗ ghi tên của đội và bên trên chỗ ghi tên cầu thủ.

B.9.2. Bất cứ khi nào cầu thủ mắc lỗi, dù là lỗi cá nhân, lỗi kỹ thuật, lỗi phi thể thao hay bị truất quyền thi đấu, người ghi điểm sẽ ghi lỗi đó vào lỗi của đội bằng việc đánh dấu "X" lớn vào ô trống theo quy định.

B.10. Trình tự ghi điểm.

B.10.1. Người ghi điểm sẽ ghi tổng số điểm được tăng dần liên tiếp của mỗi đội.

B.10.2. Có 4 cột trong tờ ghi điểm.

B.10.3. Hai cột bên trái dành cho đội A, hai cột bên phải cho đội B. Các cột ở giữa là để ghi số điểm tăng dần (160 điểm) cho mỗi đội.

Trọng tài ghi điểm sẽ:

- Trước tiên, gạch một gạch chéo (/) cho các điểm đã được tính và khoanh vòng tròn đậm (●) với bất kỳ lần ném phạt vào rổ được tính điểm ở

ngay số điểm tổng cộng mà đội vừa ghi được.

- Sau đó, ở khoảng trống bên cạnh cộng tổng số điểm mới (gạch / hay ●), ghi lại số áo của đấu thủ ném phạt vào rổ.

B.11. Phân bổ sung.

B.11.1. Ném rổ tính 3 điểm cho một cầu thủ sẽ khoanh vòng tròn quanh số áo của cầu thủ đó ở cột ghi số áo của cầu thủ.

B.11.2. Tự ném bóng vào rổ đội mình thì sẽ ghi điểm đó cho đội trưởng của đội đối phương.

B.11.3. Các điểm được tính khi bóng chưa vào rổ (Điều 31 can thiệp vào bóng trong phòng thủ và tấn công) thì sẽ ghi điểm cho cầu thủ đã ném rổ.

B.11.4. Kết thúc mỗi hiệp đấu, trọng tài ghi điểm sẽ khoanh vòng tròn đậm nét quanh số điểm cuối cùng của mỗi đội đã ghi được và gạch đậm dưới số điểm cũng như số áo của cầu thủ ghi điểm cuối cùng.

B.11.5. Khi bắt đầu mỗi hiệp tiếp theo, người ghi điểm sẽ tiếp tục trình tự ghi điểm như đã nói ở trên từ điểm dừng lại.

B.11.6. Trọng tài ghi điểm nên kiểm tra trình tự ghi điểm so với số điểm trên bảng điểm bất cứ khi nào có thể. Nếu có sự không thống nhất

và điểm số mình ghi là đúng, ngay lập tức tới bảng điểm và sửa lại cho đúng. Nếu có nghi ngờ hoặc một trong hai đội phản nản về sự điều chỉnh điểm thì người ghi điểm phải thông báo cho trọng tài cho bóng chết và dừng đồng hồ thi đấu lại.

B.12. Tổng kết điểm.

B.12.1. Khi kết thúc trận đấu, trọng tài ghi điểm sẽ gạch đậm phía dưới số điểm cuối cùng và số cầu thủ đã ghi điểm của mỗi đội, và sẽ gạch chéo hết các số còn lại từ vị trí gạch đậm đó đến phía cuối cột ghi điểm.

7	7	7	6
7	7	7	6
7	7	7	6
	73	73	
9	74	74	
	75	75	
11	76	76	
	77	77	
	78	78	
	79	79	
	80	80	

B.12.2. Khi kết thúc mỗi hiệp, trọng tài ghi điểm sẽ ghi tỷ số điểm của hiệp đó vào vị trí quy định ở cuối biên bản ghi điểm.

B.12.3. Khi kết thúc trận đấu, trọng tài ghi điểm sẽ ghi lại số điểm chung cuộc của mỗi đội và tên của đội thắng.

B.12.4. Trọng tài ghi điểm sẽ ghi họ tên bằng chữ in hoa vào bảng ghi điểm và chuyển nó cho trọng lý ghi điểm, trọng tài thời gian bấm giờ và trọng tài 24 giây.

B.12.5. Trọng lý trọng tài ký, trọng tài chính là người cuối cùng ký vào tờ ghi điểm đó cũng là thủ tục cuối cùng của trận đấu.

Ghi chú: Nếu một trong hai đội trưởng ký vào tờ ghi điểm dưới phần khiếu nại (khoảng trống sử dụng cho chữ ký của đội trưởng trong trường hợp có khiếu nại), trọng tài ghi điểm, trọng tài bàn và trọng lý trọng tài sẽ báo cho trọng tài chính và chờ cho đến khi trọng tài chính cho phép kết thúc.

Trọng tài ghi điểm	<u>N. MAIER</u>	Điểm hiệp ①	A <u>15</u>	B <u>18</u>
Trợ lý trọng tài ghi điểm	<u>O. SABAY</u>	Điểm hiệp ②	A <u>19</u>	B <u>10</u>
Trọng tài thời gian	<u>R. LEBLANC</u>	Điểm hiệp ③	A <u>26</u>	B <u>19</u>
Trọng tài 24 giây	<u>K. AUSTIN</u>	Điểm hiệp ④	A <u>18</u>	B <u>25</u>
		Hiệp phụ	A <u>/</u>	B <u>/</u>
Trọng tài chính	<u>M. C. S. S.</u>	Điểm số cuối cùng	Đội A <u>76</u>	Đội B <u>72</u>
Trọng tài 1	<u>Y. S. S.</u>	Đội thắng	<u>HUYPHUS</u>	
Chữ ký đội trưởng trong trường hợp khiếu nại				

C - CÁC THỦ TỤC KHIẾU NẠI

Quy định về khiếu nại của Liên đoàn bóng rổ quốc tế: Nếu một đội cho rằng quyết định của trọng tài (Trọng tài chính và trọng tài phụ) mà có thiệt

cho đội mình hay bất cứ vấn đề nào đó xảy ra trong thời gian trận đấu, thì phải tiến hành theo thủ tục sau:

C.1. Đội trưởng của đội phải thông báo cho trọng tài chính ngay sau khi trận đấu kết thúc về việc khiếu nại kết quả trận đấu bằng cách ký tên vào chỗ “Chữ ký của đội trưởng trong trường hợp khiếu nại”.

Để việc khiếu nại có hiệu lực nhất thiết phải có đại diện quan chức của Liên đoàn quốc gia hoặc của câu lạc bộ xác nhận bằng văn bản và phải được tiến hành trong vòng 20 phút sau khi trận đấu kết thúc.

Không cần giải thích chi tiết chỉ cần ghi các thông tin sau: Liên đoàn quốc gia hoặc câu lạc bộ X khiếu nại kết quả của trận đấu giữa hai đội X và Y. Sau đó thông báo cho đại diện của FIBA hay Chủ tịch của Ủy ban kỹ thuật, kèm theo 250 USD tiền bảo đảm.

Liên đoàn quốc gia của đội hoặc câu lạc bộ đề nghị khiếu nại, sau khi trận đấu kết thúc một giờ, phải thông báo cho đại diện của FIBA hay Chủ tịch của Ủy ban kỹ thuật nội dung của bản khiếu nại. Nếu bản khiếu nại được chấp thuận thì số tiền bảo đảm sẽ được trả lại.

C.2. Sau khi trận đấu kết thúc 1 giờ thành viên hội

đồng hoặc trọng tài sẽ báo lại những sự việc xảy ra dẫn đến khiếu nại cho đại diện của FIBA, Chủ tịch Ủy ban kỹ thuật.

- C.3. Nếu Liên đoàn quốc gia của đội hay câu lạc bộ đề nghị khiếu nại hoặc của đội đối phương không đồng ý với quyết định của Ủy ban kỹ thuật, thì sau đó có thể gửi đơn khiếu nại cho Ban thanh tra.

Để có giá trị, cần phải phải làm văn bản trong vòng 20 phút sau quyết định của Ủy ban kỹ thuật, kèm theo 500 USD tiền bảo đảm. Ban thanh tra sẽ xem xét và ra quyết định cuối cùng.

- C.4. Các phương tiện như: Videos, phim, tranh ảnh hay bất kỳ một thiết bị nào đều không được sử dụng để quyết định hay làm thay đổi kết quả trận đấu. Sử dụng trang thiết bị này chỉ dùng cho mục đích giáo dục và đào tạo.

D - XẾP HẠNG CÁC ĐỘI

D.1. Trình tự.

Các đội sẽ được xếp hạng theo điểm thắng và thua: Thắng 2 điểm, thua 1 điểm (kể cả thua do bỏ cuộc) và 0 điểm cho trận đấu bị tước quyền.

- D.1.1. Nếu hai đội xếp hạng ngang nhau, thì kết quả của một hay nhiều trận đấu giữa hai đội

đó sẽ được sử dụng để xác định thứ hạng.

- D.1.2. Nếu tổng số điểm và tỷ số trung bình vẫn bằng nhau, thì việc xác định thứ hạng sẽ được xác định bởi kết quả tỷ số trung bình của những trận đấu trong bảng của từng đội.
- D.1.3. Nếu có hơn hai đội ngang bằng nhau về điểm, thì sự xếp hạng sẽ được xác định theo kết quả của những trận đấu giữa các đội đó.
- D.1.4. Trường hợp vẫn bằng nhau, sau khi sử dụng cách xếp hạng thứ hai, tỷ số điểm trung bình sẽ được dùng để xếp hạng, chỉ tính kết quả của những trận đấu giữa các đội vẫn còn bằng nhau.
- D.1.5. Nếu có các đội vẫn bằng nhau, thứ hạng sẽ được xác định bằng dùng tỷ số điểm trung bình từ kết quả của tất cả những trận đấu mà họ đã chơi trong bảng.
- D.1.6. Nếu trong bất cứ trường hợp nào đó, dùng cách xếp hạng trên, số đội liên quan được giảm xuống chỉ còn 2 đội bằng nhau thì phải áp dụng theo cách D.1.1 và D.1.2.
- D.1.7. Trường hợp vẫn còn nhiều hơn hai đội bằng nhau thì sẽ lập lại theo cách số D.1.3.
- D.1.8. Sự xếp hạng luôn được xác định bằng sử dụng tỷ số trung bình (điểm thắng/điểm thua).

D.2. Ngoại trừ.

Nếu chỉ có 3 đội tham gia thi đấu và tình huống không được giải quyết bằng cách dùng các bước đã đưa ra ở trên (sự phân hạng xác định bằng tỷ số trung bình), thì tiếp đó sẽ xác định thứ hạng bằng tổng số điểm đã ghi được.

Các ví dụ:

Các kết quả giữa A, B, C:

A và B 82 - 75

A và C 64 - 71

B và C 91 - 84

Tên đội	Số trận đấu	Thắng	Thua	Tổng số điểm	Điểm thắng-thua	Tỷ số trung bình
A	2	1	1	3	146:146	1,000
B	2	1	1	3	166:166	1,000
C	2	1	1	3	155:155	1,000

Vì vậy:

Nhất B - 166 điểm

Nhì C - 155 điểm

Ba A - 146 điểm

Nếu các đội vẫn hoà nhau theo các bước ở trên, thì sẽ phải rút thăm để xác định thứ hạng cuối cùng. Phương pháp này sẽ được ban trọng tài hoặc Ban tổ chức địa phương quyết định.

D.3. Các ví dụ thêm về phân hạng.

D.3.1. Hai đội có số điểm ngang nhau và họ chỉ thi đấu một trận.

Tên đội	Số trận đấu	Thắng	Thua	Tổng số điểm
A	5	4	1	9
B	5	4	1	9
C	5	3	2	8
D	5	2	3	7
E	5	2	3	7
F	5	0	5	5

Đội thắng trong trận đấu giữa A và B sẽ đứng thứ nhất và đội thắng giữa D và E sẽ được xếp hạng thứ 4.

D.3.2. Hai đội trong một bảng – có số điểm bằng nhau và đấu hai trận trực tiếp giữa họ.

Tên đội	Số trận đấu	Thắng	Thua	Tổng số điểm
A	10	7	3	17
B	10	7	3	17
C	10	6	4	16
D	10	5	5	15
E	10	3	7	13
F	10	2	8	12

Các kết quả giữa A và B có thể là:

D.3.2.1. Đội A thắng cả 2 trận:

Vì vậy: Nhất A
Nhì B

D.3.2.2. Mỗi đội thắng một trận:

A và B 90 – 82

B và A 69 – 62

Tỷ số thắng - thua:

A 152 – 151

B 151 – 152

Tỷ số trung bình:

A 1,0066

B 0,9934

Vì vậy: Nhất A
Nhì B

D.3.2.3 Mỗi đội thắng một trận:

A và B 90 – 82

B và A 70 – 62

Hai đội đều có tỷ số thắng - thua như nhau (152 - 152) và tỷ số trung bình như nhau (1,000).

Sự phân hạng sẽ được xác định bằng cách sử dụng tỷ số trung bình từ kết quả trận đấu của tất cả các trận đã thi đấu trong bảng.

D.3.3. Hơn hai đội có cùng thứ hạng:

Tên đội	Số trận đấu	Thắng	Thua	Tổng số điểm
A	5	4	1	9
B	5	4	1	9
C	5	4	1	9
D	5	2	3	7
E	5	1	4	6
F	5	0	5	5

Kết quả giữa các đội:

A và B 82 – 75

A và C 77 – 80

B và D 88 – 77

Tên đội	Số trận đấu	Thắng	Thua	Tổng số điểm	Điểm thắng - thua	Tỷ số trung bình
A	2	1	1	3	159-155	1,0258
B	2	1	1	3	163-159	1,0251
C	2	1	1	3	157-165	0,9515

Vì vậy:

Nhất A

Nhì B

Ba C

Nếu cả ba đội có tỷ số trung bình ngang bằng nhau theo thứ tự xếp hạng thì sẽ xác định thứ hạng cuối cùng theo kết quả của tất cả các trận đấu gặp nhau trong bảng.

D.3.4. Hơn hai đội có số điểm ngang nhau:

Tên đội	Số trận đấu	Thắng	Thua	Tổng số điểm
A	5	3	2	8
B	5	3	2	8
C	5	3	2	8
D	5	3	2	8
E	5	2	3	7
F	5	1	4	6

Hạng hai sẽ được thiết lập, sự phân hạng được xác định bằng cách tính theo kết quả của những trận đấu giữa các đội hoà.

Có hai khả năng:

Tên đội	I		II	
	Thắng	Thua	Thắng	Thua
A	3	0	2	1
B	1	2	2	1
C	1	2	1	2
D	1	2	1	2

Trong trường hợp I: Nhất A

B, C và D sẽ được quyết định như trong ví dụ D.3.3 nói trên.

Trong trường hợp II: Việc xếp hạng A, B, C và D sẽ được quyết định như trong ví dụ D.3.2 nói trên.

Một đội, do không có lý do xác đáng mà không có mặt đúng thời gian thi đấu quy định hay rút khỏi sân trước khi kết thúc trận đấu thì sẽ thua trận đấu do bỏ cuộc và sẽ được 0 điểm trong bảng xếp hạng.

Bổ sung thêm, Ủy ban kỹ thuật có thể quyết định loại đội đứng cuối cùng trong vị trí xếp hạng. đương nhiên đội đó sẽ không được xếp hạng nếu đội đó vì

phạm luật nhiều lần. Tuy nhiên, các kết quả thi đấu mà đội đó đạt được vẫn có giá trị đối với mục đích xếp hạng chung của giải.

E - THỜI GIAN QUẢNG CÁO PHÒNG VẤN GIỮA HIỆP

E.1. Định nghĩa: Ban tổ chức tự quyết định thời gian quảng cáo có thể là: 60, 75, 90 hoặc 100 giây.

E.2 Luật quy định.

E.2.1. Khi kết thúc mỗi hiệp chính được một lần quảng cáo và thường tính thời gian hội ý đối với mỗi hiệp phụ không có thời gian quảng cáo.

E.2.2. Khoảng thời gian hội ý của đội hay thời gian quảng cáo sau khi kết thúc hiệp đấu thứ nhất là: 60, 75, 90 hoặc 100 giây.

E.2.3. Đối với các hiệp khác thời gian hội ý sẽ là 60 giây.

E.2.4. Cả hai đội sẽ được tính hai lần hội ý trong hiệp thứ nhất và ba lần hội ý trong hiệp thứ hai.

Khoảng thời gian này sẽ được tính trong suốt trận đấu và theo các cách sau:

60, 75, 90 hay 100 giây trường hợp ở hiệp thứ nhất của trận đấu sẽ xem xét đến thời gian quảng cáo.

60 giây trong trường hợp không có những tiết mục quảng cáo quan trọng.

E.3. Thực hiện.

E.3.1. Theo như quy định thì thời gian quảng cáo sẽ được thực hiện khi hiệp đấu còn lại 5 phút, tuy nhiên không nhất thiết trong mọi trường hợp.

E.3.2. Nếu không đội nào yêu cầu hội ý thì thời gian quảng cáo sẽ vào 5 phút còn lại, cơ hội thứ nhất là lúc bóng chết, cơ hội thứ hai là khi đồng hồ trận đấu đã dừng, khoảng thời gian hội ý này sẽ không tính cho bất kỳ đội nào.

E.3.3. Nếu có một đội yêu cầu hội ý trước khi hiệp đấu kết thúc 5 phút, thì thời gian hội ý sẽ được sử dụng như thời gian quảng cáo. Thời gian hội ý này sẽ được tính cho cả thời gian quảng cáo và thời gian hội ý của đội có yêu cầu.

E.3.4. Như vậy, sẽ có tối thiểu là một lần hội ý cho mỗi hiệp, tối đa là sáu lần hội ý cho hiệp thứ nhất và 8 lần cho hiệp đấu thứ hai.

PHẦN II

TRANG THIẾT BỊ MÔN BÓNG RỔ

Tất cả những câu hỏi điều tra liên quan tới toàn bộ trang thiết bị môn bóng rổ đã được thực hiện đối với cả nam và nữ, trọng tài thời gian, trọng tài ghi điểm, trọng tài 24 giây. Điều này được tiến hành vì lợi ích thiết thực cho việc tổ chức và thi đấu.

GIỚI THIỆU

Phần trang thiết bị môn Bóng rổ của Điều luật quy định tất cả các trang thiết bị cần thiết cho một trận thi đấu. Qua điều tra các cuộc thi đấu trình độ cao, cho thấy nhưng đòi hỏi về các trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu đối với cuộc thi đấu trình độ này, sẽ đáp ứng tốt cho các cuộc thi đấu trình độ trung bình và tất cả các cuộc thi đấu khác. Điều tra các cuộc thi đấu trình độ trung bình cho thấy trang thiết bị đáp ứng với trình độ này sẽ đáp ứng tốt cho tất cả các cuộc thi đấu khác.

Phụ lục này phải được tất cả các bên liên quan trực tiếp tới trận thi đấu, cũng như các nhà sản xuất trang thiết bị, các ban tổ chức địa phương và Liên đoàn Bóng rổ quốc tế thông qua cho phép sử dụng và xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế về trang thiết bị.

Các cuộc thi đấu được phân chia thành 3 nhóm trình độ như sau :

- Các cuộc thi đấu trình độ cao (trình độ cấp 1): các cuộc thi đấu chính thức của Liên đoàn Bóng rổ quốc tế được quy định tại Điều 1.1.1 theo Điều lệ Liên đoàn Bóng rổ quốc tế về điều hành tổ chức các cuộc thi đấu.

Đối với các cuộc thi đấu chính thức của Liên đoàn Bóng rổ quốc tế (trình độ cấp 1 và cấp 2) như các cuộc thi đấu Olympic. Các giải vô địch thế giới nam và nữ và vô địch U21, U19, các cuộc thi đấu vô địch của nam và nữ, vô địch U20 khu vực thì các trang thiết bị phải được Liên đoàn bóng rổ quốc tế phê chuẩn và dán tem biểu tượng đã được thông qua của Liên đoàn bóng rổ quốc tế ở bên cạnh.

- Các cuộc thi đấu trình độ trung bình (trình độ cấp 2) : tất cả các cuộc thi đấu chính thức khác như quy định ở Điều 1.1.2 và 1.1.3 của Điều lệ

Liên đoàn Bóng rổ quốc tế về điều hành tổ chức các cuộc thi đấu của Liên đoàn Bóng rổ quốc tế và các cuộc thi đấu đỉnh cao của các Liên đoàn bóng rổ quốc gia.

- Các cuộc thi đấu khác (trình độ cấp 3) : không bao gồm những cuộc thi đấu nêu ở trên.

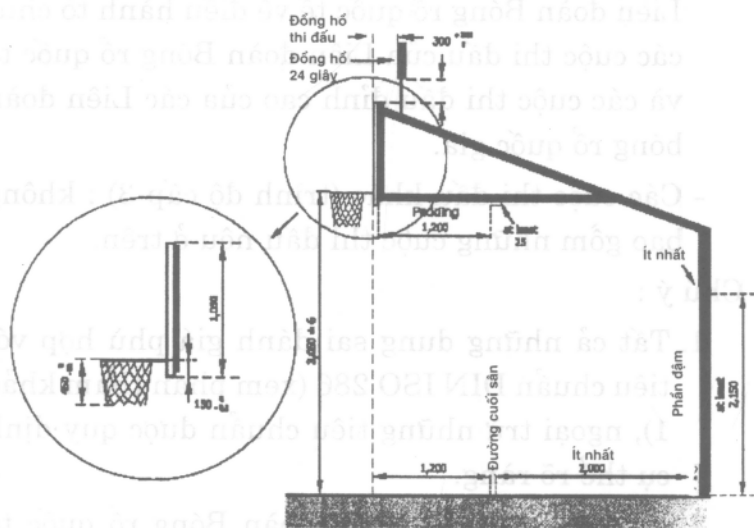
Chú ý :

1. Tất cả những dung sai đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn DIN ISO 286 (xem phần tham khảo 1), ngoại trừ những tiêu chuẩn được quy định cụ thể rõ ràng.
2. Việc điều tra của Liên đoàn Bóng rổ quốc tế tiến hành để xuất bản cuốn “Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị môn Bóng rổ đối với các cuộc thi đấu đỉnh cao” và cuốn “Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị bóng rổ quy mô nhỏ”.

1. Bảng rổ và giá đỡ

Có bảng rổ và giá đỡ (hình 7), đặt ở cuối mỗi bên sân thi đấu và bao gồm các bộ phận sau:

- Một bảng rổ
- Một vòng rổ
- Một lưới rổ
- Một giá đỡ trợ lực
- Phần đệm



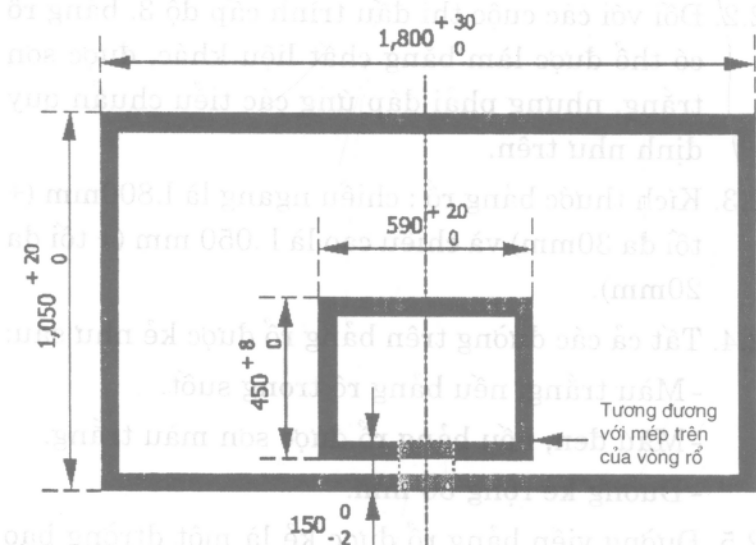
Hình 7: Bảng rổ và giá đỡ

2. Bảng rổ

2.1. Bảng rổ được làm bằng chất liệu thích hợp trong suốt, làm bằng một miếng liền, không phản chiếu, bề mặt trước bằng phẳng (đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2 được làm bằng một tấm kính cứng an toàn), bao gồm :

- Có khung bảo vệ giá đỡ trợ lực xung quanh ở mép bên ngoài.
- Được chế tạo như vậy để trong trường hợp bị vỡ các miếng kính không vỡ tách nhỏ ra.

- 2.2. Đối với các cuộc thi đấu trình cấp độ 3, bảng rổ có thể được làm bằng chất liệu khác, được sơn trắng, nhưng phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định như trên.
- 2.3. Kích thước bảng rổ : chiều ngang là 1.800mm (+ tối đa 30mm) và chiều cao là 1.050 mm (+ tối đa 20mm).
- 2.4. Tất cả các đường trên bảng rổ được kẻ như sau:
- Màu trắng, nếu bảng rổ trong suốt.
 - Màu đen, nếu bảng rổ được sơn màu trắng.
 - Đường kẻ rộng 50 mm.
- 2.5. Đường viền bảng rổ được kẻ là một đường bao xung quanh (như hình 8) và một hình chữ nhật ở sau vòng rổ có kích thước như sau:
- Kích thước bên ngoài: (chiều ngang là 590 mm (+ tối đa 20mm) và chiều rộng là 450mm (+ tối đa 8mm).
 - Mép trên đường viền hình chữ nhật sẽ tương đương với mép trên của vòng rổ và cách mép dưới của đường viền bảng rổ là 150mm (- 2mm).
- 2.6. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1, mỗi bảng rổ sẽ được trang bị ánh sáng ở mép trong đường viền bảng rổ và bật sáng màu đỏ khi có tín hiệu âm thanh thông báo kết thúc thời gian thi đấu của hiệp đấu.



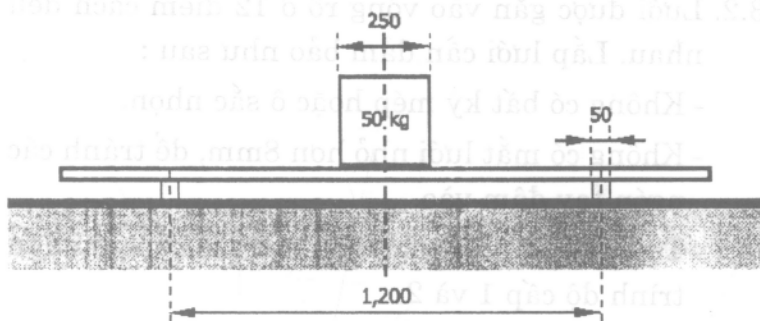
Hình 8: Bảng rỗ

2.7. Bảng rỗ sẽ được lắp chắc chắn trên giá đỡ trợ lực bảng rỗ ở cuối mỗi bên của sân thi đấu tại các góc bên phải sân nhà thi đấu, song song với các đường cuối sân (Hình 8).

Đường thẳng đứng từ điểm giữa chiều ngang trên bề mặt bảng rỗ kéo dài vuông góc với sân nhà thi đấu, tiếp xúc với mặt sân và cách mép trong điểm giữa của đường cuối sân là 1200mm trên đường thẳng tưởng tượng vuông góc với đường cuối sân đó.

2.8. Kiểm tra độ chắc chắn của tấm kính an toàn.

- Một khối lượng hình vuông nặng 50kg (rộng, cao 250mm, và dài 1100mm) được đặt tại điểm giữa của tấm kính bằng rỗ (không có khung), được đặt nằm ngang trên 2 thanh gỗ song song cách nhau 1200 mm (Hình 9) thì độ thay đổi bề mặt của tấm kính theo phương thẳng đứng tối đa là 3mm.



Hình 9: Độ bền vững chắc chắn của bảng rỗ (kính)

- Khi quả bóng rỗ rơi vào bảng rỗ, bóng sẽ bật lại với độ cao bật nảy tối thiểu là bằng 50% (bằng một nửa độ cao điểm chạm bóng).

3. Vòng rỗ

3.1. Vòng rỗ được làm bằng thép cứng như sau :

- Có đường kính bên trong tối thiểu 450mm và tối đa là 457mm.

- Sơn màu cam trong hệ thống màu tự nhiên (NCS) và được Liên đoàn Bóng rổ Quốc tế phê chuẩn (xem phần tham khảo 2).

008-Y70R

0090-Y70R

1080-Y70R

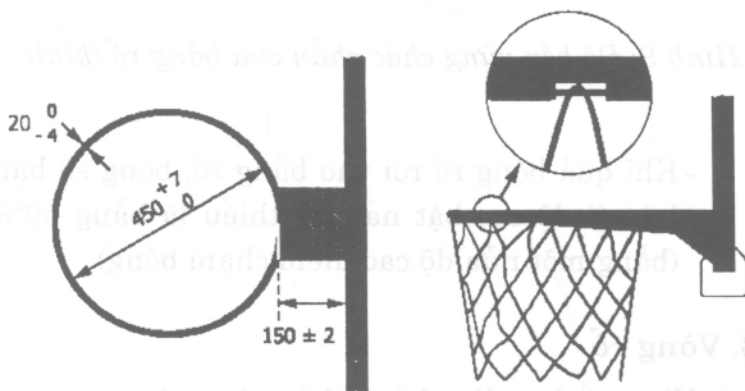
- Thanh kim loại làm vòng rổ có đường kính tối thiểu 16mm và tối đa 20mm.

3.2. Lưới được gắn vào vòng rổ ở 12 điểm cách đều nhau. Lắp lưới cần đảm bảo như sau :

- Không có bất kỳ mép hoặc ô sắc nhọn.

- Không có mắt lưới nhỏ hơn 8mm, để tránh các ngón tay đâm vào.

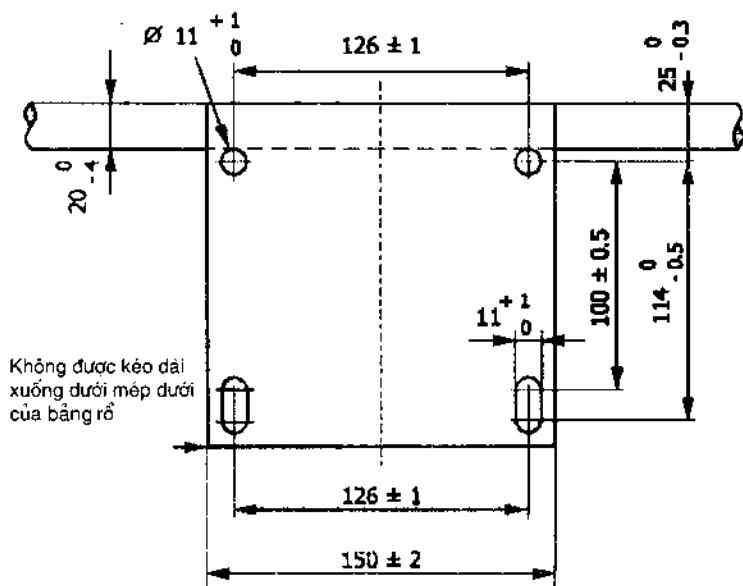
- Thiết kế như các móc câu cho các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2.



Hình 10: Vòng rổ

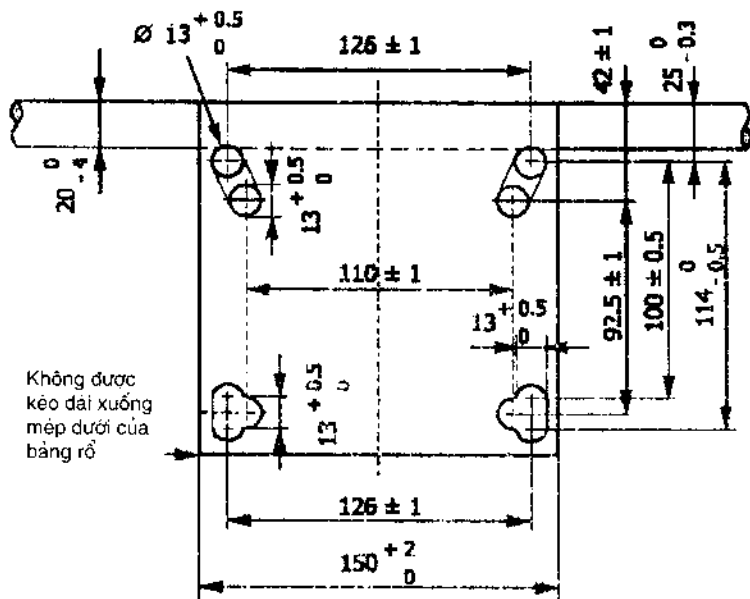
Gắn lưới (minh hoạ)

- 3.3. Vòng rở được gắn cố định vào giá đỡ trợ lực, nên bất cứ lực tác động trực tiếp vào vòng rở sẽ không tác động vào bảng rở. Vì vậy, sẽ không xảy ra tác động trực tiếp giữa vòng rở và bảng rở (Hình 10).
- 3.4. Mép trên của vòng rở được đặt nằm ngang cách mặt sân thi đấu là 3050mm (+ tối đa 6mm) và cách đều so với 2 cạnh bên của bảng rở.
- 3.5. Khoảng cách gần nhất tính từ mép trong của vòng rở tới bề mặt bảng rở là 150mm (+ tối đa 2mm).



Hình 11: Mặt trên của vòng rở

3.6. Vòng rỏ được gắn cố định với giá đỡ lực theo các kích thước quy định như (hình 12).



Hình 12: Kích thước rỏ gắn vào bảng rỏ

3.7. Các vòng giảm áp lực với các đặc tính kỹ thuật sau có thể được sử dụng:

- Có độ đàn hồi gần bằng với vòng cố định. Cơ chế giảm áp lực sẽ đảm bảo cho các đặc tính này, nhưng không gây ra bất kỳ ảnh hưởng nào cho cả vòng và bảng rỏ. Thiết kế và lắp vòng giảm áp cần đảm bảo an toàn cho các cầu thủ.

- Vòng giảm áp lực với cơ cấu "khóa" chắc chắn, khi một trọng lượng tối thiểu 82 kg và tối đa 105 kg được đặt nằm ngang trên vòng rổ ở vị trí gần bằng rổ nhất mà cơ cấu khóa không bị rời ra.
- Khi vòng giảm áp lực được tháo ra, các phía trước và cạnh bên xoay tạo thành góc không quá 30 độ và không nhỏ hơn 10 độ so với vị trí nằm ngang ban đầu.
- Nên xem xét xem khi tháo bỏ vòng giảm áp, trọng lượng không còn tác động vào, vòng sẽ tự động quay lại và nhanh chóng trở về vị trí ban đầu mà không bị nứt và không bị biến dạng.
- Vòng giảm áp và vòng rổ phải có độ đàn hồi giống nhau.

3.8. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2, chỉ khi Liên đoàn Bóng rổ Quốc tế (FIBA) kiểm tra thông qua chính xác độ cao và độ đàn hồi của vòng rổ mới được sử dụng.

Độ đàn hồi của vòng rổ và giá đỡ trợ lực ở mức 35%-50% hấp thu động năng tác động và cho phép sự khác biệt là 5% giữa cả 2 vòng rổ trên cùng sân thi đấu.

Đối với các cuộc thi đấu trình độ 2 và 3, phương pháp kiểm tra dụng cụ đã được Liên đoàn Bóng

rổ Quốc tế FIBA thông qua nên sử dụng thường xuyên, ít nhất 2 lần trong năm.

4. Lưới

4.1.1. Lưới được làm bằng dây trắng và lắp như sau:

- Mặc vào các vòng;
- Làm như vậy để có thể kiểm tra ngay khi bóng qua rổ;
- Chiều dài của lưới không ngắn hơn 400mm và không dài hơn 450mm;
- Có 12 nút để gắn vào vòng rổ.

4.2. Phần trên của lưới hơi cứng để ngăn:

- Lưới lộn lên qua vòng rổ làm lưới có thể bị rối.
- Bóng bị mắc trong lưới hoặc bật nảy ra khỏi lưới.

5. Giá đỡ bảng rổ

5.1. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cao (trình độ cấp 1), chỉ sử dụng các giá đỡ trợ lực bảng rổ bằng động cơ thủy lực hoặc được gắn cố định trên sàn nhà thi đấu.

Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 2 và 3, có thể được sử dụng các giá đỡ gắn trên tường hoặc trần nhà.

Các bảng rổ gắn trên trần nhà sẽ không được sử dụng ở các nhà thi đấu có trần nhà cao hơn 10.000mm.

5.2. Lắp đặt giá đỡ bảng rổ như sau :

- Cách mép ngoài đường cuối sân kể cả phần đệm ít nhất là 2000mm (Hình 7)
- Màu sáng, tương phản với màu sân để các cầu thủ nhận biết rõ ràng.
- Gắn chắc vào sàn nhà thi đấu để tránh sự rung chuyển. Nếu không gắn vào sàn nhà thi đấu được thì giá đỡ phải bổ sung thêm trọng lượng để hạn chế tối đa sự rung chuyển.
- Giá đỡ có thể điều chỉnh được độ cao. Độ cao tính từ sàn nhà thi đấu tới mép trên vòng rổ là 3050 mm, độ cao này không được thay đổi.

5.3. Độ vững chắc của giá đỡ bảng rổ với vòng rổ phải tuân theo tiêu chuẩn quy định của EN 1270.

5.4. Thời gian, độ rung chuyển của giá đỡ bảng rổ sẽ kết thúc trong tối đa 4 giây sau khi ném một quả bóng bật bảng.

6. Phần đệm

6.1. Bảng rổ và giá đỡ bảng rổ phải được bọc đệm.

6.2. Phần đệm bao quanh bảng rổ dày tối thiểu là 20mm (Hình 13).

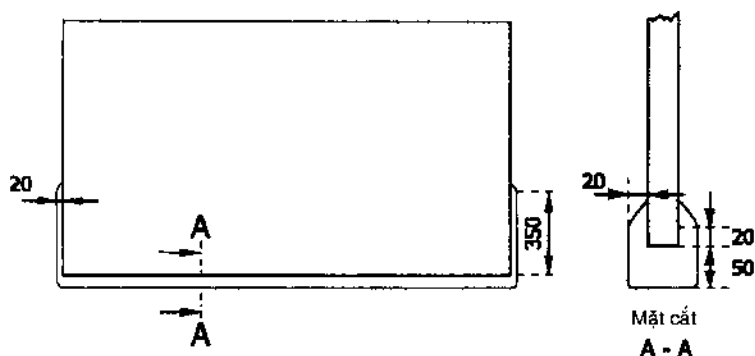
- Toàn bộ cạnh dưới được bọc đệm và các cạnh bên cũng được bọc đệm cao tối thiểu 350mm tính từ cạnh dưới.
- Cạnh dưới được bọc đệm cả mặt trước và mặt sau của bảng rõ với chiều cao tối thiểu là 20mm tính từ mép ngoài cạnh dưới bảng rõ.

6.3. Phần đệm giá đỡ bảng rõ như sau :

- Đường thẳng đứng ở mỗi bên cao tối thiểu 2150mm tính từ sàn nhà thi đấu và dày tối thiểu là 100mm (Hình 7).
- Mặt dưới và các mặt bên cạnh của cánh tay đòn giá đỡ bảng rõ được bọc đệm dài tối thiểu là 1200mm dọc theo cánh tay đòn tính từ mép sau bảng rõ và dày tối thiểu 25mm (Hình 7).

6.4. Tất cả phần đệm như sau :

- Được bọc đệm để tránh sự leo chèo do bóng bị kẹt.
- Có độ đàn hồi tối đa 50%, có nghĩa khi một lực tác động vào phần đệm, độ đàn hồi của phần đệm không vượt quá 50% độ đàn hồi ban đầu.
- Kiểm tra theo tiêu chuẩn EN 913, phụ lục C (xem phần tham khảo 3).
- Là màu xanh theo NCS 0090-BLOG đối với cuộc thi đấu trình độ cấp 1.



Hình 13: Phần đệm

7. Bóng rổ

7.1. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp độ 1 và 2, bề mặt bên ngoài của bóng được làm bằng da hoặc da nhân tạo, da tổng hợp.

Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 3, mặt ngoài của bóng có thể làm bằng cao su.

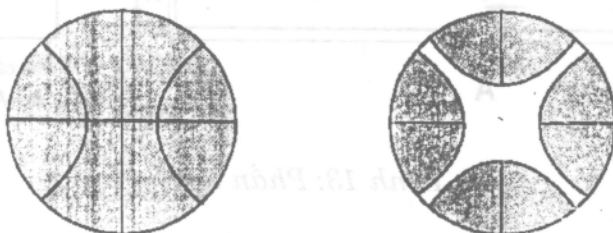
7.2. Mặt ngoài của bóng không có các chất gây độc hoặc bất kỳ chất nào có thể gây ra dị ứng. Bóng không có chất kim loại nặng (EN 71) hoặc các màu sắc AZO.

7.3. Bóng như sau :

- Hình cầu, đường may nổi màu đen, bóng có cả

màu cam hoặc màu nâu sáng đã được Liên đoàn Bóng rổ quốc tế (FIBA) phê chuẩn sự phối hợp màu (Hình 14).

- Có 8 hoặc 12 múi, rộng không quá 6,35mm (Hình 14).



Hình 14 : Bóng rổ

- Được bơm căng sao cho khi rơi xuống sàn nhà thì đầu từ độ cao khoảng 1800mm tính từ phía dưới bóng, bóng sẽ bật lên cao khoảng 1200mm tới 1400mm tính từ phía trên của quả bóng.
 - Được đánh dấu theo số cỡ riêng của bóng.
- 7.4. Đối với các cuộc thi đấu bóng rổ nam ở các trình độ, chu vi của bóng không nhỏ hơn 749mm và không lớn hơn 780mm (số 7) và trọng lượng bóng không nhẹ hơn 567g và không nặng hơn 650g.

- 7.5. Đối với các cuộc thi đấu bóng rổ nữ ở các trình độ, chu vi của bóng sẽ không nhỏ hơn 724mm và không lớn hơn 737mm (số 6) và trọng lượng quả bóng không nhẹ hơn 510g và không nặng hơn 567g.
- 7.6. Các hình thức kiểm tra sẽ được áp dụng để kiểm tra các chỉ tiêu cụ thể đã nêu ra ở trên như sau :
- Kiểm tra độ bền
 - Kiểm tra độ chịu nóng
 - Kiểm tra độ hở của van
 - Kiểm tra thực tiễn.
 - Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2, trình độ cấp 1 kiểm tra bóng đen.
- 7.7. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2, Ban tổ chức sẽ cung cấp ít nhất 12 quả bóng cùng loại và tiêu chuẩn để tập luyện và khởi động.

8. Đồng hồ thi đấu

- 8.1. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và trình độ cấp 2, đồng hồ thi đấu (hình 15) như sau:
- Là đồng hồ kỹ thuật số tính thời gian, có tín hiệu âm thanh tự động thông báo thời gian hết hiệp thi đấu ngay sau khi đồng hồ hiển thị số 0(00:00).

- Có khả năng thông báo thời gian còn lại theo số phút, giây và 1 phần 10 giây trong những phút cuối của hiệp đấu.
- Được đặt ở vị trí thuận tiện sao cho mọi người liên quan kể cả khán giả có thể nhìn thấy rõ ràng.

8.2. Nếu đồng hồ thi đấu được lắp ở trên cao giữa sân thi đấu thì phải lắp thêm hai đồng hồ thi đấu tương đồng, hoạt động đồng bộ ở trên cao cuối mỗi bên sân thi đấu sao cho mọi người kể cả khán giả nhìn thấy rõ ràng. Hai chiếc đồng hồ thi đấu phụ sẽ hiển thị kết quả thi đấu (tỉ số điểm) và thời gian thi đấu còn lại của trận đấu.

8.3. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2, hệ thống tính thời gian điều khiển bằng âm thanh, được kết nối với đồng hồ thi đấu do các trọng tài điều khiển để dừng đồng hồ thi đấu, hệ thống này được sử dụng ở tất cả các trận đấu của một giải thi đấu. Các trọng tài cũng sẽ bắt đầu bấm đồng hồ thi đấu, tuy nhiên trọng tài thời gian cũng đồng thời bấm đồng hồ tính thời gian thi đấu. Tất cả các bảng điểm đã được Liên đoàn bóng rổ quốc tế phê chuẩn sẽ tương đồng với hệ thống điều khiển âm thanh.

9. Bảng điểm

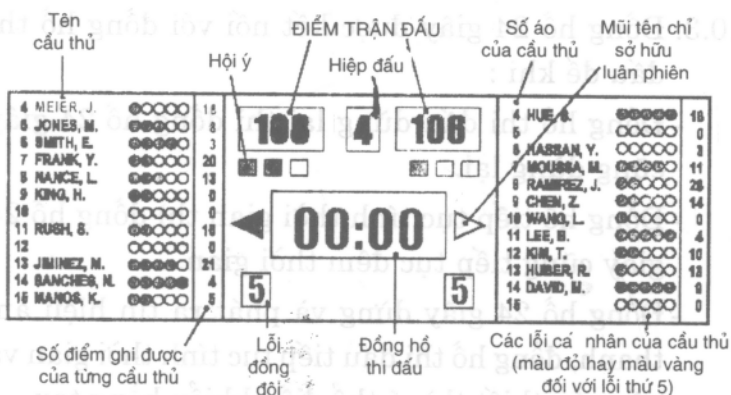
- 9.1. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và trình độ cấp 2, hai bảng điểm lớn sẽ được lắp đặt như sau:
- Tại vị trí ở cuối mỗi bên sân thi đấu và nếu có điều kiện thì lắp một bảng điểm ở trên cao, giữa sân thi đấu. Tuy nhiên bảng điểm này sẽ không thay thế được hai bảng điểm kia.
 - Tại vị trí để mọi người liên quan kể cả khán giả nhìn rõ ràng.
- 9.2. Thiết bị điều khiển đồng hồ thi đấu sẽ được trang bị cho trọng tài thời gian và thiết bị riêng điều khiển bảng điểm sẽ được trang bị cho trợ lý trọng tài ghi điểm. Các thiết bị điều khiển không phải là các bàn phím máy tính. Mỗi thiết bị điều khiển cho phép dễ dàng sửa chữa bất kỳ dữ liệu không đúng và có thể lưu lại tất cả các dữ liệu trận đấu trong tối thiểu 30 phút.
- 9.3. Bảng điểm sẽ bao gồm chỉ số sau :
- Đồng hồ kỹ thuật số tính thời gian thi đấu.
 - Số điểm đạt được của mỗi đội và số điểm đạt được của mỗi cầu thủ.
 - Số áo của mỗi cầu thủ; đối với cuộc thi đấu trình độ cấp 1 thì bổ sung thêm họ tên của từng cầu thủ.
 - Tên của hai đội.

- Số lỗi vi phạm của mỗi vận động viên trong đội từ 1 đến 5. Lỗi vi phạm thứ 5 sẽ được thông báo bằng màu đỏ hoặc màu cam. Chữ số được thể hiện với 5 chỉ số hoặc số hiển thị có chiều cao tối thiểu là 135mm. Hơn nữa, lỗi vi phạm thứ 5 có thể được thông báo bằng sự hiển thị đèn nháy chậm (tương đương 1 Hz) trong 5 giây.
 - Số lỗi phạm của đội hiển thị từ số 1 đến số 5, dừng ở số 5.
 - Số hiệp hiển thị từ hiệp 1 đến 4, và chữ E hiển thị là cho hiệp phụ.
 - Số lần hội ý của một nửa thời gian thi đấu hiển thị từ số 0 đến số 3.
 - Đội ném phát bóng sau tình huống nhảy tranh bóng giành quyền sở hữu luân phiên tạm thời.
 - Đồng hồ tính thời gian hội ý. Đồng hồ thi đấu không được sử dụng để tính thời gian hội ý.
- 9.4. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và cấp 2.
- Hiển thị trên bảng điểm là màu sáng tương phản với các màu sắc.
 - Bề mặt nền bảng điểm hiển thị không bị chói mắt.
 - Hiển thị con số trên đồng hồ và tỉ số trận đấu với chiều cao tối thiểu là 300mm và rộng tối thiểu là 150mm.

- Hiển thị số lỗi, đội vi phạm và các hiệp có chiều cao tối thiểu là 250mm và rộng tối thiểu là 125mm.
- Đồng hồ thi đấu trên bảng điểm, tỉ số trận đấu và đồng hồ 24 giây nên có góc nhìn tối thiểu là 130 độ.

9.5. Bảng điểm như sau :

- Không có cạnh sắc/gờ sắc.
- Được lắp đặt đảm bảo an toàn.
- Có thể chịu tác động mạnh từ bất kỳ quả bóng nào.
- Có khung bảo vệ đặc biệt nếu cần thiết, nhưng không làm giảm độ sáng, rõ của bảng điểm.
- Có khả năng tương thích điện từ theo những yêu cầu ở mỗi quốc gia.



Hình 15: Bảng điểm cho trình độ cấp 1

10. Đồng hồ 24 giây

10.1. Đồng hồ 24 giây bao gồm:

- Một bộ phận điều khiển riêng được trọng tài đồng hồ 24 giây sử dụng với tín hiệu âm thanh tự động để thông báo kết thúc thời gian 24 giây khi đồng hồ hiển thị hiện lên số 0.
- Một bộ phận kỹ thuật số hiển thị đếm lùi thời gian, thông báo thời gian theo từng giây.

10.2. Đồng hồ 24 giây có chức năng như sau:

- Bắt đầu đếm lùi từ 24 giây.
- Dừng lại với sự hiển thị thông báo những giây còn lại.
- Tiếp tục đếm tiếp từ lúc đồng hồ 24 giây bị dừng.
- Nếu cần thì không hiển thị thời gian.

10.3. Đồng hồ 24 giây được kết nối với đồng hồ thi đấu để khi :

- Đồng hồ thi đấu dừng lại thì đồng hồ 24 giây cũng dừng lại.
- Đồng hồ tiếp tục tính thời gian thì đồng hồ 24 giây cũng tiếp tục đếm thời gian.
- Đồng hồ 24 giây dừng và phát ra tín hiệu âm thanh, đồng hồ thi đấu tiếp tục tính thời gian và nếu cần thiết thì có thể điều khiển bằng tay.

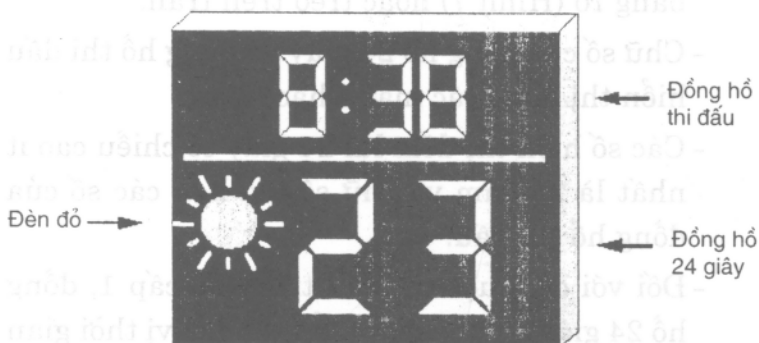
10.4. Đồng hồ 24 giây hiển thị các bộ phận (như hình 16), cùng với một đồng hồ thi đấu và đèn màu đỏ như sau:

- Được lắp ở trên mỗi giá đỡ bảng rổ cách mép trên bảng rổ ít nhất là 300mm và ở phía sau bảng rổ (Hình 7) hoặc treo trên trần.
- Chữ số của đồng hồ 24 giây và đồng hồ thi đấu hiển thị bằng các màu khác nhau.
- Các số hiển thị đếm lùi 24 giây có chiều cao ít nhất là 230mm và chữ số lớn hơn các số của đồng hồ thi đấu.
- Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1, đồng hồ 24 giây có 3 bề mặt hiển thị đơn vị thời gian để mọi người liên quan đến trận đấu kể cả khán giả nhìn được rõ ràng. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 2 và 3 thì cũng nên sử dụng đồng hồ 24 giây này.
- Trọng lượng tối đa của đồng hồ 24 giây 3 chiều kể cả giá đỡ không nặng quá 80 kg.
- Được kiểm tra độ an toàn đối với tác động và chạm với bóng theo tiêu chuẩn DIN 18032-3 (Xem phần tham khảo 8).
- Có khả năng tương thích điện từ phù hợp với các yêu cầu theo từng quốc gia.

10.5. Bộ phận hiển thị ánh sáng trên đồng hồ 24

giây bao gồm :

- Một đèn đỏ.
- Đồng bộ với đồng hồ 24 giây để bật sáng khi các tín hiệu âm thanh thông báo kết thúc thời gian 24 giây.



Hình 16 : Đồng hồ 24 giây hiển thị, đồng hồ thi đấu và đèn đỏ cho các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và trình độ cấp 2 (mình họa).

11. Các tín hiệu

11.1. Có ít nhất 2 tín hiệu âm thanh riêng biệt, rõ ràng :

- Một tín hiệu dành cho trọng tài thời gian và trọng tài điểm, tín hiệu này phát ra âm thanh tự động thông báo kết thúc thời gian của hiệp

đấu. Trọng tài thời gian và trọng tài điểm có thể điều khiển phát tín hiệu âm thanh bằng tay khi thích hợp để thu hút sự chú ý của các trọng tài.

- Một tín hiệu dành cho trọng tài đồng hồ 24 giây, sẽ phát ra tín hiệu âm thanh tự động để thông báo kết thúc thời gian 24 giây.

11.2. Cả hai tín hiệu với âm lượng lớn, rõ ràng, dễ nghe trong điều kiện ồn ào và đông đúc. Âm lượng âm thanh sẽ được điều chỉnh theo qui mô của nhà thi đấu và tiếng ồn của khán giả, âm lượng âm thanh tối thiểu là 120dBA đo được ở cách nơi phát ra âm thanh là 1m. Phải được kết nối với hệ thống âm thanh của nhà thi đấu.

12. Bảng báo lỗi cá nhân

Bảng báo lỗi cá nhân được trọng tài ghi điểm sử dụng như sau :

- Màu trắng.
- Các số có chiều cao ít nhất là 200mm và rộng 100mm.
- Hiện thị từ số 1 đến số 5 (từ số 1 tới số 4 màu đen và số 5 màu đỏ).

13. Bảng báo lỗi đội

13.1. Hai bảng báo lỗi đội do trọng tài ghi điểm sử dụng như sau:

- Màu đỏ.
- Cao ít nhất là 350mm và rộng 200mm.
- Đặt ở hai bên bàn trọng tài để mọi người liên quan kể cả khán giả có thể nhìn thấy rõ ràng.
- Sử dụng chỉ số các lỗi đồng đội tới 5 lỗi và thông báo một đội vi phạm lỗi đồng đội.

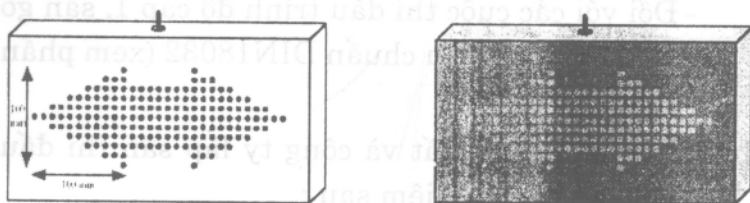
13.2. Nếu có thiết bị điện hay điện tử đáp ứng những yêu cầu trên thì có thể sử dụng.

14. Mũi tên chỉ luân phiên

14.1. Mũi tên xác định đội sở hữu bóng tạm thời (hình 17) do trọng tài ghi điểm sử dụng như sau :

- Một mũi tên dài ít nhất là 100mm và cao 100mm.
- Hiện thị trên mặt trước của mũi tên, khi bật sáng thể hiện hướng sở hữu bóng tạm thời.
- Đặt ở giữa bàn trọng tài để mọi người liên quan kể cả khán giả nhìn thấy rõ ràng.

14.2. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 bảng điểm bao gồm cả mũi tên hiện thị sở hữu bóng tạm thời.



Hình 17: Thiết bị chỉ luân phiên sở hữu bóng
(minh họa).

15. Mặt sân thi đấu

15.1. Mặt sân thi đấu được làm bằng :

- Sân gỗ cố định (đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2).
- Sân gỗ di động (đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1 và 2).
- Sân gỗ nhân tạo (đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 2 và 3).
- Sân gỗ nhân tạo di động (đối với cuộc thi đấu trình độ cấp 2 và 3).

15.2. Kích thước sân thi đấu như sau :

- Dài tối thiểu là 32000mm và rộng tối thiểu là 19000mm.
- Bề mặt sân không tương phản ánh sáng.

- Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1, sàn gỗ cố định, theo tiêu chuẩn DIN18032 (xem phần tham khảo 7).

15.3. Các nhà sản xuất và công ty lắp sân thi đấu phải có trách nhiệm sau :

- Đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và 9002 (xem tham khảo 9).
- Cung cấp thông tin tài liệu về kết quả đánh giá chất lượng, quy trình lắp sân thi đấu, kết quả kiểm tra đánh giá, bảng phê chuẩn chất lượng của cán bộ kiểm tra chất lượng.

15.4. Chiều cao của trần nhà thi đấu hoặc chướng ngại vật treo trên trần nhà phải cách mặt sân thi đấu ít nhất là 7m.

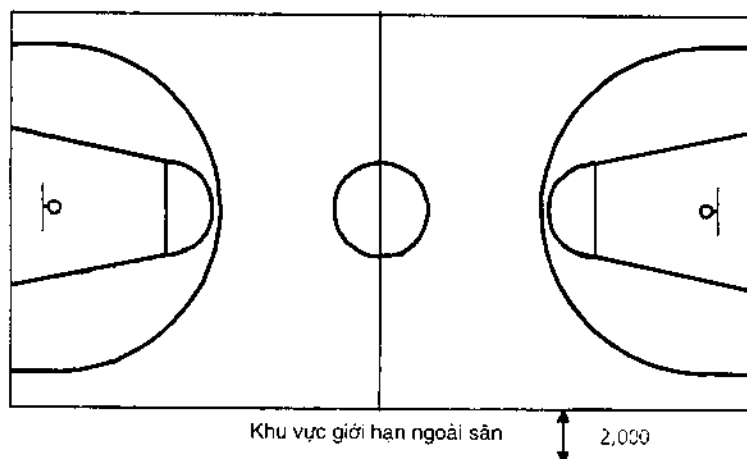
16. Sân thi đấu

16.1. Sân thi đấu được giới hạn bởi :

- Các đường biên rộng là 50mm theo điều luật bóng rổ .
- Đường giới hạn khu vực xung quanh (Hình 18), được sơn màu tương phản với màu sân thi đấu và có chiều rộng ít nhất là 2000m.

Màu sơn của khu vực xung quanh phải đồng màu với vòng tròn giữa sân và các khu vực giới hạn xung quanh khác.

- 16.2. Bàn trọng tài dài ít nhất là 6000mm và cao 800mm phải được đặt trên bục cao ít nhất là 200mm.
- 16.3. Tất cả các khán giả phải ngồi cách mép ngoài đường giới hạn khu vực xung quanh sân thi đấu ít nhất là 5000mm.



Hình 18: Sân thi đấu

7. Ánh sáng

- 17.1. Mặt sân thi đấu phải được chiếu sáng đều và có ánh sáng thích hợp. Đèn chiếu sáng được đặt ở vị trí sao cho không ảnh hưởng tới các cầu thủ cũng như trọng tài điều khiển trận đấu.

17.2. Bảng dưới đây quy định các mức độ sáng đã được Liên đoàn Bóng rổ Quốc tế (FIBA) phê chuẩn để đáp ứng yêu cầu truyền hình trận đấu. Các mức độ ánh sáng được đo từ độ cao cách mặt sân thi đấu là 1500 mm.

Competitions	Luminance – E (lux)			Uniformity		Lamps / colour	
	Description	E _{min}	U.G % / 2m	U1 E _{min} / E _{max}	U2 E _{min} / E _{max}	Colour ¹ Tempera- ture Tc	Colour Rendering CRI : Ra
Level 1	Side-rod/ Exam table	1.800	5	0.5	0.7	3.000 - 6.000	50
	SDTV ² Exam table	1.400	5	0.5	0.7		
	HORI- ZONTAL	1.500-3.000	5	0.6	0.7		
Level 2	SDTV ² Exam table	1.400	5	0.5	0.7	3.000 - 6.000	90
	HORI- ZONTAL	1.500-2.500	5	0.6	0.7		
Level 3	Exam table	1.000	10	0.5	0.6	3.000 - 6.000	90
	HORI- ZONTAL	1.000-2.000	10	0.6	0.7		

17.3. Việc bố trí ánh sáng cần phải :

- Tại vị trí thích hợp để giảm độ tương phản.
- Phù hợp với quy định an toàn của quốc gia về thiết bị điện ở từng quốc gia.
- Cung cấp điều kiện ánh sáng cấp thứ 3 theo tiêu chuẩn quy định trong trường hợp bị mất điện.

17.4. Đối với các cuộc thi đấu có trình độ cấp 1, hệ thống ánh sáng như sau :

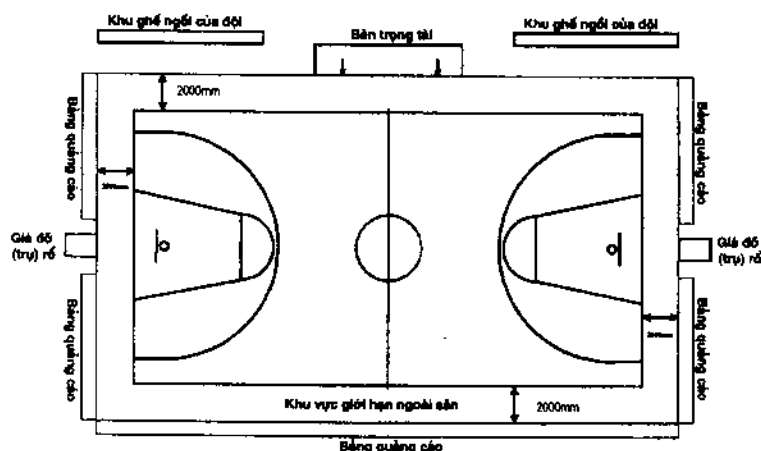
- Trang bị hệ thống dây để tạo ra 4 đường dây, mỗi đường dây ở mỗi góc sân thi đấu.
- Mỗi đường dây đều có khả năng tải điện năng cho một bộ 4 đèn.
- Mỗi bộ đều có dây cáp đồng bộ và thuận lợi cho các phóng viên ảnh để thay đổi vị trí ghi hình xung quanh khu vực giá đỡ bảng rõ.
- Mỗi bộ đèn được đặt ở mép ngoài khu vực giới hạn xung quanh sân thi đấu ít nhất là 5000mm với độ cao là 15000mm.
- Có 4 ổ cắm được đặt cách đèn 2000mm. Mỗi ổ cắm là riêng rẽ và được đảm bảo đối với tác động khốc va chạm.
- Thiết bị điện phải an toàn và lắp đặt ngoài tầm với của khán giả.
- Các bóng chiếu sáng phải lắp đảm bảo an toàn để tránh bị rơi.

17.5. Không được dùng đèn flash để chụp ảnh trong khi thi đấu.

18. Các bảng quảng cáo

18.1. Các biển quảng cáo được đặt xung quanh sân thi đấu.

- Được đặt cách đường cuối sân và đường biên dọc ít nhất là 2000mm (hình 19).



Hình 19: Quảng cáo trong khu vực sân thi đấu

- Các biển quảng cáo nằm dọc theo các đường cuối sân phải cách mỗi bên giá đỡ bảng rổ ít nhất là 900mm để phóng viên ghi hình hay nhân viên lau sàn nhà có thể di chuyển thuận lợi vào trong khi cần thiết.

18.2. Các biển quảng cáo có thể được phép đặt đối diện và ngang bằng với bàn trọng tài.

18.3. Các tấm biển quảng cáo sẽ :

- Không cao quá 1000mm so với sân thi đấu.
- Được bọc đệm quanh đỉnh với độ dày tối thiểu 20mm.

- Không có gờ ráp và tất cả đường mép nhẵn.
- Phù hợp với các yêu cầu an toàn quốc gia đối với thiết bị điện ở mỗi quốc gia.
- Có sự bảo vệ máy móc cho các động cơ.
- Không gây cháy.

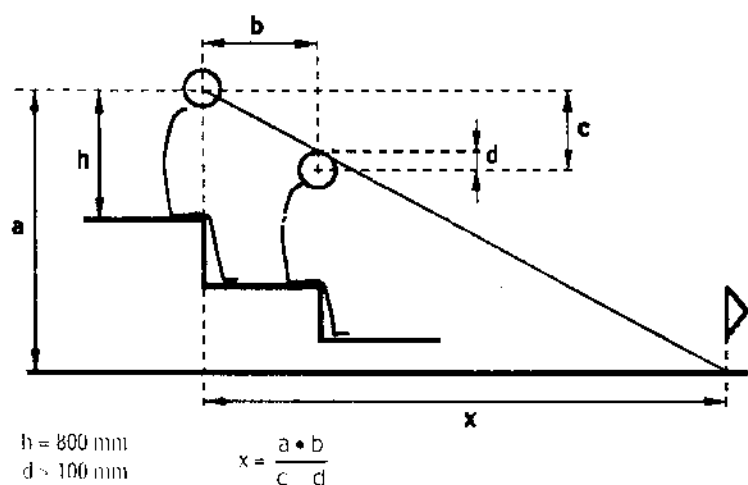
18.4. Đối với các cuộc thi đấu trình độ cấp 1, chỉ cho phép đặt các biển quảng cáo gắn động cơ chuyển động.

19. Các khu vực dịch vụ

19.1. Các khu vực dịch vụ phải phù hợp cho người khuyết tật, là các khu vực hoạt động cần thiết để tiến hành cuộc thi đấu.

19.2. Cần có các khu vực sau :

- a) Phòng thay trang phục cho các đội.
- b) Phòng thay trang phục cho các trọng tài.
- c) Phòng dành cho giám sát thi đấu và đại biểu của Liên đoàn Bóng rổ quốc tế.
- d) Phòng kiểm tra Doping.
- e) Phòng sơ cứu ban đầu.
- f) Phòng thay trang phục của nhân viên.
- g) Kho chứa đồ và phòng vệ sinh.



Hình 20: Đường tầm nhìn của khán giả

- h) Phòng điều hành.
- i) Phòng thông tin đại chúng.
- j) Khu vực dành cho khách VIP.

20. Các khu vực khán giả

20.1. Khu vực khán giả như sau :

- Thuận tiện đi lại, kể cả những người khuyết tật.
- Để khán giả có tầm nhìn, theo dõi trận thi đấu thích hợp.

- Không có vật cản tầm nhìn từ mọi ghế ngồi như ở hình 20, trừ trường hợp tiêu chuẩn địa phương cho phép ngồi lệch hướng.

20.2. Số ghế được xác định như sau, nếu các tiêu chuẩn trong nước không cho ngồi lệch hướng :

- Tổng sức chứa nhà thi đấu là tổng số ghế đứng và ngồi.
- Số chứa là tổng số ghế ngồi hoặc tổng số chiều dài các dãy ghế ngồi tính theo mét được chia cho 480mm.
- Số lượng ghế đứng là khoảng trống trong nhà thi đấu, khoảng 35 khán giả/trên 10m².

Các tiêu chuẩn trên chỉ là sự kiến nghị.

21. Các tài liệu tham khảo

1. DIN ISO 286, 1990, Hệ thống ISO về giới hạn và độ tương thích; cơ sở dung sai, độ lệch và độ chuẩn.
2. Hệ thống chuẩn màu quốc gia (SIS), doc. No. SSO 19102.
3. EN 9 13, phụ lục C, 1996 : Quyết định độ đàn hồi của phân đệm.
4. EN 71-3, 1995, tính an toàn của dụng cụ, quy định về các nhân tố.

5. EN 1270, 1998, trang thiết bị thi đấu - trang thiết bị môn bóng rổ - chức năng, điều kiện an toàn, hình thức kiểm tra.
6. DIN EN 12193, 1999 : ánh sáng, ánh sáng thể thao.
7. DIN 18032-2, 1991, sàn nhà thi đấu, quy định, kiểm tra bảo dưỡng.
8. DIN 18032-3, 1997, nhà thi đấu: nhà thi đấu môn thể dục và các trận thi đấu: kiểm tra độ an toàn đối với môn bóng ném.
9. ISO 9002, 1994: Quản lý chất lượng bảo hành.

ISO các tiêu chuẩn được Tổng thư ký ISO
ở Geneva - Thụy Sĩ cung cấp:

ISO Sales,

Case Postale 56-1211 Genve - SUISSE.

Các tiêu chuẩn của Ủy ban Châu Âu về tiêu chuẩn hoá (CEN) và các tiêu chuẩn quốc gia hiện hành của các tổ chức tiêu chuẩn quốc gia.

**Ghi chú: Một số nội dung Điều luật thay đổi
bổ xung áp dụng từ ngày 1/1/2006**

- 1- Khi có ném phạt hoặc phát bóng biên thì cả hai đội đều được quyền tạm dừng xin hội ý hoặc thay người.
 - Sau khi ném phạt quả cuối cùng trúng rổ thì cả hai đội cùng được phép tạm dừng xin hội ý hoặc thay người.
- 2- Sau quả ném phạt cuối cùng mà có phát bóng biên ở đường giữa sân kéo dài đối diện với bàn thư ký thì cả hai đội đều được phép tạm dừng xin hội ý hoặc thay người cho dù quả ném phạt đó có thành công hay không.
- 3- Trong 2 phút cuối cùng của hiệp đấu thứ 4 và các hiệp đấu phụ thì đội bị ném bóng trúng rổ sẽ được phát bóng biên ở đường giữa sân kéo dài đối diện với bàn thư ký nếu đối phương xin tạm dừng hội ý.

Mục lục

• Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban TDTT về việc ban hành Luật Bóng rổ	3
PHẦN I. LUẬT THI ĐẤU	5
Chương I. TRẬN ĐẤU	5
Điều 1. Định nghĩa	5
Chương II. KÍCH THƯỚC SÂN VÀ TRANG THIẾT BỊ THI ĐẤU	6
Điều 2. Sân thi đấu	6
Điều 3. Trang thiết bị thi đấu	12
Chương III. ĐỘI BÓNG	13
Điều 4. Đội bóng	13
Điều 5. Các cầu thủ chấn thương	18
Điều 6. Đội trưởng - Nhiệm vụ và quyền hạn	20
Điều 7. Huấn luyện viên - Nhiệm vụ và quyền hạn	20
Chương IV. LUẬT THI ĐẤU	23
Điều 8. Thời gian thi đấu, trận đấu hòa và hiệp phụ	23

<i>Điều 9. Bắt đầu, kết thúc hiệp đấu và trận đấu</i>	24
<i>Điều 10. Tình trạng của bóng</i>	25
<i>Điều 11. Vị trí của cầu thủ và trọng tài</i>	28
<i>Điều 12. Nhảy tranh bóng và quyền sở hữu bóng luân phiên</i>	28
<i>Điều 13. Cách chơi bóng</i>	33
<i>Điều 14. Kiểm soát bóng</i>	34
<i>Điều 15. Động tác ném rổ</i>	34
<i>Điều 16. Bóng được tính điểm và số điểm</i>	36
<i>Điều 17. Phát bóng biên</i>	37
<i>Điều 18. Hội ý</i>	40
<i>Điều 19. Thay người</i>	44
<i>Điều 20. Đội thua vì bị truất quyền thi đấu</i>	49
<i>Điều 21. Đội thua vì bỏ cuộc</i>	49
Chương V. PHẠM LUẬT	51
<i>Điều 22. Phạm luật</i>	51
<i>Điều 23. Cầu thủ ở ngoài biên và bóng ngoài biên</i>	51
<i>Điều 24. Luật dẫn bóng</i>	52
<i>Điều 25. Luật chạy bước</i>	54
<i>Điều 26. Luật 3 giây</i>	56

<i>Điều 27. Cầu thủ bị kèm sát</i>	57
<i>Điều 28. Luật 8 giây</i>	57
<i>Điều 29. Luật 24 giây</i>	59
<i>Điều 30. Bóng trở về sân sau</i>	61
<i>Điều 31. Can thiệp vào bóng</i>	62
Chương VI. LỖI	66
<i>Điều 32. Các lỗi</i>	66
<i>Điều 33. Va chạm - Nguyên tắc chung</i>	66
<i>Điều 34. Lỗi cá nhân</i>	78
<i>Điều 35. Lỗi hai bên</i>	80
<i>Điều 36. Lỗi phản tinh thần thể thao</i>	80
<i>Điều 37. Lỗi truất quyền</i>	82
<i>Điều 38. Lỗi kỹ thuật</i>	84
<i>Điều 39. Đánh nhau</i>	89
Chương VII. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	92
<i>Điều 40. Một cầu thủ phạm 5 lỗi</i>	92
<i>Điều 41. Lỗi đồng đội - xử phạt</i>	92
<i>Điều 42. Những trường hợp đặc biệt</i>	93
<i>Điều 43. Ném phạt</i>	95
<i>Điều 44. Sửa chữa sai lầm</i>	99

**Chương VIII: BAN TRỌNG TÀI, TRỌNG TÀI BÀN
GIÁM SÁT TRẬN ĐẤU - NHIỆM VỤ
VÀ THẨM QUYỀN** 104

Điều 45. Ban trọng tài, trọng tài bàn và giám sát trận đấu 104

Điều 46. Trọng tài chính - Nhiệm vụ và thẩm quyền 105

Điều 47. Các trọng tài - Trách nhiệm và quyền hạn 107

Điều 48. Trọng tài ghi điểm và trợ lý trọng tài ghi điểm - Trách nhiệm 110

Điều 49. Trọng tài thời gian - Trách nhiệm 112

Điều 50. Trọng tài điều khiển đồng hồ 24 giây - Trách nhiệm 114

A- Các ký hiệu của trọng tài 116

B- Bảng ghi điểm 123

C. Các thủ tục khiếu nại 135

D. Xếp hạng các đội 137

E. Thời gian quảng cáo, phỏng vấn giữa hiệp 145

PHẦN II. TRANG THIẾT BỊ MÔN BÓNG RỔ 147

LUẬT BÓNG RỔ

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Số 7 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội. ĐT: 8437013

Email: nxbtddt@vnn.vn

Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu. Q.1

TP. Hồ Chí Minh - ĐT: 8298378

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐỖ NGỌC MẠCH

Biên tập : TIẾN MẠNH

Sửa bản in : THU NGÂN

Trình bày : PHẠM HÀ

Số đăng ký KHXB: 13 - 2006/CXB/56 - 354/TDDT

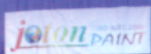
In 2000 cuốn; Khổ 13 x 19cm

In tại: Nhà in Khoa học và Công nghệ

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2006.



joton® ISO 9001:2000
PAINT
Sơn và chất phủ bề mặt



GIẢI BÓNG RỔ VÓ ĐỊCH QUỐC GIA CUP JOTON 2005

www.jotonpaint.com.vn

19/01/2005 - 03/02/2005



CÔNG TY SƠN JOTON
NHÀ TỔ CHỨC VÀ TÀI TRỢ
BÓNG RỔ VIỆT NAM

www.joton.com.vn

lượt bóng rổ (18000)



1

003041

600443

18.000 VNĐ

Giá: 18.000 Đ